

Số 224

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

Quang minh tạng
Tr. 20

Lời thề
Tr. 4



Những đôi mắt

<https://tieulun.hopto.org>
Tr. 48



Đón xem Chương trình **Lục lạc vàng** lúc 20g45 Chủ Nhật hàng tuần trên kênh **VTV1**

Và các khung giờ khác trên Đài PTTH: Bến Tre, Sóc Trăng, Kiên Giang, Tây Ninh, Bình Phước, Quảng Bình, Huế, Đắk Lắk, Bắc Kạn, Let's Viet.

TẬP ĐOÀN HOA SEN ĐỒNG TÀI TRỢ CHƯƠNG TRÌNH LỤC LẠC VÀNG



ÔNG KÉM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ÔNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC

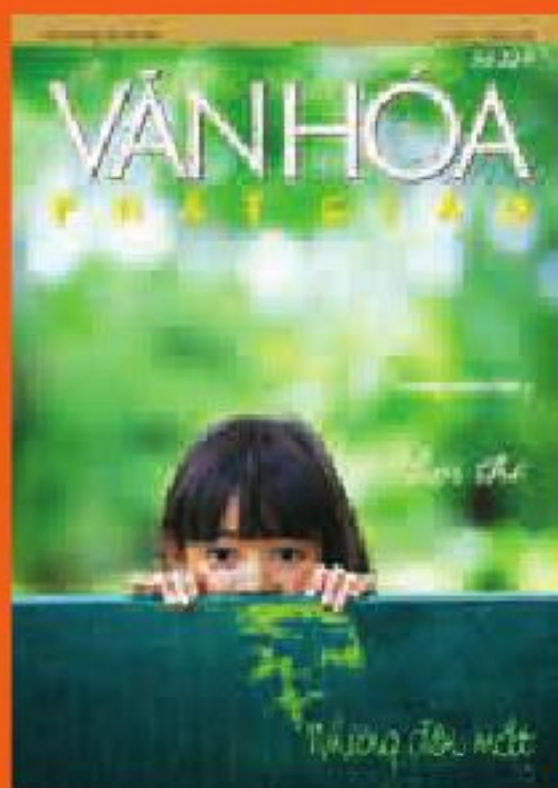


www.hoasengroup.vn



1800 1515

Tổng đài tư vấn khách hàng
<http://tieuun.hopto.org>



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUÂN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Tri sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, ĐD: 0907 164 066

Quảng cáo
Pháp Tuê, ĐD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tap chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Lời thể (Nguyễn Cần)	4
Căn cước văn hóa của "Xuân và tuổi trẻ" (Lê Hải Đăng)	8
Một văn bản cổ liên hệ đến Thiển (Nguyễn Văn Nhật dịch theo bản dịch Anh ngữ của Paul Reps)	10
Địa danh "Thọ Xương" ở đâu? (Tôn Thất Thọ)	14
Người vợ hiền trí (Ngọc Diệp)	16
Quang minh tạng (Nguyễn Thế Đăng)	20
Độc Văn tế cụ Võ Trường Toản (Nguyễn Phúc Vĩnh Ba)	23
Mất và Còn (Cao Huy Hóa)	26
Ánh sáng và bóng tối (Vĩnh Hạnh Thái Chí Bình)	29
Chữ nghĩa hành chính (Hồ Anh Thái)	32
Thực học và bằng cấp (Cao Văn Thúc)	33
Bạo lực chốn học đường (Hoàng Tá Thích)	36
Hệ quả phái sinh từ chuyển hóa bối cảnh (Thanh Hương)	38
Hoành phi câu đối tại phủ Thụy Thái vương (Nguyễn Văn Cương)	40
Tháng năm sương mù (Trần Quốc Toàn)	43
Xanh trong như nước giếng làng (Nguyễn Trọng Nghĩa)	46
Những đôi mắt (Nguyễn Đông Nhật)	48
Thơ (Trường Khánh, Nguyễn Dũng, Nguyễn Văn Doanh, TK. Vy Tiểu, Nguyễn Văn Đôn, Trà Kim Long, Nguyễn Tấn On)	50
Tấm giấy thông hành màu đỏ (Trần Kiêm Hạ)	52
Mùa hè thơ ấu (Quảng)	55
Cô dâu Ý và nếp Việt (Tùng Sâm)	56
Lời cảm ơn cuộc sống	58

Bìa 1: Mắt em đợi chờ. Nguồn: shutterstock.com

<https://tieulun.hopto.org>

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Lễ Phật đản năm nay (Phật lịch 2559) rơi vào ngày 1-6-2015, đúng một tháng sau khi Văn Hóa Phật Giáo số 224 phát hành. Theo thông lệ, số báo đặc biệt mừng lễ Phật đản của tạp chí VHPG luôn luôn được phát hành trước ngày lễ chính, do đó, số báo kế tiếp phát hành ngày 15-5-2015 sẽ là số đặc biệt mừng Phật đản; và vào đúng ngày Phật đản thì tạp chí cũng phát hành một số báo tiếp theo. Để nội dung số báo mừng Phật đản thêm phong phú, chúng tôi kính mời quý vị cộng tác viên sớm gửi thêm bài về cho tòa soạn, cùng VHPG thể hiện lòng kính ngưỡng của người con Phật trong dịp mừng Đức Từ phụ ra đời cách nay 2.639 năm tại vườn Lâm-tì-ni trên đất Ấn Độ cổ.

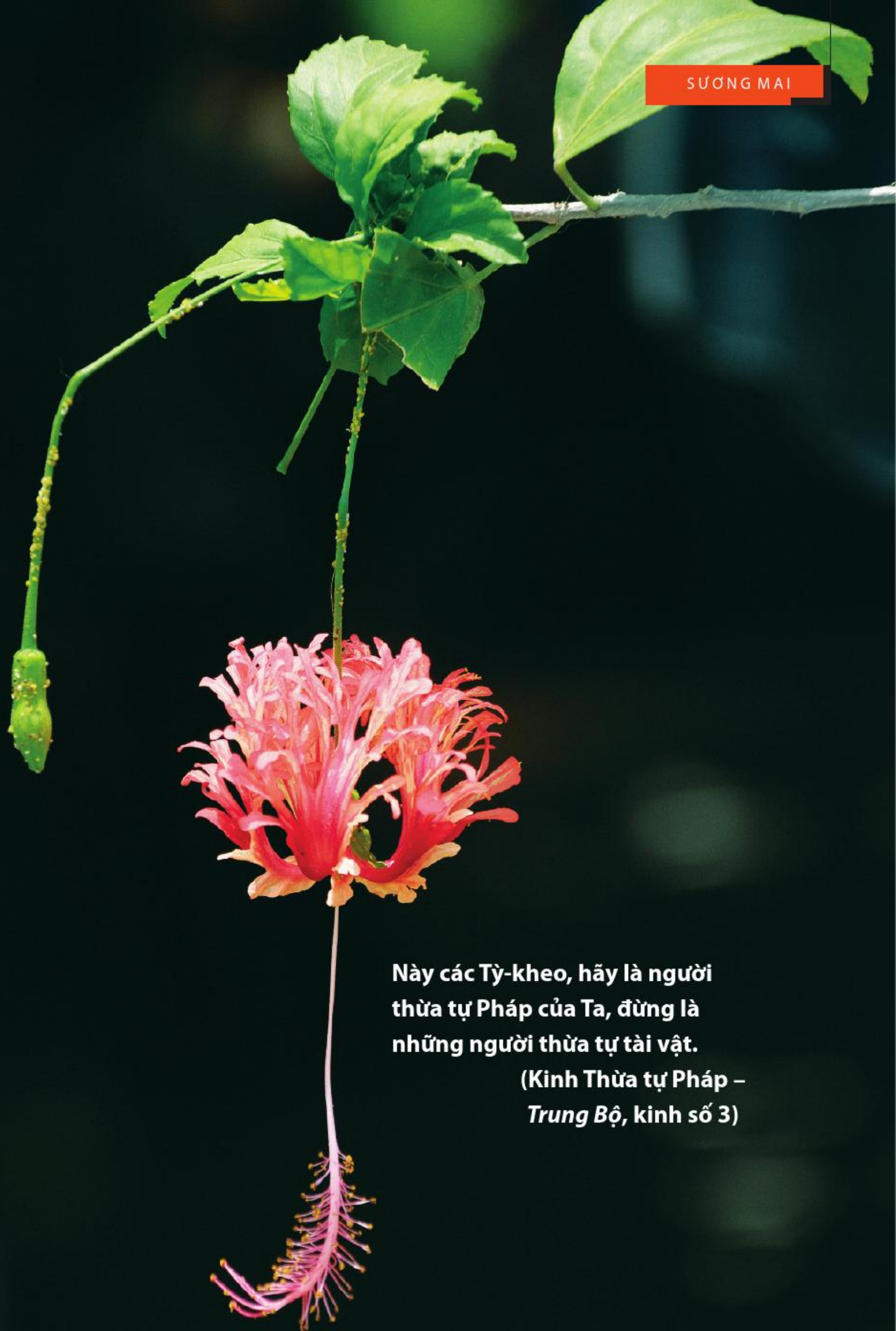
Cứ đến mùa Phật đản thì thông điệp hòa bình của bậc Chánh Đẳng Giác lại rộn lên trong lòng người con Phật. Trong hoàn cảnh nhân loại đang phải đối phó với nạn khủng bố ở cấp độ toàn cầu, thông điệp ấy lại càng trở nên có tính cách cấp bách hơn bao giờ hết. Trong mùa Phật đản sắp tới, chúng ta hãy nhắc nhở nhau cùng thực hành lời dạy của chư Phật theo bài kệ thứ 183 kinh Pháp Cú "Không làm mọi điều ác, Thành tựu các hạnh lành, Tâm ý giữ trong sạch..." hầu góp phần mang lại an lạc cho xã hội loài người, làm minh chứng cho giá trị nhân bản thấm đẫm trong những lời dạy từ bi và trí tuệ của Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật; đó chính là hành động thiết thực để nối truyền Chánh pháp với hy vọng có thể đóng góp điều gì đó cho việc mang lại an lạc trong lòng người, dẫn đến việc khôi phục hòa bình cho xã hội loài người.

Chuẩn bị bước vào mùa Phật đản Phật lịch 2559, VHPG thành tâm dâng lên chư Phật mười phương lời cầu nguyện cho toàn thể nhân loại được gia hộ, sao cho mọi người đều sớm được hưởng pháp nhũ của Phật.

Kính chúc quý độc giả thân tâm thường lạc.

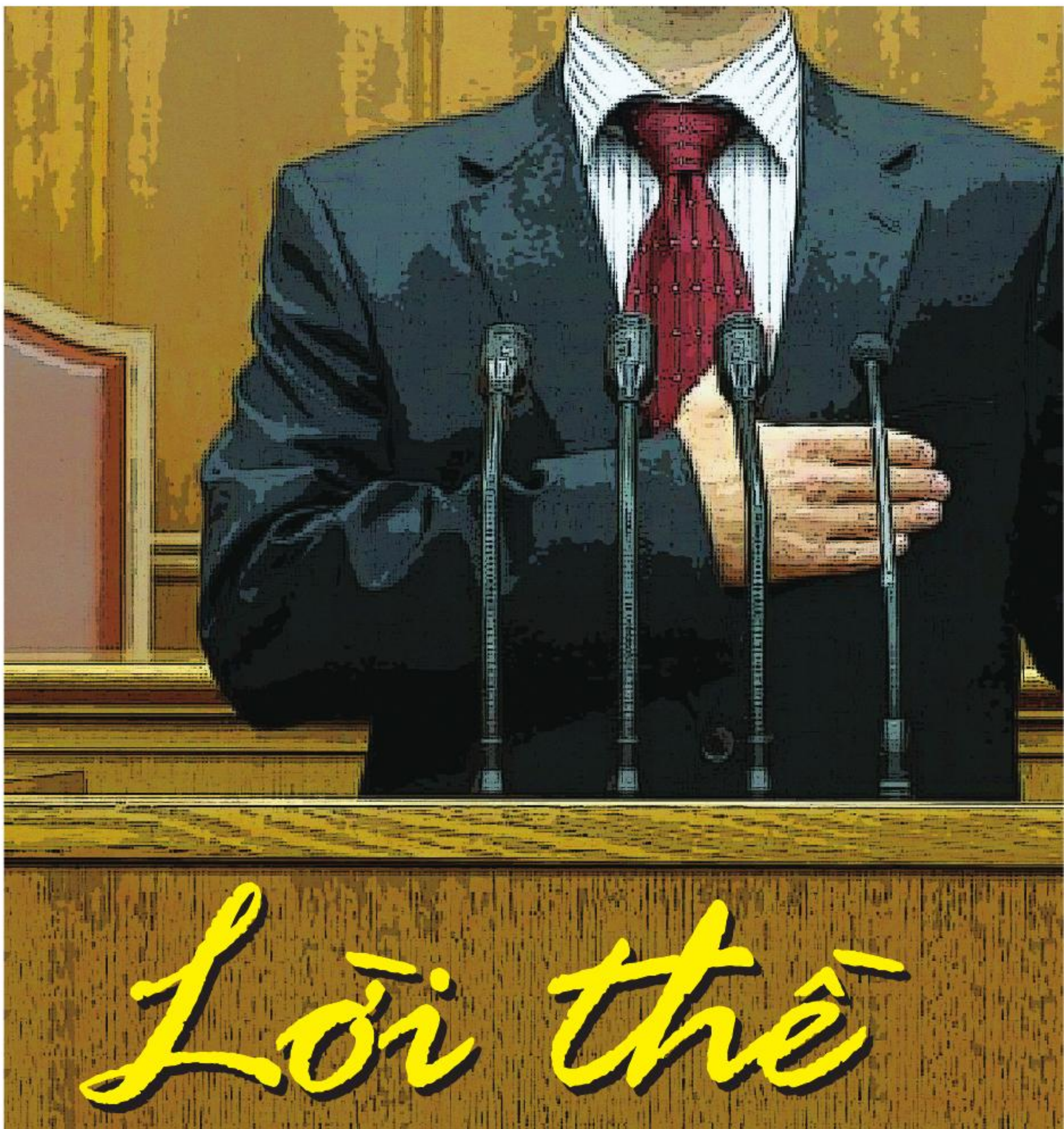
Văn Hóa Phật Giáo





**Này các Tỳ-kheo, hãy là người
thừa tự Pháp của Ta, đừng là
những người thừa tự tài vật.**

**(Kinh Thừa tự Pháp –
Trung Bộ, kinh số 3)**



Khi các quan chức thề...

Theo nguồn tin trên các nhật báo, cách đây một tháng, dư luận đã xôn xao và phẫn nộ vì việc Công ty Phú Nhật Hào (PNH) mang cá thối, thịt ôi vào chế biến bữa ăn cho trẻ em trường tiểu học ở huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Cứ tưởng sau vụ việc ấy, công ty này sẽ bị xử phạt nặng, bị tẩy chay, thậm chí bị hủy bỏ các hợp đồng đã ký với các trường; vì đó là hình phạt xứng đáng đối với những doanh nghiệp làm ăn gian dối, coi thường sức

khỏe khách hàng, nghiêm trọng hơn khi khách hàng là trẻ em. Nhưng nhiều người đã bất ngờ đến bàng hoàng khi mới đây, ngày 9/4, lại có 15 học sinh Trường Tiểu học Võ Thị Sáu ở thị xã Bến Cát cũng thuộc tỉnh Bình Dương phải nhập viện sau bữa ăn trưa, và các suất ăn này vẫn do Công ty PNH cung cấp. Nghĩa là chuyện vẫn như cũ. Theo Chi cục Vệ sinh An toàn thực phẩm tỉnh Bình Dương, Công ty PNH hiện hợp đồng nấu ăn cho 18 trường học trên địa bàn tỉnh Bình Dương với tổng cộng 14.060 phần ăn; riêng



thị xã Bến Cát có đến 8 trường với hơn 8.600 suất. Đến sự cố này, chẳng còn ai tin vào cái kiểu xử lý nửa vời của các cơ quan có thẩm quyền, từ Phòng Giáo dục cho đến Chi cục Vệ sinh An toàn Thực phẩm. Người dân có quyền hoài nghi cả lương tâm của các thầy các cô hiệu trưởng, những người đã biết Công ty PNH tống cả thối vào trường tiểu học ở Bàu Bàng mà vẫn chấp nhận những kẻ “sát nhân giấu mặt” ấy tiếp tục đầu độc học sinh trường mình. Theo điều tra của phóng viên báo *Thể Thao Và Đời Sống*, PNH

là một công ty “ma” vì khi họ lần theo địa chỉ đến khu phố Khánh Bình thì không thấy bất cứ công ty nào trưng biển hiệu PNH mà chỉ có một tiệm tạp hóa treo bảng Cơ sở nhà trọ Lê Quang Hoàng. Được biết đây là nhà riêng của gia đình Giám đốc Công ty PNH, mà theo dân địa phương thì bản thân ông Hoàng cũng chỉ là kẻ trôi giạt từ nơi khác đến, “phất” lên nhanh chóng đến không ngờ từ khi cung cấp bữa ăn cho các trường ở Bình Dương. Cũng trong số báo ấy, nhà văn Trần Nhã Thụy nhận định “... Không có cái gọi là ‘thực phẩm bẩn’ nếu không có những con người bị vấy bẩn bởi lòng tham. Và đầu độc trẻ em bằng thực phẩm chính là một tội ác”. Ông hoài nghi thậm chí nếu xử lý kiểu đối phó như cắt hợp đồng PNH thì sẽ có Phú Cường Hào, Phú Thất Tín... gì đó mọc ra; và rồi con em chúng ta tiếp tục bị đầu độc. Đảng này lại không hề có biện pháp gì. Ông Lục Kim Thanh, Trưởng phòng Giáo dục Đào tạo huyện Bến Cát, nơi có 8 trường đang hợp đồng với PNH, thể rằng: “Phòng mà chỉ đạo (nghĩa là chỉ đạo hợp đồng với PNH), *tôi chết liền!*”. Ông cam đoan mình không hề “móc ngoặc” với công ty này. Lãnh đạo Trường Long Bình thể thốt khẳng định không có chuyện mờ ám; trường ký hợp đồng để PNH cung cấp suất ăn cho học sinh vì cơ sở này làm ăn đàng hoàng. Liệu có ai tin những lời thể ấy không? Nếu các quan chức đều thể trên tính mạng của họ về sự trong sáng, về lối làm việc có lương tâm, giải quyết công việc bằng sự liêm chính, thì tại sao cái ác, cái xấu vẫn cứ tồn tại ngang nhiên trước mắt mọi người?

Lời thể ngày xưa - Lời thể hôm nay

Người dân Hải Phòng năm nào cũng cử hành trọng thể Lễ hội Minh thể ở làng Hòa Liễu thuộc xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy. Hội thể diễn ra rất hấp dẫn, quy mô hoành tráng, bởi theo lịch sử lễ hội này đã có từ gần 500 năm qua, nay được tái dựng những nghi lễ để người có chức sắc trong làng thể trước dân sẽ làm việc thanh liêm, chính trực, không tham nhũng, tư túi của công và không dùng quyền uy bức ép nhân dân.

Câu thể: *“Ai lấy của công làm của tư xin thần linh đả tử”* (nghĩa là thần linh đánh chết).

Quả thật rất có sức cuốn hút, khi mà vẫn nạn tham nhũng, tiêu cực ở “một bộ phận không nhỏ” cán bộ, đảng viên đang hằng ngày hằng giờ làm xói mòn niềm tin của người dân vào những người lãnh đạo của mình.

Có người thắc mắc là tại sao từ khi khôi phục lễ hội đến nay, không thấy “quan” thể mà chỉ thấy toàn dân thể? Nhưng các cụ giải thích rằng, không phải là “quan” không thể mà là đã thể rồi, đã hứa rồi. Đối với người đảng viên, người cán bộ, trước khi trở thành đảng viên hay cán bộ, họ đều phải đứng dưới cờ Đảng, hoặc cờ Tổ quốc, đọc những lời thể danh dự, nguyện “suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân, nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân”, “gắn bó mật thiết với nhân dân”,

“phục tùng tổ chức, kỷ luật Đảng”. Đã có những đảng viên qua các thời kỳ cách mạng sống sắt son, thủy chung, gắn bó, gắn gũi với nhân dân, giữ lời thề trước Đảng, lời hứa trước dân, suốt đời vì lợi ích của nhân dân mà phấn đấu, phục vụ, được nhân dân tin tưởng, thương yêu, đùm bọc, che chở, thậm chí có người dân đã sẵn sàng hy sinh thân mình, con em mình để bảo vệ những cán bộ, đảng viên trong thời chiến tranh.

Tác giả Nhật Minh nhận định: “Tuy nhiên, trong thực tế công tác Xây Dựng Đảng những năm qua ở nước ta, trong nhiều trường hợp nghi thức kết nạp đảng trở nên hình thức, kém nghiêm túc, mất ý nghĩa thiêng liêng. Nhiều khi lời thề của đảng viên trước cờ Đảng chỉ còn là thủ tục, một chút tình cảm thoảng qua, không để lại dấu ấn gì trong tâm hồn người đảng viên trong khoảnh khắc được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Tình trạng nhạt nhẽo, vô hồn, thậm chí giả tạo của không ít người khi thề trước Đảng ở nơi nọ, chỗ kia do nhiều nguyên nhân, trong đó có một số nguyên nhân chính sau đây:

Thứ nhất, động cơ, mục đích vào Đảng của không ít đảng viên thiếu trong sáng, không lành mạnh, nhiều khi mang nặng tính vụ lợi. Hiện nay, có một xu hướng trong xã hội là vào Đảng cốt để “thăng quan, tiến chức”, để “vinh thân, phì gia”, “lên mặt làm quan cách mạng” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng phê phán.

Thứ hai, ở không ít tổ chức đảng, việc vào Đảng một cách dễ dàng, không phải phấn đấu, thử thách qua gian khó, chỉ cần có “nguyện vọng” và sống sao cho “vừa lòng” mọi người, nhất là không làm “mất lòng” người lãnh đạo trực tiếp, chẳng những làm cho tiêu chuẩn đảng viên bị hạ thấp mà còn tạo ra tâm lý tầm thường hóa người đảng viên cũng như việc vào Đảng...

Thứ ba, có những người khi đã đứng trong hàng ngũ của Đảng, qua thời kỳ dự bị, trở thành đảng viên chính thức thì không nỗ lực, cố gắng phấn đấu nữa, cốt sao không vi phạm phẩm chất đạo đức, lối sống, không vi phạm nặng nề đường lối, quan điểm của đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thậm chí có mặt còn kém quần chúng. Điều này vô hình trung đã làm cho không ít tổ chức Đảng “đông mà không mạnh”, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bị giảm sút.

Thứ tư, trong lễ kết nạp đảng viên, nhiều nơi tổ chức không chu đáo,

không trình trọng và thiếu nghiêm trang, thậm chí đơn giản, sơ sài và chiếu lệ... Bắt đầu từ một số nguyên nhân trên đây, cộng với sự rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu không tốt của đảng viên, đồng thời sự lỏng lẻo, yếu kém trong công tác kiểm tra, giám sát, giáo dục của tổ chức và quần chúng nhân dân mà không ít đảng viên rơi vào tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tức là họ đã quên đi lời thề khi vào Đảng, thậm chí làm ngược lại những lời thề trước đây. Trong những vụ án lợi dụng chức quyền để tham nhũng, tiêu cực trong thời gian qua thì phần lớn trong số đó là những đảng viên có chức, có quyền. Những đảng viên đã không giữ vững lời thề trước Đảng thì cũng không bao giờ làm và giữ đúng lời hứa trước dân” (tạp chí *Cộng Sản*).

Điều đó cũng có thể định lượng được qua chỉ số PAPI¹ ghi nhận trong Báo cáo “Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh” (PAPI), do Chương trình Phát triển của Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam (UNDP) phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện, công bố ngày 14-4-2015 tại Hà Nội.

Với 61.000 người dân được lấy ý kiến thông qua các cuộc phỏng vấn mỗi người kéo dài từ 45 phút đến 60 phút tại 414 xã, phường, thị trấn... phần lớn ý kiến người dân cho rằng hiệu quả kiểm soát tham nhũng của các cấp chính quyền trong năm qua là “ít có chuyển biến tích cực”. Thậm chí, trong một số lĩnh vực, mức độ vơi vỉnh, những nhiều của cán bộ, công chức nhà nước là “có xu hướng gia tăng”. Ông Jairo Acuna Alfaro nêu con số: “Hiện tượng phải đưa lót tay để xin được việc làm trong cơ quan nhà nước dường như nổi cộm nhất, bởi có gần 49% số người được hỏi cho rằng có hiện tượng đó ở địa phương họ sinh sống”.

Kết quả khảo sát cho thấy có khoảng 26% số người cho rằng phải hối lộ khi xin cấp phép xây dựng; 33% ý kiến nói họ phải chi lót tay để có kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong năm 2014. Một thành viên của nhóm nghiên cứu là ông Đặng Hoàng Giang cho biết thêm: để được phục vụ tốt hơn trong bệnh viện công lập tuyến huyện, 12% bệnh nhân và người nhà bệnh nhân đã phải chi bồi dưỡng cho cán bộ y tế; ở cấp tiểu học, 30% số phụ huynh phải bồi dưỡng thêm cho giáo viên. Nếu chúng ta tin rằng những người có chức trách đã làm đúng lời hứa vì dân, hay gìn giữ lời thề luôn trong sạch... thì những con số nêu trên là “xuyên tạc”.

Lời thề là sự cam kết một cách rất trình trọng, dựa vào những niềm tin thiêng liêng, những phẩm hạnh hay những giá trị cao quý nhất



trong đời người, như danh dự, tính mạng... để bảo đảm điều mình thể. Đối với người phương Đông nói chung và người Việt Nam nói riêng, lời thể được ví như “đinh đóng cột”, không gì lay chuyển, thay đổi được. Còn như có ai đó thể đấy mà dân hồ nghi anh ta đã quên hay thể đại, thể liễu, thì dân gian có câu “Thề! Cá trê chui ống!”. Chúng ta nhớ lời thể Hippocrates được các sinh viên y khoa đọc và nguyện làm theo trong lễ tốt nghiệp. Từng ngành nghề đều có những lời thể chung và riêng. Lời thể là một lời hứa có đảm bảo cao hơn, ảnh hưởng đến uy tín, sinh mạng chính trị và tính mạng khi đem cái chết hay tai nạn ra làm vật đảm bảo.

Các vị sư có lời thể nào không? Thật ra, một vị Tỳ-kheo không cần thể phải sống đời xuất gia cho đến chết. Giới tử tự nguyện xin ghép mình vào giới luật để sống đời sống trong sạch, đời sống thiêng liêng cao thượng cho đến ngày, nếu muốn, tự ý bước chân ra khỏi Giáo hội mà không bị một sự bị ràng buộc nào.

Nhưng ngày nào còn đắp trên mình bộ y vàng, vị Tỳ-kheo phải giữ trọn 220 giới chánh và nhiều giới phụ khác. Bốn trọng giới có liên quan đến đời sống độc thân, đến sự trộm cắp, sát nhân và nếu khoác lác khoe khoang rằng mình đã đạt đến một cảnh giới cao mà thật ra mình không đạt là đã vi phạm. Vị nào phạm một trong bốn trọng giới kể trên phải chịu tội Parajika (Bất cộng trụ) và đương nhiên không còn là Tỳ-kheo nữa. Ngoài bốn trọng tội ấy, nếu vị Tỳ-kheo phạm nhằm giới nào khác, phải tùy nặng nhẹ mà sám hối chịu tội. Ba giai đoạn này được cụ thể trong kệ ngôn sau đây:

“Chấm dứt mọi hành động bất thiện, Phát triển những hành động thiện, Thanh lọc tâm, Đó là lời dạy của tất cả chư Phật” (Kinh Pháp Cú).

Thể cũng là nói điều Chánh ngữ. Nghĩa là không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác và không nói lời thêu dệt. Hãy nhớ rằng ta gặt hái những gì chính ta đã gieo. Điều bất thiện đem lại đau khổ. Điều thiện đem lại hạnh phúc. Đau khổ và hạnh phúc của chúng ta và những người quanh ta chịu ảnh hưởng trực tiếp của những hành động thiện và bất thiện của chúng ta. Thế nên nhà Phật đòi hỏi chúng ta phải có Chánh kiến nhằm nhận thức rõ ràng định luật nhân quả, tức hành động và phản hồi của hành động. Khi chúng ta cam kết chỉ làm điều thiện với những suy nghĩ minh bạch, không tà vạy thì chúng ta sẽ gặt sự an lành, bình yên nơi tâm mình và ở cộng đồng ta đang sinh sống. Chúng ta hiểu rằng đời sống thật vô cùng quý báu đối với mọi chúng sanh, và không ai có quyền hủy hoại, đầu độc sự sống của kẻ khác, người có Chánh kiến nơi rộng tâm Bi và tâm Từ của mình đến tất cả, từ trẻ thơ đến người già, tránh xa mọi hành động trực tiếp hay gián tiếp gây tổn hại cho người hay thậm chí thú vật. Hiểu để thương hay nói cách khác Bi cũng là Trí. Chúng ta không thể thỏa hiệp, du di, xuê xoa với cái ác, cái xấu đang lan tràn khắp nơi. Những lời thể đang bị lãng

quên, vi phạm ngày một nhiều từ ông cán bộ thôn xã cho đến ông bí thư huyện ủy nuôi nhăm dê lại được bồi thường tiền chăm sóc, cán bộ lừa đàn gà của người nghèo vào nhà mình thì chỉ bị kiểm điểm qua loa. Hay vì chúng ta quan tâm đại cuộc mà bỏ qua những cái xấu nhỏ nhặt ấy và chúng ta im lặng để trẻ con ăn cá thối, ăn thịt ôi đến nỗi bị ngộ độc phải vào viện cấp cứu, mà cứ cho rằng chuyện đó có là gì so với “bê-tông cốt tre” hay “những cây cầu thiếu móng”. Nói như ông Cục trưởng Cục Bảo vệ Thực vật: “Ăn hoa quả nhiễm độc vẫn an toàn nếu ăn ít” vì ông biết không ai ăn một ngày 70 quả táo hay 50kg cà rốt. Thế là dân cứ yên tâm ăn mà không biết mình đang “sống mòn”.

Chúng ta nhớ chuyện ngụ ngôn Aesop về một thằng bé ăn trộm sách được mẹ khen, lớn lên cướp của giết người chịu án tử hình. Ngày ra pháp trường nó xin nói lời cuối với mẹ và khi kể miệng gần tai bà, nó đã cắn đứt lỗ tai bà với lời đay nghiến:

“Nếu như ngày còn bé, khi con mang về cuốn sách giáo khoa, mẹ đánh chửi con và dạy điều hay lẽ phải trong cuốn sách đó, thì sẽ không có cái kết cục thể thảm hôm nay”.

Người ta sợ cho cái sự thỏa hiệp, xuê xoa của người Việt, nhất là các quan chức có thẩm quyền chức trách bởi mỗi ngày mỗi giờ chúng ta bỏ qua những đốm lửa nhỏ như PNH thì có lúc chúng ta chứng kiến cả cánh rừng bốc cháy. Theo lý nhân quả, có ngày chúng ta sẽ phải trả những cái giá vô cùng đắt khi ấy đừng ai thắc mắc sao tuổi trẻ hôm nay sức khỏe yếu ớt, tình trạng ung thư trong nhân dân phát triển đáng quan ngại... Rồi lực lượng nào xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, nếu chúng ta có hàng ngàn, hàng triệu Lê Quang Hoàng, sinh ra hàng triệu PNH mọc lên như Phạm Nhan trên đất nước này!

Chúng ta hãy tin vào lời thể vì lời thể luôn là thiêng liêng và kẻ vi phạm lời thể chắc chắn chịu những kết quả thảm khốc; nhưng trước hết hãy nhủ lòng thương cho những đứa bé vô tội, những công dân tương lai đang hàng ngày bị đầu độc bởi thực phẩm bẩn, và là nạn nhân của lòng tham và sự thờ ơ của người lớn, trong đó có những nhà quản lý giáo dục.

Đáng thương thay! ■

Chú thích:

1. PAPI hay Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam là sản phẩm của hoạt động hợp tác nghiên cứu giữa Trung tâm Nghiên cứu Phát triển-Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES) thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam từ năm 2009 cho tới nay. Chương trình được sự trợ giúp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội. PAPI là viết tắt tên tiếng Anh của chương trình, *Viet Nam Provincial Governance and Public Administration Performance Index*.

Căn cước văn hóa của “Xuân và tuổi trẻ”

LÊ HẢI ĐĂNG

Xét trên nhiều phương diện, “Xuân và tuổi trẻ” là một tác phẩm khá đặc biệt. Trong dòng ca khúc song ngữ Hoa - Việt, “Xuân và tuổi trẻ” nằm vắt ngang qua hai nền văn hóa, mang bản thể đa sắc rõ rệt. Nó hoàn toàn khác với những ca khúc có thêm lời Việt hay lời Hoa nhờ chuyển dịch từ một ngôn ngữ gốc. Ngoài ra, “Xuân và tuổi trẻ” còn có sự gắn kết tự nhiên, một cách hữu cơ giữa lời Việt của nhà thơ Thế Lữ, lời Hoa của nhà thơ Diệp Truyền Hoa và âm nhạc của nhạc sĩ La Hối, từ đó trở thành tác phẩm nổi tiếng, duy nhất mang bản thể hỗn dung văn hóa, đi giữa làn ranh của hai cộng đồng Việt - Hoa.

“Xuân và tuổi trẻ” vốn có tiêu đề “Thanh niên dữ xuân thiên” (“Tuổi trẻ và ngày xuân”, sau đổi tên thành “Thanh niên dữ thanh xuân”, “Tuổi trẻ và xuân trẻ”, tiêu đề này khá gần với “Xuân và tuổi trẻ” mà nhà thơ Thế Lữ viết lời Việt. Trong nhiều bài giới thiệu có liên quan, cụm từ “Dữ Thanh Xuân” thường viết chữ in hoa. Cách viết này dễ gây hiểu nhầm cho người đọc. Vì, cụm từ “dữ xuân thiên” hay “dữ thanh xuân” không phải danh từ riêng, mà trong đó chữ “dữ” là liên từ có nghĩa là “và”, còn “thanh xuân” nghĩa là “xuân trẻ”.

Xét về hoàn cảnh ra đời, “Xuân và tuổi trẻ” được nhạc sĩ La Hối sáng tác khoảng những năm 1940 - 1944 (tác giả mất năm 1945), trong bối cảnh của trào lưu âm nhạc lãng mạn. Vì thế, xét về cấu trúc tác phẩm cũng như tư duy sáng tác, âm nhạc của “Xuân và tuổi trẻ” phóng khoáng, tự do, không gò bó, chân phương như ở chủ nghĩa cổ điển. Tuy nhiên, có thể nhận thấy đây là giai đoạn trào lưu âm nhạc lãng mạn đã bước sang thời hậu kỳ, nó hoàn toàn xóa đi dấu vết của ngôn ngữ âm nhạc truyền thống, khác hẳn với nhiều tác giả thời kỳ đầu Tân nhạc, như: Phạm Duy, Văn Cao, Đặng Thế Phong... Tư duy sáng tác cho

thấy có sự chuyển hướng từ lối phát triển đơn tuyến (của âm nhạc truyền thống) sang cấu trúc, có động cơ (motip) làm hạt nhân và sự tham gia tích cực của yếu tố hòa thanh... Xét về cấu trúc, thay vì đi tìm một hình thức được khái quát hóa (phổ biến ở ca khúc) để áp vào tác phẩm thì việc bóc tách các lớp văn hóa cho thấy sự kết nối giữa tác phẩm với cội nguồn truyền thống. Có thể thấy, cấu trúc “Khởi - Thừa - Chuyển - Hợp” trong nghệ thuật truyền thống đã ảnh hưởng nhất định đến khúc thức tác phẩm.

Tác phẩm có một đoạn dạo đầu cấu tạo bởi các bước nhảy đi lên mang tính chất dẫn nhập một cách ngẫu hứng (fanfare); sau khi lên tới đỉnh điểm, giai điệu mới đổ xuống bằng những bậc của hợp âm bảy át, một phương thức rất gần với biện pháp “đấu tranh giành chủ âm” thường gặp trong các tác phẩm của Beethoven. Đoạn dạo đầu có tính chất như một lời hiệu triệu, mạnh mẽ, dứt khoát... Tương truyền, nét giai điệu này được dùng làm ám hiệu cho hoạt động Hội kín mà La Hối tham gia với vai trò thủ lĩnh. Ông đã “chết” vì chính đoạn nhạc dạo của “Xuân và tuổi trẻ”. Phát-xít Nhật theo dõi và phát hiện ra tung tích hội viên, kết quả là cả mười nhân vật trong phong trào kháng Nhật của La Hối bị đem xử trảm tại chân núi Phước Tường. Cái giá quá đắt cho tác giả của “Xuân và tuổi trẻ”, nhưng tên tuổi La Hối lại trường tồn cũng chính nhờ tác phẩm này. Bởi vậy, qua nhiều bản phối khí, dù có soạn lại (cover) theo các cách thức khác nhau, nhiều người, dù vô tình hay hữu ý, vẫn bảo lưu nét nhạc dạo ban đầu. Phải chăng đó chính là nhạc “truy điệu” cho chính tác giả?

Đoạn Khởi gồm 16 ô nhịp:

*Ngày thắm tươi bên đời xuân mới
Lòng đắm say bao nguồn vui sống
Xuân về với ngàn hoa tươi sáng,
Ta muốn hái muôn ngàn đóa hồng...*

Lời Hoa:

*Tuổi xuân ngập tràn trong em
Hy vọng lấp lánh trong mắt em
Sợ chi gian khổ và đau khổ
Sợ chi khó khăn vây tròng tròng...*

Đoạn Khởi mở đầu bằng bước nhảy quãng 6 trưởng kết hợp với lối tiến hành đi xuống liền bậc cùng các nốt cấu thành hợp âm đi lên làm thành mô hình chủ đạo dẫn dắt toàn bộ tác phẩm. Cách thức này tiếp tục thông qua nhiều thủ pháp, đặc biệt là mô tiến góp phần mở rộng khuôn khổ tác phẩm. Sở dĩ “Xuân và tuổi trẻ” có tính chất tươi vui, khoáng đạt, bay bổng cũng nhờ nét giai điệu được cấu tạo bởi bước nhảy và bước tiến liền bậc phản chiếu nhằm tạo nên sự bình ổn.

Đoạn Thừa cũng gồm 16 ô nhịp:

*Xuân thấm tươi, én tung bay cao tít trời
Vui sướng đi, cao tiếng ca mừng vui reo
Đừng để lòng thổn thức tình mê đắm
Ta trẻ vui, ta trẻ vui đời xuân thấm tươi...*

Lời Hoa:

*Hãy trông gió xuân thổi nhẹ qua mặt đất
Bao nhiêu hoa cùng nở trên đầu cành
Bạn ơi chẳng lẽ không vui sao
Lắng nghe tiếng chim đua hát bài ca mùa xuân...*

Đoạn Thừa chuyển tiếp bằng sự kế thừa âm hình tiết tấu của đoạn Khởi, nhưng giá trị trường độ được phân mảnh nhỏ hơn và xuất hiện âm hình tiết tấu mới (có nốt đen chấm dôi). Đoạn này vừa phát triển chất liệu của đoạn Khởi vừa xuất hiện chất liệu mới. Có thể coi nó như một phần trung gian tạo tiền đề cho những yếu tố mới được tiếp tục đẩy lên đỉnh điểm trở thành cao trào cho toàn bộ tác phẩm.

Đoạn Chuyển gồm 8 ô nhịp:

*Vui sướng đi cho đời tươi sáng,
Vui sướng đi cho lòng thêm tươi,
Ta hát ca đón mừng xuân mới,
Ta hát ca cho lòng thêm hăng hái...*

Lời Hoa:

*Các bạn gái cùng nhau nhảy múa
Các bạn trai cùng nhau thi chạy
Chúng ta nhảy múa nô đùa
Chúng ta cười đùa la to...*

Đoạn Chuyển mặc dù có khuôn khổ nhỏ so với các đoạn khác, nhưng lại đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển đường nét giai điệu. Nó tạo sự chuyển biến sâu sắc nhờ yếu tố hòa thanh. Nét giai điệu của đoạn Chuyển có khuynh hướng chuyển động liên tục thông qua động lực hòa thanh. Sự biến đổi của các âm bằng thủ pháp mô tiến cho thấy sự dịch chuyển của từng hợp âm. Cách thức chia nhỏ các đơn vị trường độ ở từng ô nhịp tạo động lực cho hòa thanh phát huy vai trò biến

đổi cũng như đẩy nhanh tuyến giai điệu theo sự chuyển động không ngừng. Hình thái giai điệu của từng câu nhạc nối tiếp nhau có thể hình dung như những đợt sóng nhấp nhô quán xuyên suốt đoạn nhạc.

Đoạn Hợp gồm 16 nhịp.

*Hát vang lên đời ta thấm tươi
Tết xuân huy hoàng muôn sắc hoa
Tiết xuân êm đềm muôn tiếng ca
Hát vang hòa lòng thêm hăng hái...*

Lời Hoa:

*Mùa xuân đem tới niềm vui và tiếng hát
Đem tới ước mơ và hy vọng
Có lẽ có lúc phiền muộn nhỏ nhoi
Chúng ta hãy hát mừng mùa xuân
Chúng ta hãy vui mừng ca hát
Nắm chặt hiện thực và lý tưởng
Vượt qua gian khó đón ánh sáng ban mai...*

Đoạn này cho thấy dấu hiệu kế thừa đoạn Khởi với bước nhảy quãng 6 trưởng xuất hiện ở đầu câu. Xét về hình thái giai điệu, cả đoạn Khởi và Hợp đều có chung hạt nhân gồm một bước nhảy và bước tiến liền bậc đi xuống có khuynh hướng trở về trung điểm giữa khoảng cách cao độ của từng câu nhạc. Đoạn Hợp sử dụng chất liệu của đoạn Khởi để tiếp tục phát triển nhằm tạo cao trào cho toàn bộ tác phẩm, đồng thời thống nhất các mô-típ âm nhạc, mang ý nghĩa kết thúc viên mãn theo quan niệm thẩm mỹ truyền thống. Trong Ca kịch (Hý khúc) cổ truyền của Trung Quốc, kết có hậu trở thành nguyên lý chung chi phối mọi vở diễn, kể cả bi kịch như tác phẩm *Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài* chẳng hạn. Mặc dù cái chết của hai nhân vật chính tạo nên vết nứt tâm lý đi ngược lại quan niệm Như ý cát tường, nhưng linh hồn cùng tình yêu bất tử của họ sau khi hóa thành kiếp bướm đã tạo nên chỉnh thể Hợp nhất suốt một tiến trình liên tục đi qua chuỗi xung đột. Các tiến trình Khởi – Thừa – Chuyển – Hợp của “Xuân và tuổi trẻ” đi từ điểm đầu đến điểm cuối một cách trọn vẹn, có hậu. Giữa mỗi đoạn đều có sự chuyển tiếp nhịp nhàng, gối đầu lên nhau, không phân chia ranh giới trong trạng thái tiếp nối tương sinh, uyển chuyển, kế thừa hình thức liên khúc truyền thống.

“Xuân và tuổi trẻ” đi qua hai nền văn hóa Hoa-Việt một cách vững vàng, không còn chông chênh như những sáng tác phái sinh từ sự dịch chuyển ca từ hay chuyển vùng văn hóa. Ngay từ thuở ban đầu, tác phẩm đã mang trong mình bản thể đa văn hóa, song ngữ, hình thành bởi kết quả của một tập hợp, bao gồm nhạc sĩ La Hối, nhà thơ Diệp Truyền Hoa và nhà thơ Thế Lữ. Mùa xuân vốn là sản phẩm sáng tạo của thiên nhiên, đất trời, “Xuân và tuổi trẻ” là sản phẩm sáng tạo của văn hóa, nghệ thuật. Đã bao mùa xuân đi qua, với nét nhạc tươi vui, ngập tràn khí thế hào hùng, “Xuân và tuổi trẻ” vẫn bay bổng, hồn nhiên như chính mùa xuân không tuổi. ■

Một văn bản cổ liên hệ đến

Thiền



NGUYỄN VĂN NHẬT dịch
theo bản dịch Anh ngữ của PAUL REPS

Đây là một tác phẩm cổ xưa của Ấn Độ giáo mang tư tưởng Thiền học, được Paul Reps giới thiệu và dịch ra Anh ngữ, in trong "Zen Flesh Zen Bones, A Collection of Zen and Pre-Zen Writings", Doubleday Anchor, 1957, đã được tái bản nhiều lần. Giới thiệu tác phẩm này, Paul Reps cho rằng "Thiền chẳng phải là mới và cũng không bao giờ xưa cũ; từ ngàn xưa và mãi ngàn sau, con người đã và vẫn sẽ tiếp tục nói tới Thiền".

Nữ thần Devi nói:
Hỡi thần Shiva, thực tính của ngài là gì?
Vũ trụ đầy những điều kỳ diệu này là gì?
Cái gì tạo nên hạt giống?
Ai là kẻ ngự ở trung tâm của guồng quay vũ trụ?

Cuộc đời bên kia hình sắc ngập tràn những hình sắc là gì?

Làm cách nào chúng ta có thể thâm nhập trọn vẹn vào thực tính ấy, vượt qua không gian và thời gian, danh tự và những điều mô tả?

Xin hãy giải cho tôi mối nghi này!

Thần Shiva trả lời:

[Mặc dầu đã chứng ngộ, Nữ thần Devi vẫn đặt ra những câu hỏi trên để chúng nhân trong khắp vũ trụ có thể nhận được những lời dạy của thần Shiva. Vậy, hãy dõi theo câu trả lời của thần Shiva, nêu ra 112 cách]

1. Người rạng rỡ kia ơi, kinh nghiệm này có thể được tỏa sáng giữa hai hơi thở. Sau khi hơi thở đi vào (xuống) và ngay trước lúc hơi thở quay trở lên (ra) – lòng từ.

2. Khi hơi thở chuyển từ dưới lên trên, và lại nữa, khi hơi thở uốn cong từ trên xuống dưới - suốt hai lần chuyển dịch ấy, *hãy thử nghiệm*.

3. Hoặc, bất kỳ lúc nào hơi thở vào và hơi thở ra hòa

vào nhau, tại thời điểm ấy hãy chạm vào *trung tâm* tràn đầy năng lượng phi năng lượng.

4. Hoặc, khi hơi thở ra (lên) hết hẳn rồi tự dừng lại, hay khi hơi thở vào (xuống) hết hẳn và tự dừng lại – trong trạng thái nghỉ phổ quát như thế, tiểu ngã tự *tan biến*. Điều đó chỉ khó khăn đối với kẻ không thanh tịnh.

5. Hãy xem tinh chất của nàng như những tia sáng khởi lên từ trung tâm này đến trung tâm khác dọc sống lưng, và cũng thế hãy khởi lên *sức sống* trong nàng.

6. Hoặc trong những khoảng không gian ở giữa, hãy cảm nhận *sức sống* đó như *tia chớp*.

7. Hỡi nữ thần Devi, hãy hình dung những chữ cái của tiếng Phạn trong những tiêu điểm của sự chú ý đầy mật ngọt này, ban đầu là những chữ cái, rồi tinh tế hơn như những âm thanh, rồi như những cảm giác tinh tế nhất. Thế rồi, bỏ chúng qua một bên, hãy *tự tại*.

8. Hãy để tâm có mặt trước ý nghĩ, sự chú tâm giữa hai lông mày. Hãy đổ hơi thở tinh túy vào đầy hình sắc cho đến tận đỉnh đầu, và từ đó, *hãy tỏa ra như ánh sáng*.

9. Hoặc, hãy hình dung những vòng tròn năm màu của đuôi công trở thành năm giác quan của nàng trong không gian vô hạn. Rồi hãy để cho vẻ đẹp của chúng tan chảy vào bên trong. Tương tự như vậy, tại mỗi điểm trong không gian hay trên tường – cho đến khi điểm đó *tan biến*. Bấy giờ, niềm mong ước của nàng dành cho kẻ khác trở thành sự thật.

10. Mắt nhắm, hãy nhìn sâu vào hữu thể của nàng. Bằng cách đó, *hãy thấy được* bản chất thật của nàng.

11. Hãy đặt toàn bộ sự chú tâm của nàng vào dây thần kinh, mỏng manh như sợi chỉ sen, nằm giữa cột sống của nàng. Trong trạng thái như thế, *hãy được chuyển hóa*.

12. Đóng kín thất khiếu trên đầu bằng hai bàn tay, một khoảng không gian giữa đôi mắt của nàng trở nên *bao hàm tất cả*.

13. Hãy chạm thật nhẹ vào hai nhãn cầu, ánh sáng giữa hai nhãn cầu *hướng vào tim* và từ đó lan tỏa khắp vũ trụ.

14. Hãy tắm trong trung tâm của âm thanh, như trong dòng âm thanh liên tục của một ngọn thác. Hoặc, bằng cách bịt hai tai với những ngón tay, hãy lắng nghe *âm thanh của những âm thanh*.

15. Chạm chạm ngân nga một âm thanh, chẳng hạn, âm a-u-m. Như âm thanh thể nhập trạng thái tràn đầy âm thanh, *nàng cũng vậy*.

16. Từ lúc bắt đầu và trong sự lẩn lẩn tinh lọc âm thanh của từng mẫu tự, *hãy tỉnh thức*.

17. Khi lắng nghe tiếng đàn dây, hãy nghe âm thanh trung tâm hỗn hợp của chúng, như vậy *là có mặt ở khắp mọi nơi*.

18. Hãy ngân nga thành tiếng một âm thanh rồi nhỏ dần nhỏ dần như cảm giác chìm sâu vào *cõi hài hòa tĩnh lặng này*.

19. Hãy tưởng tượng, tinh thần cùng lúc có ở bên trong và ở quanh nàng cho đến lúc toàn thể vũ trụ này *tinh thần hóa*.

20. Hỡi nàng Devi tốt bụng, hãy thể nhập *sự hiện hữu* tinh anh thấm nhập khắp cả bên trên và bên dưới hình sắc của nàng.

21. Hãy đặt tâm chất trong trạng thái tinh tế không thể diễn tả được như thế cả ở trên, ở dưới, và ở *trong tâm nàng*.

22. Hãy xem mọi vùng có sự hiện hữu của hình hài nàng như là *rộng rãi vô hạn*.

23. Hãy cảm nhận sắc chất, xương, thịt, máu huyết của nàng đều thấm đẫm *tinh anh vũ trụ*.

24. Hãy nghĩ rằng hình sắc thụ động của nàng trở thành một căn phòng trống với tường vách bằng da – *trống rỗng*.

25. Hỡi con người hạnh phúc, vì mọi giác quan đều kết hợp vào tim, hãy vươn tới *trung tâm* của hoa sen.

26. Hỡi cái tâm vô tâm, hãy giữ đúng ở chính giữa – *cho đến khi*.

27. Khi ở trong sinh hoạt đời thường, hãy chú ý giữa hai hơi thở, và khi thực hành như vậy, trong vài ngày *hãy tái sinh*. [Lakshmanjoo nói đây là kỹ thuật ưa thích của ngài].

28. Hãy chú tâm vào ngọn lửa đang khởi lên khắp châu thân nàng từ ngón chân trở lên cho đến khi thân thể cháy thành than *mà không phải nàng cháy*.

29. Hãy suy nghĩ về cái thế giới giả tạm như đang cháy thành than này, và hãy trở thành *hữu thể vượt trên loài người*.

30. Hãy cảm nhận những phẩm chất tinh tế của tính sáng tạo đang thấm đẫm ngực nàng và đang khoắc lầy *những dáng hình thanh tú*.

31. Với hơi thở mơ hồ giữa trán, vì đó là hơi thở vào được đến tim ngay lúc ngủ, hãy nắm lấy sự điều khiển đối với những giấc mơ và *đối với chính cái chết*.

32. Một cách chủ quan, khi các chữ cái tràn vào những từ ngữ và những từ ngữ tràn vào các câu, và, một cách khách quan, khi các vòng tròn tràn vào các cõi giới và các cõi giới tràn vào các nguyên lý, ít nhất, hãy tìm thấy tất cả những điều đó hội tụ vào *trong hữu thể của chúng ta*.

33. Hỡi người khả ái, hãy chơi đùa. Vũ trụ là một vỏ ốc trống không trong đó tâm của nàng nô đùa *vô hạn*.

34. Hãy nhìn kỹ vào cái bát mà không thấy bờ mé hay chất liệu. Trong chốc lát *hãy tỉnh thức*.

35. Hãy an trú tại nơi nào đó *rộng rãi không cùng*, không cây cối, núi đồi, nhà cửa. Từ đó, mọi áp lực tâm thức sẽ chấm dứt.

36. Hỡi người yêu dấu, hãy tư duy về sự hiểu biết và sự không hiểu biết, sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Rồi hãy gạt cả hai qua một bên để nàng có thể *tồn tại*.

37. Hãy âu yếm nhìn vào một đối tượng. Đừng tiếp tục hướng tới một đối tượng khác. Ở đây, ngay giữa đối tượng đó – *niềm phúc lạc*.

38. Hãy cảm nhận vũ trụ như là *sự hiện diện trường tồn mờ ảo*.



39. Với sự tận tâm cao độ, hãy chú tâm vào hai điểm tiếp giáp của hơi thở và hãy biết *người biết*.

40. Hãy xem khoảng không hỗn độn mệnh môn này là *thân thể hạnh lạc* của chính nàng.

41. Khi được vuốt ve, hơi nàng công nương dịu dàng, hãy thể nhập *sự vuốt ve* như cuộc sống vĩnh hằng.

42. Hãy chặn những cánh cửa của các giác quan khi cảm nhận có kiến bờ. *Thế rồi*.

43. Vào lúc bắt đầu sự kết hợp tình dục, hãy chú tâm vào ngọn lửa *lúc khởi đầu*, và, tiếp tục như vậy, hãy tránh đám tro tàn khi kết thúc.

44. Khi các giác quan của nàng run lên bắn bật trong một cuộc ái ân như vậy, *hãy thể nhập sự run rẩy ấy*.

45. Ngay cả khi nhớ lại cuộc ái ân, không có sự ô nhiễm, *sự chuyển hóa*.

46. Trước niềm vui gặp lại một người bạn không gặp mặt lâu ngày, *hãy làm lan tỏa niềm vui ấy*.

47. Khi đang ăn hay đang uống, hãy trở thành vị của thức ăn hay thức uống, và *hãy thỏa mãn*.

48. Hỡi con người có con mắt hình sen, êm ái khi kể chuyện, khi đang hát, đang nhìn ngắm, đang thưởng thức vị ngon, hãy nhận biết nàng đang tồn tại và hãy khám phá *sự sống đời đời*.

49. Bất kỳ khi nào sự thỏa mãn được tìm thấy, trong bất kỳ hành động nào, *hãy biến điều ấy thành hiện thực*.

50. Vào lúc ngủ mà giấc ngủ chưa đến và sự thao

thức bên ngoài tan biến, ngay lúc đó *hữu thể* được hiển bày. [Lakshmanjoo nói rằng đây là một kỹ thuật ưa thích khác của ngài].

51. Vào mùa hè khi bạn nhìn thấy cả một bầu trời trong trẻo vô tận, *hãy thể nhập sự trong trẻo đó*.

52. Hãy nằm xuống như đã chết. Giận điên lên trong sự hờn dỗi, cứ để yên như vậy. Hoặc nhìn trùng trùng mà không nháy mắt. Hoặc mút thứ gì đó và *hãy trở thành sự mút*.

53. Không có sự chống đỡ bởi tay và chân, hãy chỉ ngồi trên hai mông. Bất chợt, *sự chú tâm*.

54. Trong một tư thế ung dung, hãy dần dần làm cho một vùng giữa hai nách tràn ngập *niềm an lạc lớn lao*.

55. Hãy nhìn *như thể là lần đầu tiên* thấy một con người đẹp đẽ hay một đối tượng tâm thường.

56. Với miệng mở hé, hãy giữ tâm ở giữa lưỡi. Hoặc, khi hơi thở nhẹ nhàng đi vào, hãy cảm nhận âm thanh HH.

57. Khi ở trên giường hay trên một chỗ ngồi, hãy tự để cho nàng trở nên *không trọng lượng*, vượt ngoài tâm thức.

58. Trong một chiếc xe đang di chuyển, do sự lắc lư nhịp nhàng, *hãy cảm nghiệm*. Hoặc trong một chiếc xe đứng yên, do tự nàng đu đưa theo những vòng xoay vô hình chậm chạp.

59. Chỉ do nhìn lên bầu trời xanh bên trên những đám mây, *sự thanh thản*.

60. Hỡi Shakti, hãy thấy toàn bộ không gian như thể đã bị hấp thu vào chính đầu nàng *trong sự chói lọi*.

61. Đang thức, đang ngủ, hay đang nằm mơ, hãy biết nàng như là *ánh sáng*.

62. Trong cơn mưa suốt một đêm đen, hãy thể nhập *sự đen tối* như là hình sắc của những hình sắc.

63. Khi một đêm mưa không trăng không hiện diện, hãy nhắm mắt và hãy tìm sự đen tối trước mặt nàng. Khi mở mắt, *hãy nhìn thấy sự đen tối*. Mọi lỗi lầm cũng sẽ vĩnh viễn biến mất như thế.

64. Ngay khi nàng có sự thúc đẩy phải làm một điều gì đó, *hãy dừng lại*.

65. Hãy chú tâm vào âm thanh *a-u-m* mà không có *a* hay *m*.

66. Hãy lặng lẽ ngân nga một từ tận cùng bằng AH. Thế rồi một từ tận cùng bằng HH một cách không phải nỗ lực, *sự thanh thoát tự nhiên*.

67. Hãy tự cảm nhận như đang *tràn ngập* mọi phương, gần, xa.

68. Hãy chọc thủng vào chỗ nào đó trên tấm thân đầy mật hoa của nàng bằng một cái kim, và hãy dịu dàng thể nhập *sự chọc thủng*.

69. Hãy cảm nhận: suy nghĩ của tôi, cái tôi, những cơ quan nội tạng – *tôi*.

70. Những ảo giác đánh lừa. Những màu sắc có giới hạn. Ngay cả những điều có thể phân chia được cũng *bất khả phân*.

71. Khi sự ham muốn nào đó xảy đến, hãy xem xét nó. Thế rồi, thỉnh linh, *giữ sạch nó*.

72. Trước sự ham muốn và trước sự hiểu biết, làm sao tôi có thể nói tôi đang là? Hãy xem xét. Hãy tan biến *trong cái đẹp*.

73. Với toàn thể ý thức của nàng ngay lúc bắt đầu có sự ham muốn, có sự hiểu biết, *hãy biết*.

74. Hỡi Shakti, mọi nhận thức riêng đều có giới hạn, đều tan biến trong *quyển năng tối thượng*.

75. Sự thật, hình sắc không thể chia lìa. Hữu thể biến mãn và hình sắc của chính nàng là bất khả phân. Hãy nhận thức mỗi mỗi như được tạo thành bởi *ý thức* này.

76. Trong những tâm thái của sự khao khát cùng cực, *hãy đừng bị quấy rầy*.

77. Cái được gọi là vũ trụ này xuất hiện như một sự lừa bịp, một trò chiếu hình. Hãy hoan hỷ coi nó *như vậy*.

78. Hỡi người yêu dấu, *hãy đừng chú ý đến khoái lạc hay đau đớn, mà chú ý đến giữa những điều đó*.

79. Hãy buông bỏ qua một bên những vướng mắc về thân thể, nhận thức rằng *tôi đang có mặt khắp nơi*. Người có mặt ở khắp mọi nơi luôn vui vẻ.

80. Đối tượng và ham muốn có mặt trong tôi như trong những người khác. Chấp nhận như vậy, *hãy để chúng được thể hiện*.

81. Sự nhận biết về đối tượng và chủ thể là giống nhau nơi người chứng ngộ và người chưa chứng ngộ. Người chứng ngộ có một điều cao cả: người ấy giữ được *tâm thái chủ quan*, không bị lạc mất trong sự vật.

82. Hãy cảm nhận ý thức của mọi người như ý thức của chính nàng. Vậy, *hãy gạt qua một bên mối quan tâm về ngã, hãy trở nên từng hữu thể*.

83. Khi không suy nghĩ về điều gì, *hãy ước muốn cái bản ngã giới hạn là không giới hạn*.

84. Hãy tin *toàn tri, quyển năng tối thượng, tỏa khắp*.

85. Như sóng đến với nước và ngọn lửa đến với lửa, cũng vậy, sóng vũ trụ đến với *chúng ta*.

86. Hãy đi rong đến lúc mệt nhoài và rồi thì, gục xuống mặt đất, trong tình trạng gục xuống đó, *hãy trở nên toàn thể*.

87. Giả sử nàng đang dần dần bị cướp đoạt sức mạnh hay sự hiểu biết. Ngay tại lúc bị cướp đoạt, *hãy vượt lên*.

88. Hãy lắng nghe trong lúc giáo pháp huyền bí tối thượng được truyền đạt: Mắt nhìn sững, không nháy, ngay lập tức trở thành *tự tại tuyệt đối*.

89. Trong lúc bị tai và nhú hậu môn, *hãy thể nhập âm thanh của âm thanh*.

90. Trên bờ của một cái giếng sâu, *hãy vững vàng nhìn xuống tận đáy giếng đến khi – sự thần kỳ*

91. Hễ tâm nàng đi lang thang bất kỳ nơi nào, bên trong hay bên ngoài, ngay tại chỗ đấy, *là đấy*.

92. Khi nhận biết một cách sống động qua một vài giác quan đặc biệt, *hãy duy trì sự nhận thức*.

93. Vào lúc bắt đầu nháy mũi trong khi sợ hãi, trong sự lo lắng, trên một vực thẳm, lúc bay trong chiến trận, trong sự tò mò cực độ, khi bắt đầu cơn đói, tại lúc chấm

dứt cơn đói, *hãy nhận biết không dứt quãng*.

94. Hãy chú tâm có mặt tại nơi nàng vừa nhìn thấy biến cố quá khứ nào đó – và kể cả hình sắc của nàng – đang mất đi những đặc tính hiện tại của nó, *đang bị biến đổi*.

95. Hãy nhìn chăm chăm vào một đối tượng, rồi chậm chạp rút cái nhìn của nàng ra khỏi vật ấy, rồi chậm chạp rút sự suy nghĩ của nàng ra khỏi vật ấy. *Sau đó*.

96. Sự tận tụy *giải thoát*.

97. Hãy cảm nhận một đối tượng trước mặt nàng. Hãy cảm nhận sự vắng mặt của mọi đối tượng khác trừ ra đối tượng đó. Rồi, *hãy gạt qua một bên cái cảm giác về đối tượng và cái cảm giác về sự vắng mặt, hãy thể nghiệm*.

98. Sự thanh tịnh của những giáo pháp khác là sự không thanh tịnh đối với chúng ta. Thực ra, *hãy biết chẳng có gì là thanh tịnh hay không thanh tịnh*.

99. Ý thức này hiện hữu như mọi hữu thể, và *không còn điều gì khác hiện hữu*.

100. *Hãy là sự đồng nhất không đồng nhất* với bạn bè cũng như với những người xa lạ, trong danh dự và trong ô nhục.

101. Khi có một tâm thái chống lại ai hay về phe ai sinh khởi, *hãy chớ đặt tâm thái đó lên đương sự, mà hãy giữ yên ở giữa*.

102. Giả sử nàng đang chiêm ngưỡng điều gì đó vượt ngoài nhận thức, vượt ngoài sự nắm bắt, vượt ngoài vô thể, *nàng*.

103. *Hãy thể nhập không gian, không nương tựa, vĩnh cửu, tĩnh lặng*.

104. Nơi nào sự chú tâm của nàng tụ lại, tại ngay nơi ấy, *hãy trải nghiệm*.

105. *Hãy thể nhập âm thanh tên nàng, qua âm thanh đó, mọi âm thanh*.

106. Tôi đang hiện hữu. Đây là của tôi. Đây là cái này. Hỡi người yêu dấu, ngay cả như thế, *hãy biết một cách không giới hạn*.

107. Ý thức này là tinh thần của sự chỉ dẫn của từng người. *Hãy là người đó*.

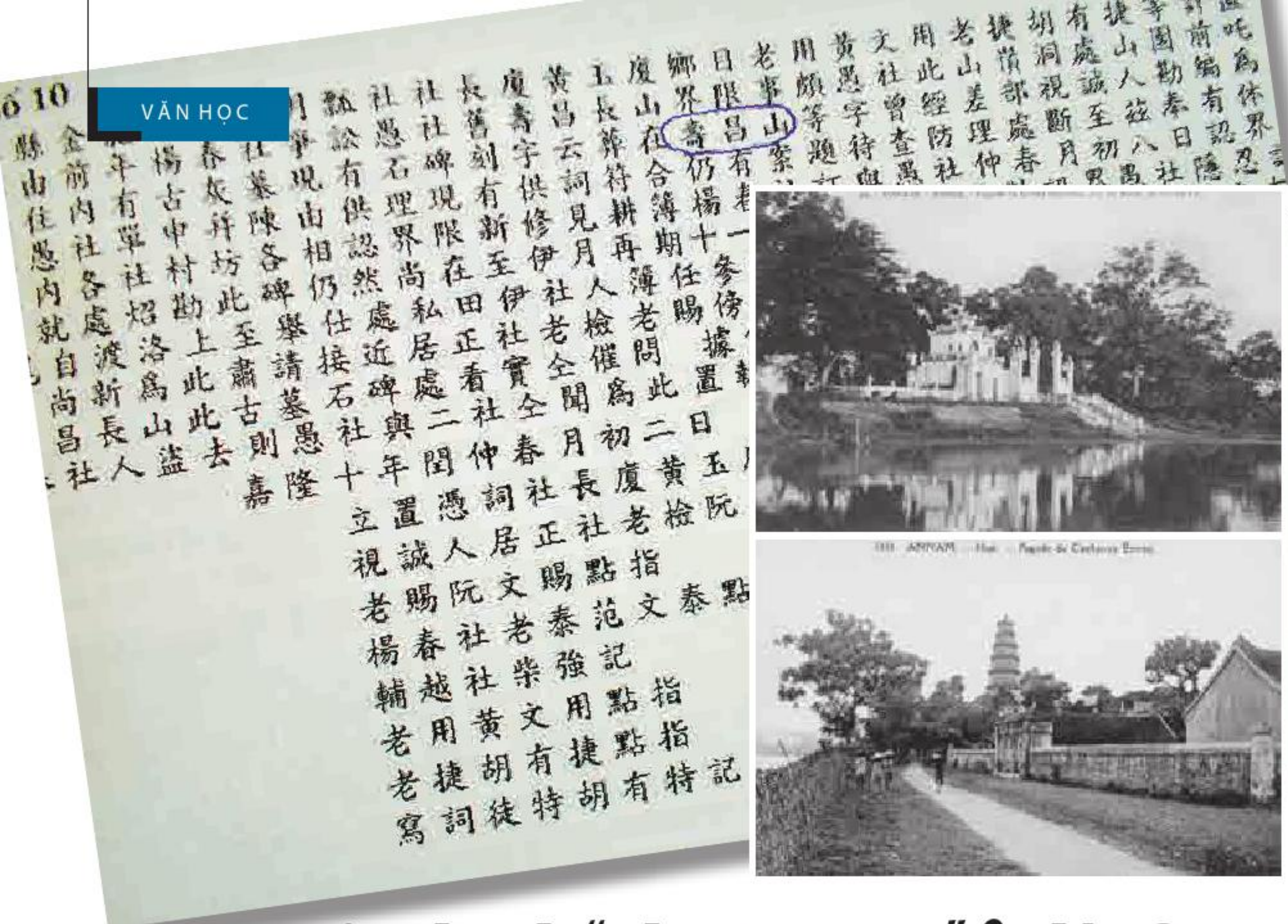
108. Đây là cảnh giới của thay đổi, thay đổi, thay đổi. Qua sự thay đổi *hãy tận dụng sự thay đổi*.

109. Như con gà mái là mẹ bầy gà con, *hãy làm mẹ những sự hiểu biết đặc biệt, những việc làm đặc biệt, trong thực tính*.

110. Vĩ, thực sự là, sự trói buộc và sự tự do đều tương đối, những từ ngữ này chỉ dành cho những kẻ bị khiếp sợ bởi vũ trụ này. Vũ trụ này là một phản ánh của tâm. Như nàng nhìn thấy nhiều mặt trời dưới nước từ *một mặt trời*, *hãy nhìn thấy như thế về sự trói buộc và sự tự do*.

111. Mọi sự vật được nhận thức nhờ hiểu biết. Cái ngã chiếu sáng trong không gian nhờ hiểu biết. *Hãy nhận thức một hữu thể như là người biết và điều được biết*.

112. Hỡi người yêu dấu, vào khoảnh khắc này, *hãy để cho tâm thức, sự hiểu biết, hơi thở, hình sắc, được gom tụ lại*. ■



Địa danh “Thọ Xương” ở đâu?

Bài & ảnh: TÔN THẤT THỌ

Từ trước đến nay, đã có rất nhiều bài viết thảo luận về địa danh *Thọ Xương*, cũng như nguồn gốc của hai câu ca dao liên quan đến địa danh này, bởi lẽ nó đã xuất hiện trong cả hai câu, một ở Huế và một ở Hà Nội.

Câu ca dao ở Huế có nội dung:

*Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương.
Thuyền về xuôi mái sông Hương
Có nghe tâm sự đôi đường đắng cay!*

Còn câu ở Hà Nội là:

*Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.
Mịt mù khói toả ngàn sương,
Nhịp chày An Thái, mặt gương Tây Hồ.*

Tựu trung hai khuynh hướng tranh luận, đó là:

1 Khuynh hướng một cho rằng câu ca có nguồn gốc từ Hà Nội, bởi địa danh *Thọ Xương* từ thời nhà Nguyễn đã là một huyện, và hiện vẫn tồn tại; hơn nữa lại phù hợp với di tích đền Trấn Vũ hiện nay. Còn Huế thì không có địa danh *Thọ Xương*.

2 Khuynh hướng hai dựa vào một số tài liệu lịch sử như *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, *Việt sử xứ Đàng Trong* của Phan Khoang... đã chứng minh rằng: từ xa xưa, Thọ Xương ở Huế là tên vùng đất đối diện chùa Thiên Mụ, nguyên tên của nó là *Thọ Khương* (hay *Thọ Khang*); đến đời vua Gia Long (1802-1820), do kỵ húy để hiệu thân sinh của nhà vua (*Hiếu Khương hoàng đế*) nên ông đã đổi thành *Thọ Xương*. Năm Minh Mạng thứ 5 (1824), nhà vua đã đổi thành *Long Thọ Cương* và hiện nay, người địa phương chỉ gọi là *Long Thọ*, tại đây hiện có nhà máy chế biến xi-măng Long Thọ đã có từ lâu.

Trong cuốn *Sổ tay địa danh Việt Nam*, tác giả Đinh Xuân Vịnh ghi như sau:

“*Thọ Xương*: Làng, trước gọi là *Thọ Khang*, Gia Long đổi là *Thọ Xương*. Năm 1824 đổi là *Long Thọ*, thuộc huyện Phú Vang, phủ Thừa Thiên trên sông Hương, nay thuộc thành phố Huế” (*Sổ tay địa danh...*, sđd, tr.515).

Trong các kho lúa ở xứ Thuận Hóa (Huế) dưới thời các chúa Nguyễn, sách *Việt sử xứ Đàng Trong* ghi rõ: “Ở Thuận Hóa ban đầu có 7 kho là: Kho Thọ Khương (huyện Phú Vang), kho Nguyệt Biểu (huyện Hương Trà), kho Thạch Hãn

(huyện Hải Lăng), kho Lai Cách (huyện Minh Linh), kho An Trạch (huyện Lệ Thủy), kho Trung Trinh và kho Trường Dục (huyện Khương Lộc), (Việt sử xứ Đàng Trong, sđd, tr.213).

Ngoài ra, những nhà nghiên cứu theo khuynh hướng này đã dựa vào gia phả họ Dương để xác định rằng câu ca được lưu truyền ở Hà Nội chính là một trong những bài thơ của tác giả Dương Khuê (1839-1902) mà hai câu đầu nguyên văn là:

*Phát phơ ngọn trúc trắng tà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.*

Bài thơ có tựa là *Hà Nội tức cảnh* và được tác giả sáng tác sau khi từ giã quan trường ở Huế để ra lại quê nhà. Tiến sĩ Dương Thiệu Tống (1925-2008) đã chép bài thơ này in trong cuốn *Tâm trạng Dương Khuê và Dương Lâm* của mình (Nxb Văn Học, 1995), đồng thời đã có nhận xét là: "Có người đã sửa đổi câu đầu bài thơ này là 'Gió đưa cành trúc la đà', nhưng có lẽ là sai, vì làm mất đi ý nghĩa ngầm của toàn câu, mà chỉ còn ý nghĩa tả cảnh (nổi) mà thôi".

Khách quan mà nói, ta thấy về ngôn từ cũng như về ý nghĩa thì hai bài hoàn toàn khác nhau. Câu ca dao ở Huế không có tác giả, nó diễn tả phong cảnh hữu tình, thơ mộng của miền sông Hương núi Ngự vào một buổi sớm tinh mơ khi gà vừa gáy sáng chuyển canh; trong khi bài thơ *Hà Nội tức cảnh* do Dương Khuê sáng tác để gửi gắm nỗi lòng của mình đối với hoàn cảnh đất nước. Trong bài này, có lẽ tác giả đã biến đổi địa danh Thiên Mục (ở Huế) của câu ca dao thành ra địa danh Trấn Vũ cho hợp với phong cảnh Hà Nội.

Bài thơ này được Dương Khuê sáng tác vào khoảng thập niên 1870, sau nhiều năm sống tại Huế. Do đó có thể nghĩ rằng, câu ca dao ở Huế đã ảnh hưởng đến tứ thơ của ông. Vì thế, khi trở ra miền Bắc, gặp lúc thời thế nhiều nhượng, ông sáng tác bài này để biểu lộ nỗi lòng của mình. Hai câu đầu của bài thơ là mượn câu ca dao ở Huế, nhưng thay đổi địa danh cho phù hợp với phong cảnh của Hà Nội: chùa *Thiên Mục* đổi thành chùa *Trấn Vũ*, và lại, do sự trùng hợp: Hà Nội cũng có địa danh *Thọ Xương* nên đã không cần phải đổi địa danh này?

Gần đây, trong tập *Di sản Hán Nôm Huế* (Huế-2003), các nhà biên tập có công bố một văn bản bằng chữ Hán thuộc loại thư tịch cổ ở làng Xuân Hòa (nay là xã Hương Long, thành phố Huế). Đây là một văn bản tranh tụng về đất đai, lạc khoản để năm Gia Long thứ 10 (1811) và có đủ đặc điểm về tự dạng chữ viết thời bấy giờ. Có thể coi đây là tư liệu sớm nhất liên quan đến địa danh Thọ Xương vào đầu thế kỷ XIX.

Xin được trích lại phần dịch nghĩa do nhóm tác giả Lê Văn Thuyền, Lê Nguyễn Lưu và Huỳnh Đình Kết thực hiện: "Chúng tôi là xã trưởng Hạ- Hoàng Ngọc Hạ, hương mục lão Dụng- Hoàng Văn Dụng, lão Tiệp- Hồ Hữu Tiệp ở xã Nguyệt Biểu phụ giới tổng Kim Long, huyện Hương Trà, xin chứng nhận như sau:

Nguyên năm trước, xã Dương Xuân kiện giành với xã

chúng tôi về ranh giới thuộc khu vực núi Thọ Xương cũ. Phía trước nhà của cha Cự ở vườn xứ Đình Động núi ấy thuộc xã chúng tôi có một ngôi mộ tro cổ, hiện tấm bia đá khắc mấy chữ 'Chôn tại núi Thọ Xương', từng được người do Bộ phái đến khám xét thấy là thật, ghi chép làm bằng, so với giấy tờ đơn trương, sổ sách của xã chúng tôi cùng các lời khai báo đều phù hợp, đã nêu thành án chờ xử lý. Nay vâng lệnh truyền các xã, thôn, phường trong huyện phải cùng nhau thừa nhận mốc giới, làm mới sổ ruộng đất, xã Dương Xuân bèn hẹn với xã chúng tôi làm việc vào ngày mồng 8 tháng Trọng xuân (2-3-1811). Đúng ngày ấy, tập trung tại chỗ, xem thấy tấm bia vẫn còn đó.

Lần kế tiếp, ngày 11 cùng tháng, hai xã lại đến, đối mặt nhau nhận ranh giới. Xã chúng tôi chịu nhận mốc dưới từ Đò Lạc, trên đến ruộng tư xứ Cửa Sĩ, còn người xã ấy cứ theo sổ cũ, không chịu mà bỏ đi. Nay tấm bia nói trên đã bị mất, nhưng vết tro ở chân bia vẫn còn dấu mới. Vì vậy xã chúng tôi bèn mời lão Kiểm, lão Tứ ở xã Cư Chánh giáp ranh; lão Thái ở xã Xuân Hòa gần cạnh, cả hai xã cùng tập trung tại chỗ bia đá ngôi mộ cổ ở dải núi Thọ Xương thuộc xứ Động xã chúng tôi để xem xét thực tế. Hỏi mẹ Cự: 'Ai lấy trộm bia đá ấy đi rồi!'. Xã chúng tôi cùng hai xã đều có nghe cả, cho nên lập giấy này để làm bằng. Trên đây là giấy chứng nhận.

Ngày mồng 2 tháng Hai nhuận năm Gia Long thứ 10.

Người lập tờ bằng: Xã trưởng Hạ - Hoàng Ngọc Hạ (điểm chỉ).

Những người chứng nhận:

Người xã Cư Chánh: Lão Kiểm - Nguyễn Ngọc Kiểm (điểm chỉ).

Lão Tứ - Nguyễn Văn Tứ (điểm chỉ)

Người xã Dương Xuân: Lão Thái - Phan Văn Thái (điểm chỉ).

Người xã láng giềng: Thầy Cường (ký)

Lão Dụng - Hoàng Văn Dụng (điểm chỉ)

Lão Tiệp - Hồ Hữu Tiệp (điểm chỉ)

Người viết giấy: Thầy đồ Đặc - Hồ Hữu Đặc (ký)".

(Trích *Di sản Hán Nôm...*, sđd, tr.253 và 259)

Văn bản này đã chứng tỏ rằng, dưới thời vua Gia Long (1802 – 1820) ở Huế đã từng tồn tại một địa danh có tên Thọ Xương, đó là một vùng đất gò và núi, điều này đúng với thực tế, vì địa điểm này đối diện với chùa Thiên Mục bên kia sông Hương. Và như thế một lần nữa có thể xác định: câu ca dao "Gió đưa cành trúc la đà..." có nguồn gốc từ Huế chứ không phải là ở Hà Nội! ■

Tài liệu tham khảo:

- *Di sản Hán Nôm Huế*, Trung tâm BTDT Cổ đô Huế, Đại học KHCHNV HN, 2003.

- *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn, Nxb KHXH, 1977.

- *Việt sử xứ Đàng Trong*, Phan Khoang, Nxb Khai Trí (Sài Gòn) 1967.

- *Đại Nam nhất thống chí T1*, QSQTN, Nxb Thuận Hóa, 1992.

- *Sổ tay địa danh Việt Nam*, Đình Xuân Vịnh, Nxb Lao Động, 1996.

- *Tâm trạng Dương Khuê và Dương Lâm*, Dương Thiệu Tống, Nxb Văn Học, 1995.



Người vợ hiền trí

NGỌC DIỆP

Trong Kinh tạng Nikàya thuộc văn hệ Pàli, có một số pháp thoại do các đệ tử tại gia của Đức Phật trực tiếp nói cho những người thân của mình về những kinh nghiệm tâm linh lợi lạc mà bản thân họ đã chứng nghiệm được nhờ thực hành giáo pháp giác ngộ của Phật. Bản kinh *Cha mẹ của Nakula* lưu ở tuyển tập *Tăng Chi Bộ* là một trong số các pháp thoại như vậy.

Gia chủ, cha của Nakula bị trọng bệnh, tỏ ý lo lắng thương cảm cho những người thân yêu của mình sẽ gặp phải những khó khăn trong cuộc sống, không có

đủ nghị lực để duy trì gia thế ổn định, không giữ được vị thế tốt đẹp của người cư sĩ sau khi mình qua đời. Phúc lành thay cho gia chủ, cha của Nakula, vì nữ gia chủ, mẹ của Nakula là một người vợ hiền trí, đã kịp thời củng cố tâm thức dao động luyến ái của ông trong lúc bệnh tật với những lời xác tín mạnh mẽ và sáng suốt, được mệnh danh là những lời nói “hòa ái”, từ mẫn, đưa đến lợi ích giác ngộ².

Câu chuyện như sau:

“Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi Cá Sấu, rừng Bhesakàla, vườn Lộc Uyển. Lúc bấy giờ,

gia chủ, cha của Nakula bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi nữ gia chủ, mẹ của Nakula nói với cha của Nakula như sau:

- Thưa Gia chủ, chớ có mạng chung với tâm còn mong cầu ái luyến. Thưa Gia chủ, đau khổ là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thưa Gia chủ, Gia chủ có thể suy nghĩ: 'Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, không có thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa'. Thưa Gia chủ, chớ có nghĩ như vậy! Thưa Gia chủ, tôi khéo léo dệt vải và chải lông cừu. Thưa Gia chủ, sau khi Gia chủ mệnh chung, tôi có thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa. Do vậy, thưa Gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, này Gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.

Thưa Gia chủ, Gia chủ có thể suy nghĩ như sau: 'Nữ Gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ đi đến một gia đình khác'. Thưa Gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thưa Gia chủ, Gia chủ cũng đã biết, trong mười sáu năm chúng ta sống làm người gia chủ, tôi đã sống thực hành Phạm hạnh như thế nào. Do vậy, thưa Gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, thưa Gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.

Thưa Gia chủ, Gia chủ có thể suy nghĩ như sau: 'Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ không còn muốn yết kiến Thế Tôn, sẽ không còn muốn yết kiến chúng Tăng'. Thưa Gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Sau khi gia chủ mệnh chung, tôi sẽ muốn yết kiến Thế Tôn nhiều hơn, sẽ muốn yết kiến chúng Tăng nhiều hơn. Do vậy, thưa Gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, này Gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.

Thưa Gia chủ, Gia chủ có thể suy nghĩ như sau: 'Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ không giữ giới một cách đầy đủ'. Thưa Gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thưa Gia chủ, cho đến khi nào, các nữ đệ tử gia chủ mặc áo trắng của Thế Tôn còn giữ Giới Luật một cách đầy đủ, tôi là một trong những người ấy. Nếu ai có nghi ngờ hay phân vân, hiện nay Thế Tôn đang ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi Cá Sấu, rừng Bhesakàla, vườn Lộc Uyển, người ấy hãy đi đến Thế Tôn và hỏi. Do vậy, thưa Gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, thưa Gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.

Thưa Gia chủ, Gia chủ có thể suy nghĩ như sau: 'Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, không có chúng được nội tâm tịnh chỉ'. Thưa Gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thưa Gia chủ, cho đến khi nào, các nữ đệ tử gia chủ mặc áo trắng của Thế Tôn

còn chúng được nội tâm tịnh chỉ, tôi sẽ là một trong những vị ấy. Nếu ai có nghi ngờ hay phân vân, hiện nay Thế Tôn đang ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi Cá Sấu, rừng Bhesakàla, vườn Lộc Uyển, người ấy hãy đi đến Thế Tôn và hỏi. Do vậy, thưa Gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, thưa Gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.

Thưa Gia chủ, Gia chủ có thể suy nghĩ như sau: 'Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, trong Pháp và Luật này không đạt được thể nhập, không đạt được an trú, không đạt được thoải mái, không vượt khỏi nghi hoặc, không rời được do dự, không đạt được vô úy, còn phải nhờ người khác sống trong lời dạy đức Bốn Sư'. Thưa Gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thưa Gia chủ, cho đến khi nào, các nữ đệ tử gia chủ mặc áo trắng của Thế Tôn, trong Pháp và Luật này đạt được thể nhập, đạt được an trú, đạt được thoải mái, vượt khỏi nghi hoặc, rời được do dự, đạt được vô úy, không phải nhờ người khác sống trong lời dạy đạo đức Bốn Sư, tôi sẽ là một trong những người ấy. Nếu có ai nghi ngờ hay phân vân, hiện nay Thế Tôn đang ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi Cá Sấu, rừng Bhesakàla, vườn Lộc Uyển, người ấy hãy đi đến Thế Tôn và hỏi. Do vậy, thưa Gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, thưa Gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.

Rồi cha của Nakula được nữ gia chủ, mẹ của Nakula giáo giới với lời giáo giới này, bệnh hoạn liền khi ấy được khinh an và gia chủ, cha của Nakula thoát khỏi bệnh ấy. Được đoạn tận như vậy là bệnh ấy của gia chủ, cha của Nakula. Rồi gia chủ, cha của Nakula được lành bệnh, sau khi lành bệnh không bao lâu, chống gậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đành lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Thế Tôn nói với gia chủ, cha của Nakula đang ngồi xuống một bên:

- 'Thật lợi ích thay cho Ông, này Gia chủ! Thật khéo lợi ích thay cho Ông, này Gia chủ! Được nữ gia chủ, mẹ của Nakula với lòng từ mẫn, vì muốn hạnh phúc, đã giáo giới, đã khuyên dạy Ông. Cho đến khi nào, này Gia chủ, Ta còn có những đệ tử gia chủ mặc áo trắng gìn giữ Giới Luật viên mãn, nữ gia chủ, mẹ của Nakula là một trong những vị ấy. Cho đến khi nào, này Gia chủ, Ta còn có những đệ tử gia chủ mặc áo trắng chúng được nội tâm tịnh chỉ, nữ gia chủ, mẹ của Nakula là một trong những vị ấy. Cho đến khi nào, này Gia chủ, Ta còn có những đệ tử gia chủ mặc áo trắng, trong Pháp và Luật này đạt được thể nhập, đạt được an trú, đạt được thoải mái, vượt khỏi nghi hoặc, rời được do dự, đạt được vô úy, không còn phải nhờ người khác sống trong lời dạy đức Bốn Sư, nữ gia chủ, mẹ của Nakula là một trong những vị ấy. Thật lợi ích thay cho Ông, này Gia chủ! Thật khéo lợi ích thay cho Ông, này Gia chủ, được nữ gia chủ, mẹ của Nakula với lòng từ mẫn, vì muốn hạnh phúc, đã giáo giới, đã khuyên dạy Ông'.



Nữ gia chủ, mẹ của Nakula là một đệ tử tại gia xuất sắc của Đức Phật, được Đức Thế Tôn xác chứng là người luôn luôn nói những lời sáng suốt đầy từ ái. Trong văn cảnh bài kinh trên, Đức Thế Tôn xem những lời xác tín của nữ gia chủ, mẹ của Nakula là những lời giáo giới, những lời khuyên dạy đầy từ mẫn và lợi ích cho gia chủ, cha của Nakula. Đọc lại những lời tuyên bố mạnh mẽ của bà thì không những bà là người phụ nữ đức hạnh đảm đang mà còn là bậc sáng suốt có trí tuệ, chứng đạt nội tâm tịch tịnh, thành tựu quán hạnh, và với trí tuệ thể nhập Thánh đạo thấy rõ gốc rễ của khổ đau. Bà khuyên gia chủ, cha của Nakula, chớ để tâm rơi vào luyến ái gia đình, vợ con trong lúc mệnh chung; vì như thế tức là tự khiến cho mình rơi vào vòng luân quần khổ đau. Đây là lời khuyên nhắc đầy từ ái của người vợ hiền trí đối với vị phu quân của mình, một lời khuyên sáng suốt, có khả năng đưa đến đoạn trừ khổ đau, chỉ được phát ra từ những người đã đạt được nội tâm thanh tịnh, và với trí tuệ thể nhập thấy rõ luyến ái là gốc rễ của khổ đau. Thông thường thì người đời lo sợ nhất là không nhận được hay đánh mất đi tình cảm thương mến của người khác, đặc biệt là trong trường hợp đời sống tình cảm vợ chồng; vì vậy mà hiếm khi người ta trao cho nhau những lời trái ngược. Chỉ có đạo Phật mới nói rõ tình cảm luyến ái là nguyên nhân của khổ đau, và cũng chỉ có những người đã thực nghiệm sâu về khổ đau và cội gốc của khổ đau mới có thể nói lên những điều sáng suốt, chân thực, tường chừng như không có tình cảm như thế³. Hoàng hậu Mallikà chứng thực cho vua Pasenadi điều mà Đức Thế Tôn gọi là “Ái luyến sinh sầu ưu”⁴:

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có thương công chúa Vajiri của thiếp không?

– Phải, này Mallikà, ta thương công chúa Vajiri.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho công chúa Vajiri của Đại vương. Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Này Mallikà, nếu có sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho công chúa Vajiri của ta, thì sẽ có một sự thay đổi đến đời sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta, sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có yêu thương thân thiếp không?

– Phải, này Mallikà, ta có thương yêu Hoàng hậu.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho thân thiếp, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Này Mallikà, nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho Hoàng hậu, thì sẽ có một sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta, sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có yêu thương dân chúng Kasi và Kosala không?

– Phải, này Mallikà, ta thương yêu dân chúng Kasi và Kosala. Này Mallikà, nhờ sức mạnh của họ, chúng ta mới có được gỗ chiên-đàn từ nước Kasi và dùng các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho dân chúng Kasi và Kosala, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Này Mallikà, nếu có một sự biến dịch đổi khác xảy đến cho dân chúng nước Kasi và Kosala, thì sẽ có một sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta, sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương, mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã nói: “Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh ra, hiện hữu từ nơi ái”.

Theo quan điểm của đạo Phật thì ái (*tanhà*) là một trong số các mắt xích trói buộc chúng sanh ở trong vòng luân hồi khổ đau. Nó là tình cảm quyến luyến đối với mọi thứ trên cuộc đời, có gốc rễ là vô minh hay si mê, chịu sự tác động trực tiếp bởi cảm xúc hay cảm thọ. Nó là một dạng tâm thức luyến ái, muốn ôm ấp nắm giữ mọi thứ mà nó đã trải nghiệm, tiếp tục tìm cầu lạc thú trong các cảnh giới hành hoạt của nó một cách thích thú, mê đắm, không buông bỏ. Chính tâm thức ái luyến đó là năng lực tạo ra sự tái sanh, khiến cho sự sống tiếp tục diễn ra dưới hình thức này hay hình thức khác ở trong các cảnh giới khác nhau của thế giới luân hồi khổ đau.

“Chính ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái”.

Theo tuệ giác của Phật thì sự hiện hữu của bất kỳ sự vật hay hiện tượng nào trong thế giới luân hồi là đồng nghĩa với sự hiện hữu của khổ đau, vì chúng là pháp hữu vi (*samkhata*), chịu sự thay đổi, biến dịch, hủy hoại, thuộc bản chất khổ đau, không ai làm chủ được, không ai can thiệp được. Đã là pháp hữu vi, chịu sự biến dịch, hủy hoại mà sinh tâm luyến ái, muốn ôm ấp nắm giữ tức là mời gọi khổ đau.

“Này Ananda, Ta không quán thấy một sắc pháp (pháp hữu vi) nào trong ấy có hoan hỷ, trong ấy có hoan lạc, chịu sự biến dịch, chịu sự đổi khác mà không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não”.

Do không thấy được bản chất hoại diệt khổ đau của pháp hữu vi nên chúng sanh rơi vào thích thú, luyến ái, khao khát, tìm cầu cái hiện hữu; chính tâm lý luyến ái, khao khát (*tanhà*) đối với sự kiện hiện hữu như vậy khiến cho một đời sống mới tiếp tục được tạo ra, cũng đồng nghĩa là khổ đau tiếp tục được tạo ra và kéo dài mãi mãi⁸. Chính vì thế mà đạo Phật xem tâm lý luyến ái là nguyên nhân dẫn đến khổ đau và khuyên nhắc mọi người nỗ lực nhiếp phục và vượt qua cảm thức luyến ái để giải thoát khổ đau. Đây là quan điểm rất trí tuệ của đạo Phật trong phương pháp nhận thức và giải quyết khổ đau, được vận dụng dựa trên nền tảng sự thực hành Bát Thánh đạo hay sự nỗ lực phát triển các phẩm chất đạo đức, tâm linh và trí tuệ tự nội đưa đến đoạn tận khổ đau.

Trong đạo Phật, người nào nỗ lực phát huy và đạt đến sự hiểu biết theo cách trên thì được gọi là “Thánh đệ tử có trí tuệ, có trí tuệ về sanh diệt (thấy rõ tính chất vô thường, khổ đau của hết thảy pháp hữu vi), thành tựu

Thánh thể nhập (quyết trạch) đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau”. Nữ gia chủ, mẹ của Nakula được gọi bậc hiền trí là vì thế.

Đáng chú ý rằng trong giáo pháp của Đức Phật thì trí tuệ luôn đóng vai trò hết sức quan trọng, vì chỉ có trí tuệ thấy rõ bản chất hư huyền của thân ngũ uẩn, tính chất vô thường, mong manh của hết thảy pháp hữu vi mới có công năng giúp cho chúng sanh thoát khỏi si mê, rời bỏ thói quen tham ái, xa lìa tâm chấp thủ, thoát ly mọi hệ lụy khổ đau. Trong bài kinh *Xúng đò* dạy cho cha mẹ Nakula, Đức Phật đã nói đến bốn đức tính đồng đẳng và khuyên cặp vợ chồng này nên nỗ lực nuôi dưỡng và phát huy nhằm bảo đảm đời sống hôn nhân được tiến triển vững bền theo chiều hướng tiến dẫn đến cứu cánh giải thoát, cứu cánh giác ngộ. Trong số bốn đức tính đồng đẳng ấy, đồng trí tuệ được xem là đức tính quan trọng và lớn nhất bên cạnh ba đức tính khác là đồng tín, đồng giới, đồng bố thí. Theo lời Phật thì những người thương yêu nhau muốn có được đời sống hôn nhân hạnh phúc và muốn tiếp tục gặp gỡ nhau trong các đời sau theo hướng cùng song hành đi đến mục đích giác ngộ thì cần phải khuyến khích nhau nuôi dưỡng và phát huy bốn đức tính đồng đẳng gồm đồng tín, đồng giới, đồng thí và đồng trí tuệ⁹. Đây là pháp môn tu tập rất hay của đạo Phật dành cho những người yêu thương nhau, mong muốn sống hạnh phúc với nhau lâu đời lâu kiếp, không đổ vỡ, không chia lìa. Sở dĩ có sự hòa hợp gắn kết nhiều đời kiếp như vậy giữa hai người thương yêu nhau ấy là bởi cả hai cùng song hành trên một đạo lộ, cùng nỗ lực tu tập để hoàn thiện bản thân, lấy giới đức và thiện định làm lẽ sống, lấy mục đích đoạn tận khổ đau làm cứu cánh, tuy sống ở gia đình nhưng tâm thiên về viễn ly (*nekkhamma*). Nói cách khác, đó là phạm hạnh của những người cư sĩ có trí tuệ, đã hành sâu pháp giác ngộ của Phật, tuy sống đời sống gia đình nhưng hoàn toàn ly dục, tâm tư được nhiếp phục, không còn dục ái (*virāga*), đã hiểu rõ Thánh đế, thể nhập Thánh đạo, đang từng bước diệt trừ các kiết sử, đi ra khỏi khổ đau, quyết chắc đạt đến giác ngộ tối hậu¹⁰. ■

Chú thích:

1. Kinh Đại Thiện Kiến Vương, Trường Bộ.
2. Kinh Cha mẹ Nakula, Tăng Chi Bộ.
3. Kinh Đại Thiện Kiến Vương, Trường Bộ; Kinh Ái sanh, Trung Bộ.
4. Pháp Cú, kệ số 213.
5. Kinh Ái sanh, Trung Bộ.
6. Kinh Như Lai thuyết, Tương Ưng Bộ.
7. Kinh Tiểu không, Trung Bộ.
8. Kinh Thánh cầu, Trung Bộ.
9. Kinh Xúng đò, Tăng Chi Bộ.
10. Kinh Mẹ của Nanda, Tăng Chi Bộ.



Quang minh tạng

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

1 Quang minh tạng

Khởi đầu của chương thứ nhất kinh *Hoa Nghiêm*, danh từ quang minh tạng được nói đến rất nhiều: “quang minh của chư Phật”, “tất cả thần biến của chư Phật ba đời đều thấy trong quang minh”, “các Bồ-tát ấy đã vào tạng pháp giới trí vô phân biệt, đã bước trên đất Phổ Quang Minh của Như Lai”, “lưới quang minh”...

Quang minh tạng được nói nhiều trong những chương đầu. Chẳng hạn bài kệ của Bồ-tát Phổ Hiền:

Các cõi vững chắc diệu trang nghiêm

Rộng lớn thanh tịnh quang minh tạng.

(Phẩm *Hoa tạng thế giới*, thứ 5)

Lại có an trụ tạng quang minh.

(Phẩm *Thế giới thành tựu*, thứ 4)

Tạng quang minh ấy là Pháp thân, kinh *Viên Giác* gọi là “Đại Quang minh tạng, chỗ trụ trì quang nghiêm của tất cả Như Lai, cũng là giác địa thanh tịnh của chúng sanh”.

Pháp thân quang minh soi mọi sự

Pháp tánh vô tướng không gì sánh.

(Phẩm *Thế chủ Diệu Nghiêm*, thứ 1)

Quang minh rộng lớn Phật pháp thân
Chân Như bình đẳng thân vô tướng.

(Phẩm *Thế chủ Diệu Nghiêm*, thứ 1)

Pháp giới nằm trong tạng quang minh:

Mười phương vi trần cõi

Lưới sáng trùm khắp nơi

Quang minh đều có Phật

Khắp hóa độ quần sanh.

(Phẩm *Như Lai hiện tướng*, thứ 2)

Tạng quang minh ấy là Phật, là Pháp thân Phật:

Phật là tạng quang minh vô biên.

(Phẩm *Thăng Đâu-suất thiên cung*, thứ 23)

Phật là biển trí của thế gian

Phóng tịnh quang minh đều cùng khắp.

(Phẩm *Thế chủ Diệu Nghiêm*, thứ 1)

Thế Tôn quang minh vô cùng tận

Chiếu khắp pháp giới chẳng nghĩ bàn.

(Phẩm *Thế chủ Diệu Nghiêm*, thứ 1)

Tạng quang minh là pháp thân, “là thật tướng của tất cả các pháp” (Phẩm Thế chủ Diệu Nghiêm, thứ 1), là Như Lai tạng, là Phật tánh.

Tạng quang minh ấy là ánh sáng nền tảng, từ đó mọi cái chúng ta cảm nhận, mọi đối tượng của mắt tai mũi lưỡi thân ý đều là những “ảnh hiện”: “Tất cả chúng sanh, nhà cửa, nơi chốn của họ đều hiện bóng trong đó” (Phẩm Thế chủ Diệu Nghiêm, thứ 1), “Tất cả cảnh vật trong đại thiên thế giới đều hiển hiện trong quang minh Phật” (Phẩm Quang minh giác, thứ 9). Tóm lại, tất cả chúng sanh, thế giới đều là ảnh hiện từ, và trong, quang minh tạng:

*Tất cả ảnh tượng đều hiện trong
Các thứ trang nghiêm đều ảnh hiện.*
(Phẩm Thế chủ Diệu Nghiêm, thứ 1)
*Quang minh ảnh hiện thành đài tòa
Quang minh thanh tịnh đấng Biển tri
Trong vật trang nghiêm đều hiện bóng.*
(Phẩm Hoa Tạng thế giới, thứ 5)

Sự ứng hiện, xuất hiện, khắp hiện, biểu lộ này là khắp pháp giới:

*Tất cả sắc hình đều hóa hiện
Mười phương pháp giới đều đầy khắp
Phật thân sắc tướng đồng chúng sanh.*
(Phẩm Thế chủ Diệu Nghiêm, thứ 1)

Bởi vì mọi sự đều là ảnh hiện từ, và của, quang minh tạng, nên mọi sự đều là quang minh, là ánh sáng căn bản:

*Bất khả thuyết cõi nước
Trang nghiêm nơi một cõi
Mỗi vật phóng quang minh.*
(Phẩm Hoa Tạng thế giới, thứ 5)
*Trong mỗi mỗi vi trần
Quang minh đều đầy đủ.*
(Phẩm Như Lai hiện tướng, thứ 2)

Thế nên, tất cả các pháp là Phật pháp: “Nơi tất cả pháp nghĩ tưởng là Phật pháp” (Phẩm Ly thế gian, thứ 38).

Nền tảng quang minh này xuất sanh tất cả các pháp nên cũng chính nhờ nền tảng quang minh này mà giác ngộ (Phẩm Quang minh giác, thứ 9).

Sự biểu lộ thành muôn vàn sắc tướng của pháp giới là biểu lộ của pháp tánh như hư không. Hiện mà không hiện, vẫn không chỗ trụ, vô sanh, cho nên những ứng hiện, biểu lộ ấy là tự giải thoát, như huyễn, “chỗ hiện đều như bóng”:

*Thân Phật vốn vô sanh
Mà thị hiện xuất sanh
Pháp tánh như hư không
Chư Phật trụ trong đó.
Không trụ cũng không đi
Mọi nơi đều thấy Phật
Quang minh chiếu cùng khắp*

*Danh tiếng khắp các cõi.
Vô thể, vô sở trụ
Cũng không có chỗ sanh
Không tướng cũng không hình
Chỗ hiện đều như bóng.*
(Phẩm Như Lai hiện tướng, thứ 2)

Tất cả các pháp là ảnh hiện của tạng quang minh, nên tất cả các pháp là như huyễn:

*Phật rõ pháp như huyễn
Thông đạt không chướng ngại.*
(Phẩm Quang minh giác, thứ 9)

Cái thấy tất cả các pháp đều là quang minh, ánh sáng căn bản, đều là sự thị hiện, sự biểu lộ của Pháp thân quang minh tạng, và do đó, như huyễn, đó là cái thấy của kinh Hoa Nghiêm.

2 Thực hành cái thấy trong đời sống hàng ngày

a. Kinh nghiệm sự vật

Nền tảng của mọi sự xuất hiện, con người, sự vật, thế giới... là Quang minh tạng. Bất cứ hiện hữu nào cũng từ quang minh tạng, hiện hữu trong quang minh tạng và tiêu tan trong quang minh tạng.

Khi tin được, thoáng thấy được thực tại Quang minh tạng bao trùm khắp và mọi hiện hữu đều xuất hiện từ nó, sự thực hành là thấy vật gì đều biết nó là ảnh hiện của Quang minh tạng. Tiếp xúc với một sự vật tức là tiếp xúc với quang minh tạng, do đó chúng ta có thể tiếp xúc với Pháp thân quang minh tạng ở khắp mọi không gian và thời gian.

Thiền định là đi sâu vào cái thấy Quang minh tạng bằng cách thấy sắc tướng ở đâu thì ở đó là Quang minh tạng. Kinh thường nói về tấm gương, viên ngọc như ý, mặt trăng trong nước, lưới trời Đế-thích... để chỉ rằng hiện tượng hay ảnh hiện ở đâu thì ở đó là mặt gương sáng, là Quang minh tạng.

*Mặt trời không mây mờ
Chiếu sáng khắp mười phương
Quang minh không sai khác
Pháp chư Phật như vậy.*
(Phẩm Bồ-tát vấn minh, thứ 10)

*Như mặt gương sáng sạch
Theo hình mà hiện bóng
Phật phước điển cũng vậy
Tùy tâm được báo khác.*
(Phẩm Bồ-tát vấn minh, thứ 10)

Ánh sáng mặt trời ở khắp nơi, cho nên thấy vật gì thì ở đó có ánh sáng bình đẳng không sai khác của mặt trời. Bóng hiện ở đâu thì tấm gương sáng sạch có ở đó. Ngoài tấm gương sáng không có bóng. Cho nên ngay nơi bóng chính là tấm gương, ngay nơi ảnh hiện chính là quang minh tạng.

Cũng như trong *kinh Đại Bát-nhã*, sắc tướng không khác tánh Không, sắc tướng chính là tánh Không. Bóng không khác gương, bóng chính là gương. “Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác sắc. Sắc tức là Không, Không tức là sắc”.

Mặt khác, khi nhận biết các sự vật là ảnh hiện, là sự biến hiện của gương quang minh tạng, người ta thấy những sự vật là như huyễn, vì “vốn vô sanh mà thị hiện xuất sanh, không đến cũng không đi”. Khi thấy các sắc tướng là như huyễn, chúng bèn tự động tan vào nền tảng của chúng là quang minh tạng. Do đó chính nơi sự vật như huyễn ấy, người ta giải thoát. Như khi nhìn thấy bóng ở trong gương, nhưng bóng ấy chẳng phải là gương, bóng chỉ là sự ứng hiện theo duyên của gương, bóng là như huyễn như mộng, người ta giải thoát khỏi tất cả các bóng.

Với thiền định và thiền quán sắc thanh hương vị xúc pháp là quang minh tạng, người ta làm quen với quang minh tạng Pháp thân, dần dần mở rộng trường kinh nghiệm về quang minh tạng. Thấy bóng ở đâu thì quang minh tạng ở đó, càng thấy nhiều bóng là mặt gương chừng nào thì kinh nghiệm về mặt gương càng rộng lớn chừng đó. Thấy bóng là như huyễn và nhiều bóng như huyễn càng tiêu tan vào mặt gương sáng quang minh tạng chừng nào thì kinh nghiệm về mặt gương sáng quang minh tạng càng lớn rộng chừng đó.

Thấy biết, kinh nghiệm sự biểu lộ của quang minh tạng càng ngày càng sâu rộng, tức là sự chứng ngộ quang minh tạng Pháp thân càng ngày càng sâu rộng.

b. Kinh nghiệm ý tưởng

Bởi vì “Tâm, Phật, và chúng sanh. Cả ba không sai

khác” (*Phẩm Đa-ma cung kệ tán*, thứ 20), cho nên khi Phật là quang minh tạng thì tâm chúng sanh chúng ta cũng là quang minh tạng.

Nền tảng hay bản tánh của tâm là quang minh tạng, thế nên bất cứ ý tưởng nào sanh khởi đều xuất sanh từ quang minh tạng, hiện hữu trong quang minh tạng và tan chìm trong quang minh tạng. Bằng một cái nhìn thấu suốt, một quán chiếu sâu sắc (*insight*), người ta thấy ý tưởng chính là ảnh hiện, biểu hiện của quang minh tạng. Như khi thấy sóng khởi lên, người ta biết đó là sự xuất hiện, sự biểu lộ của đại dương.

Càng kinh nghiệm sâu rộng về các ý tưởng khởi và diệt là quang minh tạng, người ta càng kinh nghiệm sự bao la và sâu thẳm của thực tại nền tảng là Pháp thân quang minh tạng. Mỗi ý tưởng khởi lên, mỗi một niệm khởi, là cơ hội để cho chúng ta nhìn ra thực tại nền tảng quang minh tạng. Sự thấy biết nền tảng quang minh tạng của những ý tưởng càng rộng lớn thì kinh nghiệm về Pháp thân quang minh tạng càng rộng lớn.

Mặt khác, vì các ý tưởng khởi từ quang minh tạng tức tánh Không, nên những ý tưởng là rỗng không, như huyễn, không có tự tánh. Chúng là sự biến hiện rỗng không, như huyễn của quang minh tạng tánh Không. Thấy biết các ý tưởng là như huyễn thì các ý tưởng tự động tan vào nền tảng của chúng là quang minh tạng. Các ý tưởng như huyễn tự giải thoát trong quang minh tạng. Như thế, người ta giải thoát chính vào lúc ý tưởng sanh khởi. Như các sóng là sự biến hiện của đại dương, nói chúng là đại dương thì không phải, nói chúng là khác với đại dương cũng không phải, do đó, chúng có mà không có, chúng sanh mà không sanh, chúng là như huyễn.

Những sắc tướng và những ý tưởng là những cơ hội luôn luôn có mặt để chúng ta nhìn thấy bản tánh của tất cả kinh nghiệm thân tâm là quang minh tạng tánh Không. Nếu không biết, sắc thanh hương vị xúc pháp là những cái đưa chúng ta vào mê lầm tạo ra sanh tử khổ đau. Nếu thấy biết bản tánh của chúng là quang minh tạng thì chúng là những cơ hội luôn luôn sẵn có để chúng ta giải thoát và giác ngộ.

Với sự thực hành trên sự nhận biết những xuất hiện của tướng và tướng là những ảnh hiện như huyễn của quang minh tạng tánh Không, trong đời sống hàng ngày người ta càng lúc càng làm cho kinh nghiệm về quang minh tạng tánh Không thêm rộng lớn, sự thấy biết thực tại ấy càng rõ ràng, càng hiện tiền. Như vậy, người ta sống bằng một tâm quang minh tạng ngay tại thế gian như huyễn này. Đó là con đường Bồ-tát.

Như Thiền sư Thường Chiếu (tịch năm 1203) nói trong một bài kệ:

Ở đời làm thân người
Tâm là Như Lai tạng
Chiếu sáng khắp mười phương
Tìm nó càng trống rỗng. ■



Độc văn tế cụ Võ Trường Toản

Bài & ảnh: NGUYỄN PHÚC VINH BA

1 Một người bạn từ xa về, ghé Ba Tri, Bến Tre thắp hương cho cụ Võ Trường Toản. Sau mộ cụ kiểu voi phục, người bạn chúng tôi còn thấy có một tấm bình phong với một số chữ Hán viết thảo, nét chữ rất sắc sảo. Tìm quanh chẳng thấy có bản giải thích và cũng không biết hỏi ai, người bạn chụp lại hình và gửi cho chúng tôi. Chúng tôi thiết nghĩ rằng danh nhân nước nhà như cụ Võ Trường Toản nào có mấy người, công đức cho con cháu đời sau dày dặn, mấy câu văn này hẳn có ý nghĩa thâm sâu, thế nên chúng tôi bỏ công tìm hiểu. Việc làm nho nhỏ này vì một đề bày tỏ lòng tri ân của đám hậu sinh đối với bậc tiên hiền, hai để giúp các du khách khác đến đây viếng mộ hiểu biết thêm mà sinh lòng mến mộ cụ. Ấu cũng là một việc nên làm lắm ru!

2 Theo Bách khoa Toàn thư mở Wikipedia và sách *Thành ngữ Điển tích Danh nhân Từ điển* của Giáo sư Trịnh Văn Thanh, cụ Võ Trường Toản (武長纘 ? - 1792), hiệu Sùng Đức; là một nhà giáo nổi tiếng "học rộng, có đức hạnh hơn người" ở Gia Định vào thế kỷ XVIII. Tổ tiên cụ vốn là người Hoa lánh nạn Mãn Thanh sang cư trú ở Đàng Trong. Về sau, các bậc trưởng bối này từ miền Trung vào miền Nam lập nghiệp.

Tiểu sử của cụ đã được đại thần Phan Thanh Giản tóm tắt trong một bài văn bia bằng chữ Hán soạn năm Đinh Mão (1867), tạm dịch ra như sau:

"Tiên sinh họ Võ, húy Trường Toản. Đời trước hoặc nói là người Thanh Kê (Quảng Đức), hoặc nói người Bình Dương (Gia Định), trước thọ nghiệp cùng ai chưa biết rõ. Chỉ biết sở học của tiên sinh đã tới bậc dày dặn, đầy đủ, chất thật có thuật nghiệp thâm uyên thông đạt. Xảy hồi loạn Tây Sơn, tiên sinh ở ẩn mở trường dạy học, thường học trò đến mấy trăm. Ông Ngô Tùng Châu là môn sinh cao đệ nhất. Thứ đến là các ông Trịnh Hoài Đức, Phạm Ngọc Uẩn, Lê Quang Định, Lê Bá Phẩm, Ngô Nhơn Tịnh.

Bậc danh sĩ là ông Chiêu, ông Trúc đều ẩn dật. Ngoài ra không kể hết được... Các ông ấy đều gặp hồi phong vận, thời trung hưng triều Gia Long đức bậc tôi hiền, có người hoặc sát thân để làm nên điều nhân, hoặc quên mình để trọng tiết nghĩa, thầy đều nên công nghiệp lớn... Lúc ngự vào Gia Định, đức Thế Tổ Cao Hoàng đế hàng triệu tiên sinh tới đối ứng... Tiên sinh không khứng ra làm quan, nên đại khái không thấy được sự nghiệp. Từ thuở tiên sinh lấy lối học nghĩa lý để giáo hóa, chẳng những đương thời đào tạo được nhiều bậc nhân tài, mà còn truyền thuật, giảng luận, trau dồi về sau..."

Cụ Võ Trường Toản mất ngày mồng 9 tháng 6 năm Nhâm Tý (tức 27 tháng 7 năm 1792).

Hài cốt của nhà giáo Võ Trường Toản lúc đầu được chôn tại làng Hòa Hưng, là nơi ông từng ngồi dạy học. Chuẩn theo lời tâu của Phan Thanh Giản, năm 1852, vua Tự Đức đã ban chỉ "lập đền thờ, hiến ruộng để phụng sự, mỗi năm xuân thu cúng tế" cho cụ.

Để tưởng nhớ công đức của thầy, học trò cũ của cụ cũng có câu đối tưởng niệm:

*Sinh tiền giáo huấn đắc nhân, vô tử nhi hữu tử
生前教訓得人, 無子而有子
Một hậu thịnh danh tại thế, tuy vong giả bất vong.
沒後盛名在世, 雖亡者不亡.*

Dịch nghĩa:

Lúc sống, dạy dỗ được nhiều người, không con mà cũng như có

Khi chết, tên còn để lại đời, tuy mất mà hoá ra chẳng mất.

Quả là rất chí lý và đúng mãi với thời gian.

Hiện trong Tự Văn lâu nằm trong khuôn viên Văn Thánh Miếu Vĩnh Long có đặt bài vị thờ cụ.

Sau khi quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (1862), Phan Thanh Giản, Nguyễn Thông (Đốc học Vĩnh Long), Phạm Hữu Chánh (Hiệp trấn An Giang), hiệp cùng nhiều sĩ phu khác đã cải táng di cốt của Võ

Trường Toàn (cùng vợ và con) về làng Bảo Thạnh (Ba Tri, Bến Tre), với ý nghĩa là không để mộ thầy nằm trong vùng cai quản của quân xâm lược. Ngày cải táng (28 tháng 3 âm lịch năm 1867), Nguyễn Thông đã thay mặt các nho sĩ đứng làm chủ lễ.

Vì thế, hiện nay trong nhà thờ cụ Võ Trường Toàn ở Bến Tre có treo hai câu đối sau:

Gia Định sinh tiền, thân bản tiết mạc bại, xử sĩ thiên thu xán tiết

嘉定生前, 身貧節莫敗, 處士千秋燦節

Trúc Tân táng hậu, cốt khô danh bất hủ, lương sư vạn cổ lưu danh.

竹津葬後, 骨枯名不腐, 良師萬載留名.

Dịch nghĩa:

Lúc còn sống ở Gia Định, nhà nghèo nhưng khí tiết vẫn hiên ngang, không chịu ra làm quan ngàn năm sáng ngời khí tiết đó.

Chết rồi chôn ở Bến Tre (Trúc Tân) xương khô song danh tiếng không lu mờ, mãi mãi là bậc thầy giỏi vạn năm còn để lại tuổi tên.

Khu mộ của Võ Trường Toàn được người ở Bảo Thạnh gọi là “khu mộ ông Hậu Tố”, vì cụ là người có công truyền dạy luân lý Khổng Mạnh ở vùng đất Đồng Nai - Gia Định.

3 Đọc tiểu sử của cụ Võ Trường Toàn rồi mới thấy cái tài hoa của người viết mấy hàng văn tế ngắn ngủi ở bình phong trên. Bản văn đó như sau:

Hà Phần xử sĩ

河汾處士

Nhạc Lộc lương sư

嶽麓良師

Quốc vận hưng, dân hoá thịnh.

國運興, 民化盛

Hà hạc nhạc bằng

河涸嶽崩

Y!

噫

Dịch nghĩa:

Người ở ẩn tại ngã ba sông Hà, sông Phần

Vị thầy giỏi nơi chân núi Nhạc Lộc

Vận nước hưng lên

Phong hoá trong dân tốt hẳn.

Nay sông cạn rồi, núi lở rồi.

Than ôi!

Ngay câu đầu trong bài văn tế ngắn gọn trên, tác giả đã gọi cụ Võ Trường Toàn là xử sĩ thì hẳn rồi vì “*Tiên sinh không khứng ra làm quan*” như lời cụ Phan Thanh Giản nhưng gọi cụ là Hà Phần xử sĩ thì là một cách ca tụng rất sâu sắc. Hà Phần xử sĩ là cụm từ chỉ bậc đại nho Vương Thông vào đời Tuỳ mạt. Cụ Vương Thông không ra làm quan, chỉ mở trường dạy học ở ngã ba sông Hoàng Hà

và sông Phần, dạy hơn cả ngàn môn đồ, trong đó có những danh đồ như Phòng Huyền Linh (tể tướng, khai quốc công thần đời Đường), Ngụy Trưng, Lý Tĩnh, Đỗ Như Hối, Trình Nguyên,... Học trò ông đều toàn là đại công thần của triều Đường thưở mới khai lập.¹

Võ tiên sinh được so sánh với bậc đại nho Vương Thông vì hai vị có nhiều điểm rất giống nhau. Hai cụ đều không tha thiết việc làm quan, chỉ thích đem sở học dạy người. Học trò của cụ Võ Trường Toàn, như chúng ta biết, cũng là các lương đồng của triều Gia Long như Ngô Tùng Châu (Lễ bộ Thượng thư, Thái tử Thái bảo), Trịnh Hoài Đức (tác giả *Gia Định thành thông chí*), Lê Quang Định (Thượng thư Bộ Binh rồi Bộ Hộ), Ngô Nhơn Tịnh (một trong Gia Định tam gia),... Cả hai đều đào tạo nhân tài cho một triều đại mới để thế chân một triều đại cũ đã đến thời mục ruỗng.

Các bậc công thần giúp sức những đấng quân vương trị nước hẳn đều do danh sư dạy dỗ. Việc ấy cũng thường, thế nhưng ở trong sách sử nước ta xưa thì có cụ Chu Văn An, rồi cụ Võ Trường Toàn là được nhắc nhở đến nhiều nhất thôi.

Trong câu tiếp theo, cụ Võ Trường Toàn lại được so sánh với một bậc lương sư ở núi Nhạc Lộc: Chu Hi. Nhạc Lộc thư viện là tên của một trong bốn thư viện² (thực chất là trường học) lớn đời Tống tại núi Lộc, ở chân núi Hành Sơn, phía tây sông Tương, huyện Hành Sơn, phủ Trường Sa, tỉnh Hồ Nam. Ông Chu Hi (1130 – 1200) đã cùng với Trương Thúc hội giảng tại Nhạc Lộc thư viện và chấn hưng nền Lý học Trung Hoa. Quan điểm triết học và giáo dục của Chu Hi có ảnh hưởng lớn các triều đại sau và các nước lân cận như Việt Nam, Nhật Bản,... Sau khi từ quan, Chu Hi về dạy học ở Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Ông dành hết thời gian cho việc giáo dục và viết sách. Theo ông, học nên tuần tự từ từ, không nên tham lam gấp vội. Học tập tất phải kết hợp với suy nghĩ. Học tập phải bao quát hai phương diện là đọc sách và thực hành. Ông được xem như người mở đầu học phái Tống Nho sau này và là một bậc thầy mẫu mực của nền giáo dục Trung Hoa ngày xưa.

Với sự so sánh như trên², tác giả bài văn tế ngắn ngủi này đã cho chúng ta thấy tầm vóc vĩ đại của bậc hàn nho Võ Trường Toàn. Đời dạy học của cụ đã đem lại một cái kết quả vô cùng quý giá cho quê hương tổ quốc: đó là vận nước thanh lên và dân hóa tốt đẹp.

Ngẫm lại, có được cái kết quả trên cũng dễ hiểu thôi. Giáo dục chân chính là đào tạo nhân tài mà nhân tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí tốt ắt quốc gia cường thịnh. Cho nên, một nền giáo dục đúng đắn tất vận nước phải lên, dân hóa phải thịnh. Nói không ngoa, cứ nhìn vào nền giáo dục của một quốc gia thì biết quốc gia đó sẽ tàn lụi đi hay cường thịnh lên.

Ồi thôi, nay cụ phải qui tiên thì đâu có khác gì sông cạn núi lở. Tiếc thương có lẽ biết chừng nào cho đủ. Thế mới hay, bậc sĩ phu đức trọng tài cao là cần thiết



cho đời xiết bao!

Cụ Phan Thanh Giản là tác giả bài văn bia và cũng là người có mặt trong ban cải táng Võ tiên sinh về Bến Tre. Vì thế, chúng tôi đoán rằng Phan học sĩ là tác giả bài văn tế tuyệt vời và súc tích này.

4 Làm kẻ sĩ ở đời dù không “*tiến vi quan*” mà “*thoái vi sư*” như cụ Võ Trường Toản thì mãi mãi vẫn là một vốn quý cho dân tộc, một tấm gương sáng cho con cháu muôn đời. Điều đặc biệt là cụ Võ Trường Toản lại không đỗ đạt khoa bảng gì, không làm quan quyền gì, cụ chỉ có thực tài là vốn hiểu biết uyên thâm để giảng dạy cho học trò. Điều cụ làm được thì lại là quá lòng mong mỏi của vua cũng như dân. Thế mới hay, thực tài là cái vốn cực kỳ quan trọng. Nay nước ta tiến sĩ đến vài chục vạn, trường đại học đến hàng trăm mà dân hóa ngày càng đi xuống: giết chóc tràn lan từ trong gia đình đến ngoài xã hội, cướp giết tưng bừng từ trong lễ hội đến ngoài đường phố, gian dối đầy rẫy từ trong công đường đến ngoài thị trường,... Bậc sư biểu đại diện cho đạo lý nhân nghĩa muôn đời chẳng thấy đâu. Ngó vào đây cũng thấy được nguyên khí đất nước đang tổn thương trầm trọng và chua xót cho nền giáo dục nước nhà.

Chúng tôi tự xét mình trước vong linh cụ và lấy làm hổ thẹn vô cùng. ■

Ghi chú:

1. Trong văn học cổ điển có thành ngữ “*Hà Phần môn hạ*” để chỉ các nhân tài kiệt xuất vốn là học trò của các danh nho.

2. Ba thư viện kia là Bạch Lộc động thư viện ở Lô sơn, Giang Tây; Ứng Thiên thư viện ở Thương Khâu, Hà Nam; Thạch Cổ thư viện tại Hành Dương, Hồ Nam.

3. Liên hệ đến điển tích Nhạc Lộc, Hà Phần, theo GS Trịnh Văn Thanh thì Võ tiên sinh còn được vua Gia Long ban cho câu đối:

“*Triều hữu nguyên huân, bán thuộc Hà phần cựu học
Đầu nam phong giáo, tế khâm Nhạc lộc dư uy*”.

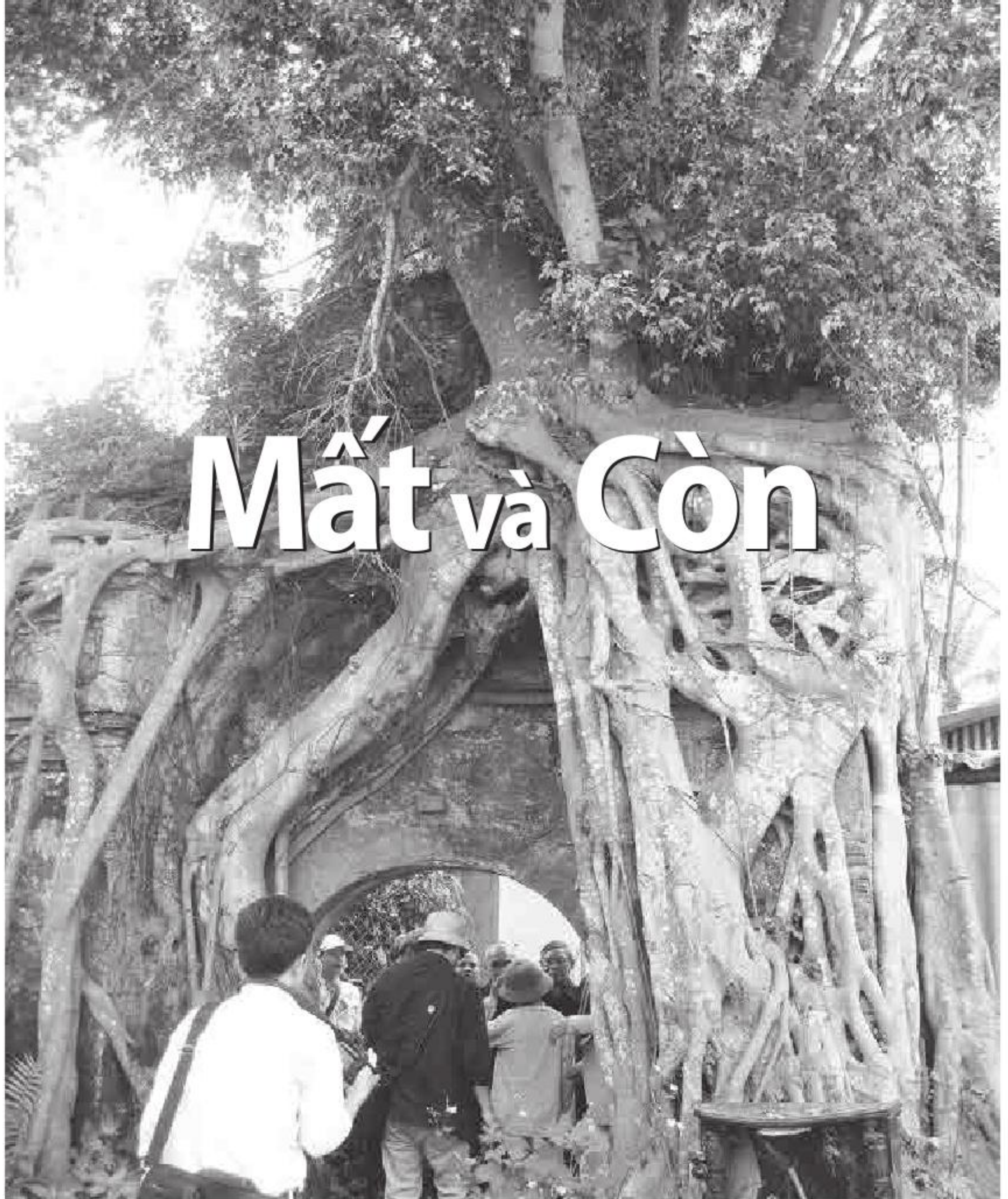
Đại ý hai câu này tỏ lòng mến thương cái công đức của Võ tiên sinh đã đem sự giáo hoá của ông Vương, ông Chu mà làm rực rỡ trong triều ngoài quận” (Sđd, tập 2, tr.1451).

Chúng tôi đồng ý với cách hiểu đại khái câu đối trên như thế. Giá mà GS Thanh phụ chú Hán ngữ cho câu đối này thì dễ dàng cho chúng ta hiểu nó tường tận hơn. Về đầu là:

“*Triều đình lập nên nhiều công đầu,*

Một nửa là nhờ vào công lao của các văn quan học rộng tài cao”.

Về sau thì chúng tôi không dám dịch mò.



Mất và Còn

Bài & ảnh: CAO HUY HÓA

Xin trở về với sử sách nếu ta muốn viếng các ngôi chùa cổ của tỉnh Quảng Bình.

Tháng 3 năm 1301, Thượng hoàng Trần Nhân Tông, lúc đó đã tu theo hạnh Đầu-đà và tự nhận là Hương Vân Đại Đầu-đà, trên đường đi Chiêm Thành, đã dừng chân tại am Tri Kiến. Từ đó am Tri Kiến trở thành ngôi chùa quan trọng để các đời vua chúa thế hệ sau gìn giữ, trùng tu. Năm 1716, chúa Nguyễn Phúc Chu cho đặt tên chùa là Kính Thiên tự, và năm 1821, vua Minh Mệnh đổi là Hoàng Phúc tự. Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép rằng: "Trải qua loạn lạc, chùa bị bỏ hư,

năm Minh Mệnh thứ 2 ngự giá Bắc tuần, nhân vào chơi chùa, ban cho tên hiện nay; năm thứ 4 lấy 100 lạng bạc kho ban cho để sửa lại, năm thứ 7 lại ban cho 150 lạng bạc kho để sửa thêm. Năm Thiệu Trị thứ 2, ngự giá Bắc tuần, ban cho 300 quan tiền, lại làm thơ để ghi thắng tích, bài thơ ấy khắc vào bảng đồng để trong chùa; năm thứ 6 gặp tiết vạn thọ tứ tuần đại khánh, thưởng cho 200 quan tiền. Xét *Ô châu cận lục* nói: 'Chùa Kính Thiên ở huyện Lệ Thủy, gần trạm Bình Giang, nước biếc vòng quanh, núi xanh bao bọc, thực là cảnh chùa lớn trong phủ Tân Bình; chùa có quả chuông lớn nặng ngàn cân; trước có đặt tảng quan và sái phụ phụng sự, sau bị bỏ

hư, chỉ còn nền cũ. Như thế thì chùa Kính Thiên có lẽ là Thái Tổ ta nhân nền chùa cũ mà dựng lại chăng?”¹

Về một ngôi chùa cổ khác, Kim Phong tự, sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: “Chùa Kim Phong ở trên núi Thần Đinh, huyện Phong Lộc, không rõ dựng từ đời nào, sau trải loạn lạc, bị bỏ hư. Năm Minh Mệnh thứ 6, trụ trì là Trần Gia Hội dựng tạm chùa tranh; năm thứ 10, người địa phương là Lê Văn Trúc quyên tiền tu bổ và lợp ngói, vừa có một người lái buôn đồ thuyền ở tấn Nhật Lệ, khi nhổ neo, bắt được một quả chuông cổ bằng đồng, đem cúng vào chùa. Ngày trước, Hoàng Quốc công Đào Duy Từ lên chơi núi Đâu Mâu, đi đường gặp một dị nhân, hiệu Hoàng Phủ, hẹn đến chùa này sẽ truyền thụ cho thần thư. Về sau, thống suất đạo Lưu Đồn kiêm Lý thiện hầu là người biết chữ, nhân lúc rỗi việc quan đến chơi chùa này, thấy một người đầu bạc chống gậy đến, hỏi thì ông già ấy nói: ‘Được lúc rảnh việc, nói chuyện chơi, còn ở Bích Động’. Nói xong, liền biến mất. Mới biết là Phật; bèn làm một bài ký sự bằng quốc âm, được người đời truyền tụng.”²

Trên đây là những đoạn sử, viết về hai ngôi chùa cổ nổi tiếng, trong số hàng trăm ngôi chùa ở đất Quảng Bình, tính từ khi Thượng hoàng Trần Nhân Tông đến thăm am Tri Kiến đã hơn 700 năm, trải qua nhiều giai đoạn cho đến thời cận đại.

Tháng 3 năm 2015, chúng tôi – những người thuộc Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán, Huế - đã đến địa điểm ngôi chùa Hoàng Phúc tại thôn Thuận Trạch, xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; và sự thật trước mắt, ngôi chùa cổ đã trở thành bình địa từ lâu. Thay vào đó “năm 1967, một số thiện nam tín nữ đã góp công của để xây dựng lại ngôi chùa rất đơn sơ, nhỏ bé trên nền cũ của chùa với diện tích độ 20m² để thờ cúng Phật. Khuôn viên chùa vẫn được giữ lại như xưa nhưng chùa chỉ sử dụng độ 100m², phần còn lại địa phương cho dân tạm sử dụng canh tác dưới hình thức đầu trâu. Hiện nay, chùa còn thờ Quán Thế Âm Bồ-tát, Địa Tạng Vương Bồ-tát cùng một số pháp khí bằng đồng được đúc và chạm trổ rất tinh xảo, còn các tượng Phật khác đã bị hư hỏng cả. Một điều rất đặc biệt là đại hồng chung cũ của chùa được đúc vào thời vua Minh Mạng năm thứ 20 (1839), tuy qua chiến tranh ác liệt nhưng vẫn được bảo vệ cho đến ngày nay”³. Thực tế, chúng tôi đứng trước ngôi chùa tạm này có mái lợp fibro xi-măng, xung quanh bằng tôn, nhưng khi vào trong, chúng tôi rung rung trong lòng vì tượng Phật và các vị Bồ-tát được tôn trí trên điện thờ, có thể là mới, với đồ pháp khí quy củ, chứng tỏ sinh hoạt lễ nghi vẫn đều đặn trong hoàn cảnh khó khăn. Nhìn sâu vào phần đất rộng xa xa, chúng tôi thấy nền móng công trình khởi đầu cho việc xây dựng một ngôi chùa mới.

Nhìn tổng thể, di tích chẳng còn gì. Thế nhưng, cây đã vô tình giữ lại chút gì cho người. Một cây sanh vốn bám vào cổng chùa Hoàng Phúc, tạo rẽ chằng chịt bao

quanh cổng và vươn lên cao, thả bóng mát, và qua thời gian đã lâu, cây gần như che lấp hoàn toàn cổng. Cũng phải kể thêm, một số chuông, mõ, đồ pháp khí... của chùa Hoàng Phúc đã lưu lạc trong thời gian dài, nay cũng đã tập hợp lại: trống, mõ, đế đèn, bình hoa, tòa sen, câu đối, thần vị... Vẫn còn đó nền móng bái đường, chánh điện, và đặc biệt vẫn còn một giếng to, nước đầy, thành bằng đá, sau này được gia cố miệng giếng tròn. Chúng tôi được nghe những người sở tại nói về việc khai quật dưới bệ thờ chính điện (ngoài trời), và cũng đã đối chiếu với thông tin trên báo *Thanh Niên*, ngày 13/12/2014: “Khi khai quật đã tìm thấy ba tượng trong tư thế ngồi thiền, cao khoảng từ 0,5m đến 0,7m, nặng khoảng 40kg; một tượng đồng nhỏ, cao khoảng 30cm, nặng từ 2 đến 3kg và một số mẫu vật khác”. Rõ ràng, chùa bị triệt hạ, nhưng Phật trong lòng dân vẫn không mất đi, nên dân mới đi chôn tượng và đồ pháp khí để lại cho mai sau.

Những bức tượng cổ chưa xác định được niên đại đã được tìm thấy.

Chúng tôi cũng đã đến địa điểm chùa Kim Phong tại xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Trước mắt tôi là núi Thần Đinh cao xanh sừng sững, những bậc cấp bằng đá đi lên đỉnh uốn lượn chút ít, rất đẹp với 1.225 bậc cấp (nhưng chỉ sử dụng được trên 900 bậc). Những người sở tại cho biết đường lên núi khá vất vả, chúng tôi lại không có thời gian, nên chỉ ngắm được lưng chừng, xa xa tôn tượng Quán Thế Âm giữa trời mây, phía sau là sừng sững núi đá chen lẫn cây cao. Núi Đinh vẫn còn đó nhưng chùa Kim Phong đã không còn nữa.

Thay vào chùa cổ, một chùa Kim Phong mới, rộng rãi, ở chân núi Thần Đinh, đang được dự định thi công; hình hài thì chưa có nhưng đã có chùa tạm để thờ tự. Dấu chùa cũ tiêu vong, nhưng may thay, các di tích trên núi vẫn còn thách thức với thời gian.

“Trên núi có chùa, miếu, các tháp mộ cổ. Hang động Thần Đinh vào sâu trong lòng núi, có nhiều nhũ đá kỳ thú. Giếng Tiên trước mặt chùa, nước trong mát chảy quanh năm” (trích pa-nô di tích).

Tuy thế, chùa và các kiến trúc khác, nếu còn thì cũng chỉ sót lại chút nền móng, may thay còn lại ngôi miếu cổ. Bây giờ, núi Thần Đinh là một danh thắng quý giá, là một địa chỉ du lịch nổi tiếng của tỉnh Quảng Bình.

Chúng tôi cũng được hướng dẫn đến thăm một ngôi chùa cổ khác có tên Cảnh Tiên, ở xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, và cuộc viếng thăm thật chóng vánh, vì... có còn gì đâu? Chỉ trừ một tấm bia cổ đã mờ chữ, và chúng tôi hẹn trở lại để tìm hiểu kỹ hơn. Có còn chăng là một cây hoa gạo cổ thụ, nở hoa đỏ quá đẹp, in đậm trên nắng sáng mùa xuân! Thôi thì về nhà, đọc *Đại Nam nhất thống chí*: “Chùa Cảnh Tiên ở ấp Tráng Tiệp, huyện Phong Lộc, do Khai quốc công thần Nguyễn Hữu Dật dựng, tiên triều ban cho biển ngạch rằng: ‘Sắc tứ Cảnh



Tiên tự; sau trải qua loạn lạc, chùa bị bỏ hư, năm Minh Mệnh thứ 8 ban bạc kho để trùng tu, năm Thiệu Trị thứ hai, ngự giá Bắc tuần, ban cho 100 quan tiền⁴.

oOo

Không thể chấp nhận được tỉnh Quảng Bình là một tỉnh vốn giàu tiềm năng về văn hóa mà lại thiếu ngôi chùa, cho nên những cuộc vận động trùng tu, xây mới chùa từ những di tích đổ nát đã có hiệu quả nhanh. Trước hết là chùa Phổ Minh, ở phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới, lấy pháp hiệu của Hòa thượng trụ trì trước đây (1899-1968) làm tên chùa. Tháp của ngài được dựng trong sân chùa. Chùa là ngọn đèn hiếm hoi cháy sáng trong những đêm dài tăm tối cho đến nay, là chứng nhân của Phật giáo trên đất Quảng Bình của lịch sử đầy biến động. Nay thì chùa đã đang hoàng nhưng sân chùa quá hẹp. Lịch sử đã sang trang để chùa nhường lại tính cách đại diện cho một ngôi chùa bề thế hơn, xứng đáng hơn với thành phố Đồng Hới và tỉnh Quảng Bình. Thế là thuận duyên đã đến: Ngôi chùa Đại Giác nổi bật giữa trung tâm thành phố, trên khu đất rộng, chùa to cao với hai tầng, chánh điện ở tầng trên rộng rãi, hành lang xung quanh thoáng mát, và mọi người đứng tại đó có thể nhìn bao quát một vùng rộng lớn của thành phố Đồng Hới trong làn gió biển vô cùng dễ chịu. Chùa xây tạm xong về cơ bản nhưng để hoàn chỉnh thì cần nhiều thời gian và nỗ lực.

Ba ngôi chùa xưa của một thời tiếng tăm lừng lẫy đã không còn, thì hàng trăm ngôi chùa trên đất Quảng Bình cũng tiêu tan. Giờ đây là cứu vãn, là phục dựng. Thời gian càng dài thì chuyện phục dựng càng khó khăn, vì phục dựng phải cố gắng tôn trọng lịch sử được chứng nào hay chứng ấy, trên cơ sở nghiên cứu khoa học, trên khảo cổ tỉ mỉ, hiểu biết văn hóa chùa và trên tài năng thiết kế, xây dựng của người đương thời.

Từ cố đô Huế với hàng trăm ngôi chùa thâm nghiêm trên mọi địa bàn: thành thị, nông thôn, miền núi, nơi đô hội cũng như nơi vắng vẻ, để đến nơi chùa chiến bị tiêu tan quá nhiều và trên diện rộng; từ một nơi mà người dân dễ thấy áo nâu, áo vàng hòa nhập vào thị dân, để đến nơi chúng tôi chỉ gặp được một vị xuất gia là lãnh đạo Phật giáo địa phương, quả thật chúng tôi – dầu biết trước – vẫn không tránh khỏi thương cảm và bùi ngùi. Nhưng tình cảm đó của chúng tôi chẳng ăn thua gì, mà không chừng lại then với người dân ở đó. Thật không ngờ, quý vị quan chức về hưu, các văn nghệ sĩ, các người nghiên cứu lịch sử và văn hóa, các bô lão ở địa phương mà chúng tôi được hân hạnh gặp gỡ, trao đổi, đã cùng san sẻ nỗi mất mát với giọng cảm xúc và đôi mắt cay cay. Thật cảm động khi quý vị kính cẩn thắp hương, lễ bái, cùng với chúng tôi trong tình đạo hữu.

Khi chúng tôi vừa đến cổng chùa Đại Giác, sân chùa có nhiều xe hơi – cảnh khác lạ với mấy nơi mà chúng tôi vừa thăm – chúng tôi nói ý đó với Hòa thượng trụ trì, thì được Hòa thượng cho biết: “Có chi lạ mô, hàng ngày nhiều người đến thăm chùa lắm!”. Đúng thế, người đến chùa trong ngày thường vẫn khá đông, với nhiều độ tuổi, nhiều nhất là thanh niên nam nữ, và thật vui khi chúng tôi gặp lại những anh, những chị vốn là sinh viên của Đại học Huế. Cũng với giới trẻ như thế là những học sinh, những du khách trẻ mà chúng tôi đã gặp tại chân núi Thần Đinh, đã chọn non cao, chùa chiến, di tích cổ để hành hương, thay vì đi chơi nơi ồn ào thị tứ. Nhiều em đi xe đạp, để xe lại chân núi, kính cẩn thắp hương khi khởi đầu lộ trình lên núi. Tại đây, chúng tôi đọc được pa-nô của Ban quản lý di tích: “... Du khách đến thăm di tích danh thắng núi Thần Đinh bằng việc làm thiết thực, thành tâm khi lên núi vận chuyển một viên gạch nhỏ góp phần công sức tôn tạo lại chùa và miếu cổ”.

Không biết công việc vận chuyển này đã thực hiện từ bao giờ và đã chấm dứt chưa, nhưng nội dung câu trên pa-nô như nhắc nhở, hãy thành tâm đóng góp một viên gạch dầu là nhỏ bé, nhằm xây dựng Phật giáo tỉnh Quảng Bình một cách vững chắc và căn cơ. Những mất mát lớn lao mà Phật giáo nơi này gánh chịu đã không vùi dập tình yêu đạo Phật của người đương thời, trong đó có nhiều người đã từng trải qua gian khổ và chiến tranh, và cũng có rất nhiều người trẻ đặt niềm tin vào những giá trị muôn thuở của chùa. ■

Chú thích:

1. *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2 (tái bản lần thứ hai), Quốc sử quán triều Nguyễn, Viện Sử học thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam phiên dịch và chú giải, Nhà xuất bản Thuận Hóa 2006; tr.73.

2. Sách nêu trên; tr.70-71.

3. Lê Quang Phạm Ngọc Hiên, *Những ngôi chùa của tỉnh Quảng Bình*, Nxb Thuận Hóa, tr.70.

4. *Đại Nam nhất thống chí* (như chú thích 1, 2), tr.71.



Ánh sáng và bóng tối

VĨNH HANH THÁI CHÍ BÌNH

Ánh sáng và bóng tối, ngày và đêm, sống và chết, đen và trắng, chân lý và nguy biến... tất cả đều là hai mặt của cuộc đời trong cõi ta-bà này. Nếu những cặp phạm trù này không xuất hiện thì cũng đồng nghĩa là triệt tiêu, là tĩnh lặng, là vô cùng vô tận, là lỗ đen vũ trụ (black hole), nơi chỉ tồn tại một loại duy nhất được gọi là “phản vật chất”(anti-substance). Đây là khái niệm và cũng là cảnh tượng gây xúc động cho chúng ta ở thế kỷ XXI này. Vậy thì lỗ đen có phải là nơi chấm hết của thế giới vật chất này hay không? Đức Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật đã chỉ rằng: không! Và giáo pháp của Ngài vẫn “tục diệt, truyền đăng” trên cái nền của “tam thiên đại thiên thế giới” hay gọi khác đi là vũ trụ; còn khái niệm “lỗ đen” này cũng chỉ để xác định rằng cái nhìn của Đức Phật từ trên 2.500 năm qua vẫn không bị thay đổi bởi một sự kiện vật lý địa cầu do Stephen Hawking khởi xướng với việc xác lập sự hiện diện của lỗ đen vũ trụ. Phải chăng nếu chứng minh được rằng có một cơ chế và sự hiện diện thường xuyên của lỗ đen vũ trụ thì đồng nghĩa với một nguy cơ hủy diệt trầm lặng thái dương hệ và những dãy thiên hà, ngân hà trong vũ trụ này? Phải chăng điều này đồng nghĩa với sự sụp đổ

hoàn toàn của vật chất vũ trụ để bị chuyển hóa dưới dạng phản vật chất của lỗ đen? Tuy nhiên, dưới kiến giải của Đức Phật, sự hiện diện của tam thiên đại thiên thế giới cũng chỉ nằm trong quy luật thành trụ hoại không, vốn chi phối mọi hiện tượng; và sự hiện diện của lỗ đen vũ trụ nếu có cũng không ngoài quy luật ấy.

1 Sự xuất hiện thế giới ta-bà là nhân duyên giả hợp

Theo quy luật vận hành của Thái dương hệ, do trái đất xoay quanh mặt trời và tự xoay quanh nó mà có các hiện tượng ngày, đêm, và bốn mùa trong năm. Vậy ngày và đêm chỉ là sự tác động của năng lượng mặt trời gây ảnh hưởng đến bề mặt trái đất. Chính ánh sáng mặt trời đã cho chúng ta nhận thấy là có vạn vật; và nếu đêm tối bao trùm, giống như nhốt chúng ta trong buồng tối, thì dù vạn vật có hiện hữu quanh ta chúng ta không nhận biết. Cái thấy này, nếu giải thích theo các nguyên lý khoa học thì chỉ là do cơ chế sinh học của mắt khi tiếp nhận ảnh của sự vật dưới ánh sáng mặt trời. Tùy thuộc vào cường độ ánh sáng và khả năng, góc nhìn của mắt mà ta thấy được hình thể màu sắc của các vật thể khác nhau. Vậy, có ánh sáng

thì có vật thể; còn nếu không có ánh sáng – nghĩa là ở trong đêm tối – thì chúng ta có kết luận rằng không có vật thể nào hiện diện hay không? Do đó cái thấy của chúng ta còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố mà Đức Phật gọi là nhân duyên. Chỉ cần thiếu một trong những nhân duyên ấy thì cái thấy của chúng ta cũng khác đi, thậm chí không thấy có, như trong đêm tối. Nếu mặt trời trở thành ngôi sao lùn, tắt dần ánh sáng; nếu mặt ta mù lòa, hoặc bị hủy hoại bởi một lỗ đen, thì vạn vật, hệ mặt trời, thiên hà, ngân hà đã “tan biến” dưới “cái nhìn” của chúng ta. Đặc tính này Đức Phật gọi là tính giả lập, tính không của vạn pháp. Thậm chí khi tắt cả các nhân duyên như ánh sáng, vạn vật, con mắt... không còn nữa...thì cái thấy của chúng ta về vạn vật và chúng sanh cũng tan biến ở một chỗ này, một không gian này, tại một thời điểm này; nhưng thực sự nó vẫn tồn tại dưới một dạng vật chất khác, một sinh thể khác mà Đức Phật gọi đó là tam thiên đại thiên thể giới, trùng trùng duyên khởi, nhiều như số cát sông Hằng. Vì thế, dưới cái nhìn trí huệ chân thật của Đức Phật, mọi sự vật đều là giả hợp. Ngay khi chúng ta có được một ánh sáng mặt trời đầy đủ, một vườn hoa sắc hương, một đôi mắt tinh tường... để thấy được mọi hình ảnh thì những hình ảnh đó, những màu sắc đó, theo lời dạy của Đức Phật cũng không chân thật đúng như là nó hiện hữu sinh động; bởi những nhân duyên tạo ra cho cái thấy đó nó không thật: ánh sáng, con người, vạn vật... Một sự vật xuất hiện từ cái thấy của những vật không thật thì làm sao là “thấy thật” được. Điều này khác với cái nhìn của thế gian về thế giới chung quanh mình. Đức Phật thì thấy chân thật, an lạc, còn chúng ta thì thấy ảo, thấy giả tưởng mà cho là thật để cố chấp giành lấy thủ đắc cho bằng được, sẵn sàng làm mọi việc xấu ác, từ thân khẩu ý của mình.

2 Cặp phạm trù Ánh sáng - Bóng tối không có tính đối kháng

Thông thường, khi nói đến ngày là nói đến ánh sáng, nói đến đêm là nói đến bóng tối; và người ta cho rằng ngày và đêm, ánh sáng và bóng tối là mâu thuẫn nhau. Cũng vậy, sống và chết, đen và trắng, chân lý và ngụy biện... đều được cho là những ý niệm đối kháng nhau, thậm chí có người lại cho là chúng phải hủy diệt nhau: có cái này thì không có cái kia. Tuy nhiên đạo Phật không giải quyết vấn đề quá thuần lý, khô khan, thiếu tinh thần trí huệ và lòng từ bi như vậy.

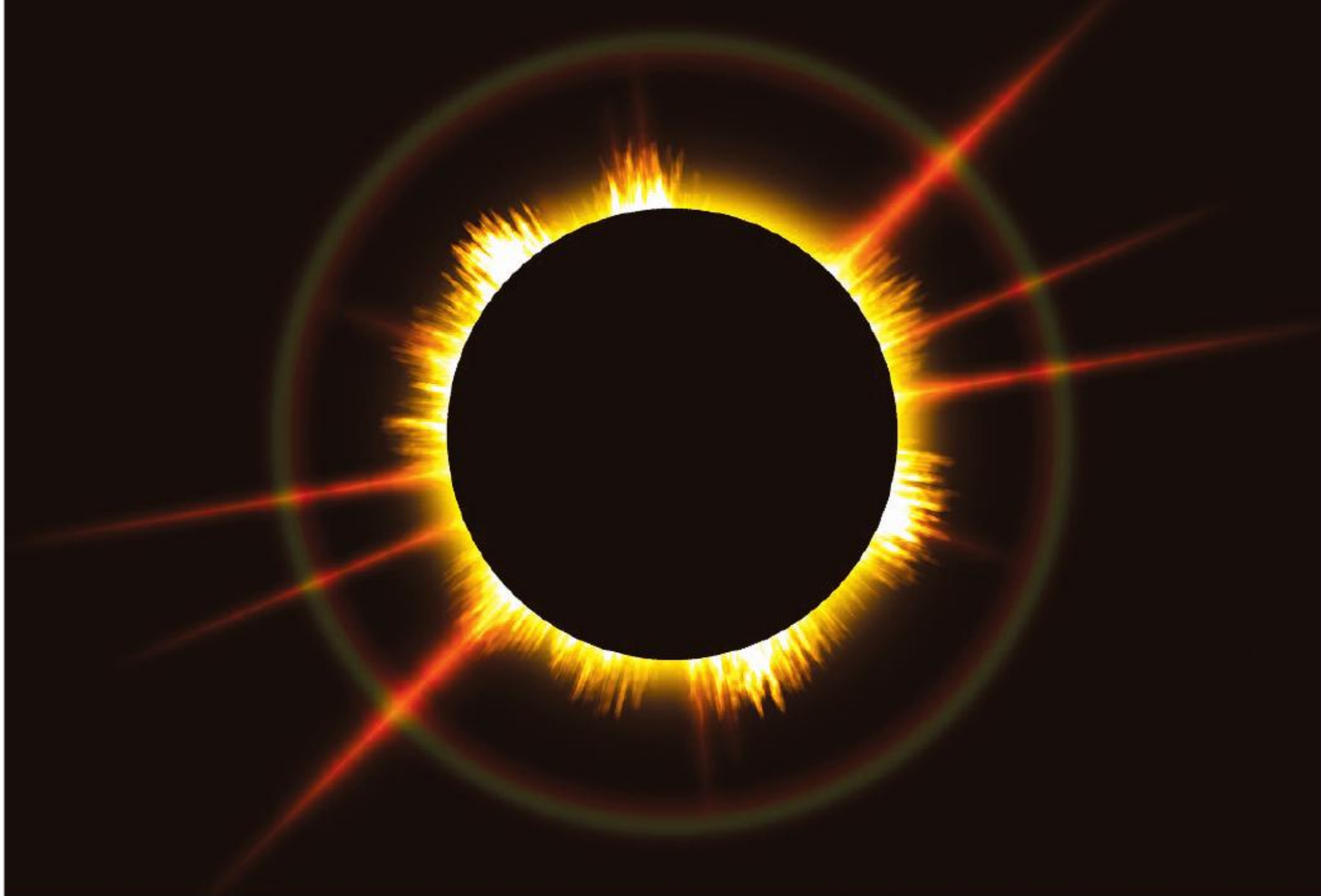
Trong thiên nhiên và ngay cả trên hành tinh xanh tươi đẹp của chúng ta, bên này là ngày thì bên kia địa cầu là đêm. Như vậy ngày và đêm không đối kháng nhau, chúng cùng hiện diện nhịp nhàng bên nhau. Do vị trí của quả đất và do ánh sáng của mặt trời mà mỗi nơi chúng ta phân biệt ngày, đêm bởi một yếu tố “thấy” của mắt chúng ta. Mọi sự vật trong thiên nhiên vẫn vậy, vẫn chịu tác động của quy luật sinh diệt của vạn pháp.

Tại đây, bây giờ là nường dâu... nhưng ở vào một nơi khác, một thời điểm khác chúng sẽ là biển xanh là bãi đá ngổn ngang, là hỗn loạn hoang tàn sau một trận động đất, sóng thần, chiến tranh hay là sự nuốt chửng của lỗ đen vũ trụ... Do đó bản thân sự vật không ổn định, không bền vững... và những điều mà chúng ta gọi là ánh sáng, là đêm tối, là chân lý, là ngụy biện... cũng vậy; theo lời dạy của Đức Phật, chúng đồng một thể hư hoại, do đó làm gì có sự đối kháng nào giữa chúng với nhau. Vậy ánh sáng - bóng tối, chân lý - ngụy biện là do giả lập ảo tưởng từ tham ái, cố chấp, thủ hữu... mà phát sinh. Nếu chúng ta xem xét mọi hiện tượng bằng trí tuệ và lòng từ bi như Đức Phật thì sự việc trở nên đơn giản và an lạc biết bao: Thấy ánh sáng, bóng tối, chân lý, ngụy biện, kể cả sanh- tử... là thấy biết những giả tạm vô thường để nhanh chóng dứt trừ lo sợ, phân biệt, đối kháng, đấu tranh, hủy diệt... bởi một điều đơn giản là những sự việc đó cùng với chúng ta cũng đồng một phận, đều là một trong các pháp của thế gian, giả tạm vô thường, sanh diệt. Sự phát khởi trưởng dưỡng trí tuệ và lòng từ bi là nhân của sự thấy biết rõ ràng về các pháp thế gian để chúng ta tin nhận, hành trì các việc lành, lánh xa các việc ác bởi tất cả chúng sanh đều có đồng một thể tánh, do căn tánh nghiệp báo sai khác mà mê mờ khác nhau, sáng tối khác nhau, lý sự khác nhau... Thể tánh đó Đức Phật gọi là Phật tánh, là tánh biết, là tịch mặc, là Niết-bàn, là Tây phương Cực lạc, là Tịnh độ...

3 Ánh sáng và bóng tối hay năng lượng vũ trụ và lỗ đen đều cùng một thể toàn chân

Hiện nay khi nói về thế giới (hệ mặt trời và trái đất) và xa hơn về các thiên hà, các ngân hà trong vũ trụ, các nhà khoa học đang cố gắng đưa ra một khái niệm chung nhất là vật chất và phản vật chất. Sự nối kết và chuyển hóa giữa hai khái niệm này là khái niệm về năng lượng. Sự phát kiến có sự hiện diện của các lỗ đen vũ trụ đã tạo một bước đột phá mới về các quy luật thành trụ hoại không của tam thiên đại thiên thể giới, trong đó có Thái dương hệ của chúng ta.

Ánh sáng là năng lượng dương; bóng tối là năng lượng âm. Năng lượng dương càng lớn thì ánh sáng càng mạnh, càng nóng. Năng lượng âm càng thấp, bóng tối càng tối, càng lạnh (như ngay trong lòng hố đen). Đây là hai khái niệm chi phối mọi hoạt động trong vũ trụ, và sự vận hành của vật chất và phản vật chất tùy thuộc vào tính chất năng lượng chuyển đổi giữa hai thành phần cơ bản này. Hiện nay, các nhà khoa học trong đó có Hawking, có Trịnh Xuân Thuận, có Susskind... đang mở ra nhiều giả thuyết về ánh sáng, bóng tối và lỗ đen vũ trụ. Theo những ghi nhận nhờ vào những hệ thống kính thiên văn trên mặt đất cũng như trên không gian (như kính thiên văn Hubble), hiện trong thiên hà và ngân hà đang tồn tại không phải một



mà nhiều lỗ đen, thậm chí còn có những lỗ đen xuyên thiên hà, xuyên ngân hà đang nuốt các ngôi sao lùn (đang trong quá trình chết, phân rã) trong các dây thiên hà, dây ngân hà. Những hiện tượng này dù có thật dưới con mắt quan sát của con người hay thông qua các thiết bị kính viễn vọng, thì cũng đều là hình ảnh, ảo, không thật, bị qui định bởi thiết bị, bởi cơ quan mắt, não của con người... Đó là các pháp duyên khởi của thế gian trong cõi ta-bà này. Những cái thấy đó, Đức Phật đều cho là ảo vọng, giả tạm. Vì thế với cái nhìn của đạo Phật, thiên hà, ngân hà, lỗ đen, tam thiên đại thiên thế giới cũng đều chịu chung một quy luật thành, trụ, hoại, không của các pháp trong tam giới. Sự phân biệt, thủ đắc các pháp là nguyên nhân phát khởi mọi lo sợ, hoài nghi, khổ đau cho chúng ta. Theo sự thấy biết trên tinh thần trí huệ và lòng từ bi của Đức Phật thì các pháp thế gian, dù đó là trái đất, là hệ mặt trời hay là lỗ đen... thì cũng đều có cùng một pháp tánh và một thể tánh như nhau: pháp tánh hư vọng vô thường; thể tánh "quang minh thường chiếu", nghĩa là thường hằng, không tịch, "Thị Pháp trụ pháp vị, Thế gian tướng thường trụ". Do đó Đức Phật Thích-ca giảng nói về các pháp thế gian và tịch diệt niết-bàn như sau: "Các Pháp xưa nay vắng lặng như hư không, sanh trụ dị diệt, niệm niệm chẳng dừng mà bản thể của nó vẫn là như như bất động, thường trụ: nó chính là vô tướng". Rồi Ngài kiên trì dẫn giải thêm: "Vô tướng đây nghĩa

là vô tướng mà chẳng phải vô tướng, chẳng phải vô tướng mà vô tướng nên gọi là thật tướng", nhờ đó, những người con Phật không bị rơi vào "hư vô", chết khô như gỗ, đá.

Lỗ đen đã được mô tả với tánh cách đặc dị của nó là có thể thu gom và nuốt trọn mọi vật chất, kể cả ánh sáng; không có bất cứ một dạng vật chất nào thoát khỏi việc bị hủy diệt khi đến gần lỗ đen vũ trụ; tất cả đều bị nghiền nát, biến dạng, chuyển hóa dưới một dạng phản vật chất.

Như vậy, nếu lỗ đen là một dạng "phản vật chất" thì các pháp thế gian và sự hiện diện của những lỗ đen vẫn là dạng của thể tánh như như bất động, quang minh thường chiếu của tam thiên đại thiên thế giới. Nó cũng thể hiện thể tánh vốn có của các pháp xưa nay vốn vắng lặng, vô cùng vô tận, một thể toàn chân, "bất sinh, bất diệt; bất cấu, bất tịnh; bất tăng, bất giảm". Nhờ sự dạy bảo của Đức Phật Thích-ca mà chúng ta thấy biết một cách rõ ràng thật tướng của chư pháp, trong đó có lỗ đen vũ trụ, cũng là một tập hợp của nhân duyên, cũng chịu chung số phận của qui luật sanh, trụ, dị, diệt để chúng ta quay về với "bản lai diện mục", không tịch, an nhiên tự tại, hoan hỷ cùng mười phương pháp giới chúng sinh trong ba cõi sáu đường để thấy biết "ánh sáng-bóng tối" quanh ta là "bạn hữu" là anh em một nhà, cùng an trú trong "nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai" không sai khác. ■

Lang thang trong chữ Chỗ ở nhà chính

HỒ ANH THÁI



Báo chí mang tính tuyên truyền cũng giúp phổ biến ngôn ngữ công sở hành chính. Nó đi vào lời ăn tiếng nói hàng ngày của người dân và vào cả văn chương.

Một ông sếp ở hội văn học nghệ thuật, ông cũng là nhà thơ, vậy mà mở miệng kính thưa kính gửi trước toàn thể hội viên, ông toàn gọi hội viên là đồng chí, như thể đang sinh hoạt chi bộ đảng. Tôi nhắc ông: Hội viên chỉ có hai mươi phần trăm là đảng viên anh ơi. Ông cười cười, sửa được vài câu rồi đầu hoàn đầy. Thói quen.

Một nhà văn miêu tả rất tỉ mỉ một cái nghi lễ dân gian: ông thấy cúng dọn dẹp bàn thờ, sắp xếp mọi thứ cho đúng, không khí đang dân dã và hơi cổ kính, thì nhà văn tương ngay cho một câu: Sau khi tiến hành những thủ tục ấy, ông thấy mới bắt đầu buổi lễ.

Những chữ hành chính đặt vào đây đã làm cho không khí dân dã và cổ kính phải lặn đi mất.

Ta chú ý chữ *chuẩn bị* trong câu này: *Chuẩn bị có trận mưa sao băng lớn nhất trong năm*. Người ta đã quen với chữ chuẩn bị này đến mức lì mòn, cũng chẳng thấy

vướng mắc gì. Nghe rất hành chính. Chuẩn bị gì nhỉ? Ai chuẩn bị? Rất nhiều khi nó chỉ có nghĩa là sắp, sắp sửa, sửa soạn. Sắp có trận mưa sao băng lớn nhất trong năm. Tôi *chuẩn bị* ăn cơm rồi. Nói là tôi sắp ăn cơm rồi nghe giản dị gần gũi hơn chứ nhỉ. Tôi *chuẩn bị* lên đường. Nếu cần tạo cảm giác đơn giản hơn, văn hơn, thì viết: tôi sửa soạn lên đường.

Một phần của chữ

Nhiều chữ dùng sai, đã được các nhà chuyên môn nhắc nhở nhiều, nhưng cái sai dường như càng ngày càng lan rộng. Để cập đến. Thừa chữ đến. Tiếp cận vào. Thừa chữ vào. *Tựa đề* của tác phẩm. Phát triển lên thành: thư viện chúng tôi đã bổ sung nhiều *tựa sách* mới, ý là nhiều cuốn sách mới. Không phải, chữ tựa không có nghĩa ấy, trừ phi bây giờ bị dùng phổ biến, rồi từ điển phải ngậm ngùi thỏa hiệp mà đưa vào. Tên sách thì gọi là tên sách, việc gì phải tựa cho sai. Tiêu đề, nhan đề của cuốn sách, của bộ phim, của vở kịch, của bài hát, nghe ổn và đúng, tại sao phải gọi chệch sang là tựa nhỉ. Tựa (lời tựa) chỉ là bài viết ở đầu sách để nói một số điều về cuốn sách ấy.

Chữ *cứu cánh* vốn có nghĩa là kết quả, kết cuộc, cuối cùng, bây giờ thường xuyên bị dùng thay cho chữ cứu tinh, cứu vớt, cứu giúp. Chữ *yếu điểm* nghĩa là điểm trọng yếu, điểm quan trọng, vẫn bị dùng theo nghĩa điểm yếu, nhược điểm.

Chữ *hỗ trợ* là chỉ sự giúp đỡ lẫn nhau giữa nhiều đối tượng. Một bên giúp một bên thì không thể gọi là hỗ trợ. Quý hỗ trợ tài năng trẻ. Chưa chính xác. Quý này đã hỗ trợ việc xóa đói giảm nghèo ở các nước trong khu vực. Chưa chính xác, quý này đã giúp các nước ấy chứ các nước có giúp lại gì cho quý đâu.

Đi thăm thú và nhìn ngắm thì gọi là *thăm quan*. Nhiều người cứ viết và nói là thăm quan. Chắc là thấy có chữ thăm trong ấy.

Chữ *mộ phần* là để chỉ một phần đất đặt trước cho một người đang sống, sau này nếu quy tiên thì có sẵn đất đầy mà mai táng. Nhưng vẫn có người hiểu mộ phần là phần mộ của người đã chết: đây là mộ phần của cụ ba đời nhà tôi.

Đến thế chắc cũng phải ngậm ngùi mà rằng, câu này là mộ phần của ngôn ngữ tiếng Việt nhà tôi. ■



Thực học và bằng cấp

CAO VĂN THỨC

Ở xã hội ta bây giờ, đã và đang thịnh hành trào lưu chuộng bằng cấp. Mà bằng cấp thời thượng hiện nay thường phải là tiến sĩ, xoàng lắm cũng thạc sĩ, chứ cử nhân thì quá bèo bọt, bị xem nhẹ. Tại các cơ quan và công sở, cán bộ và viên chức được bổ nhiệm hay thăng thưởng đều dựa vào bằng cấp; người ta đánh giá nhau cao hay thấp cũng thông qua mảnh bằng; tạo nên tâm lý hiện nay là hầu hết cán bộ, viên chức trong các cơ quan nhà nước đua nhau chạy theo bằng cấp nếu không muốn lẹt đẹt trong chức vụ hoặc cảm thấy thua kém người khác về mặt tinh thần.

Theo quy luật có cung thì tất phải có cầu. Các trường đại học, viện nghiên cứu "đón gió" được nhu

cầu đó, nên trong vài thập niên gần đây đã tăng cường đào tạo ồ ạt và cho ra lò ngày càng đông đảo những thạc sĩ, tiến sĩ. Không chỉ có các trường đại học lớn, các viện nghiên cứu tại Hà Nội, TP.HCM... đào tạo cao học, nghiên cứu sinh mà những trường đại học ở các địa phương, kể cả những trường đại học dân lập, cũng đổ xô vào việc đào tạo bậc sau đại học vì thấy mảnh đất này cũng khá béo bở. Bây giờ ở đâu cũng thấy nhan nhản tiến sĩ, thạc sĩ.

Theo nguồn tin từ báo *Tuổi Trẻ*, trong thời gian vừa qua, cả nước có 24.000 tiến sĩ và hơn 100.000 thạc sĩ, hiện tại con số này có lẽ đã tăng thêm. Chưa kể các đô thị lớn như Hà Nội, TP.HCM..., chỉ nói riêng các tỉnh nhỏ gần TP.HCM, theo số liệu thống kê tương đối chính xác

mà người viết có được thì hiện nay mỗi tỉnh có khoảng từ 50 đến 100 tiến sĩ trong biên chế các cơ quan, công sở địa phương. Số lượng thạc sĩ thì đông hơn gấp nhiều lần. Việc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ồ ạt như thế dẫn đến việc cho ra đời những sản phẩm kém chất lượng mà báo chí đã từng phản ánh trong nhiều năm vừa qua.

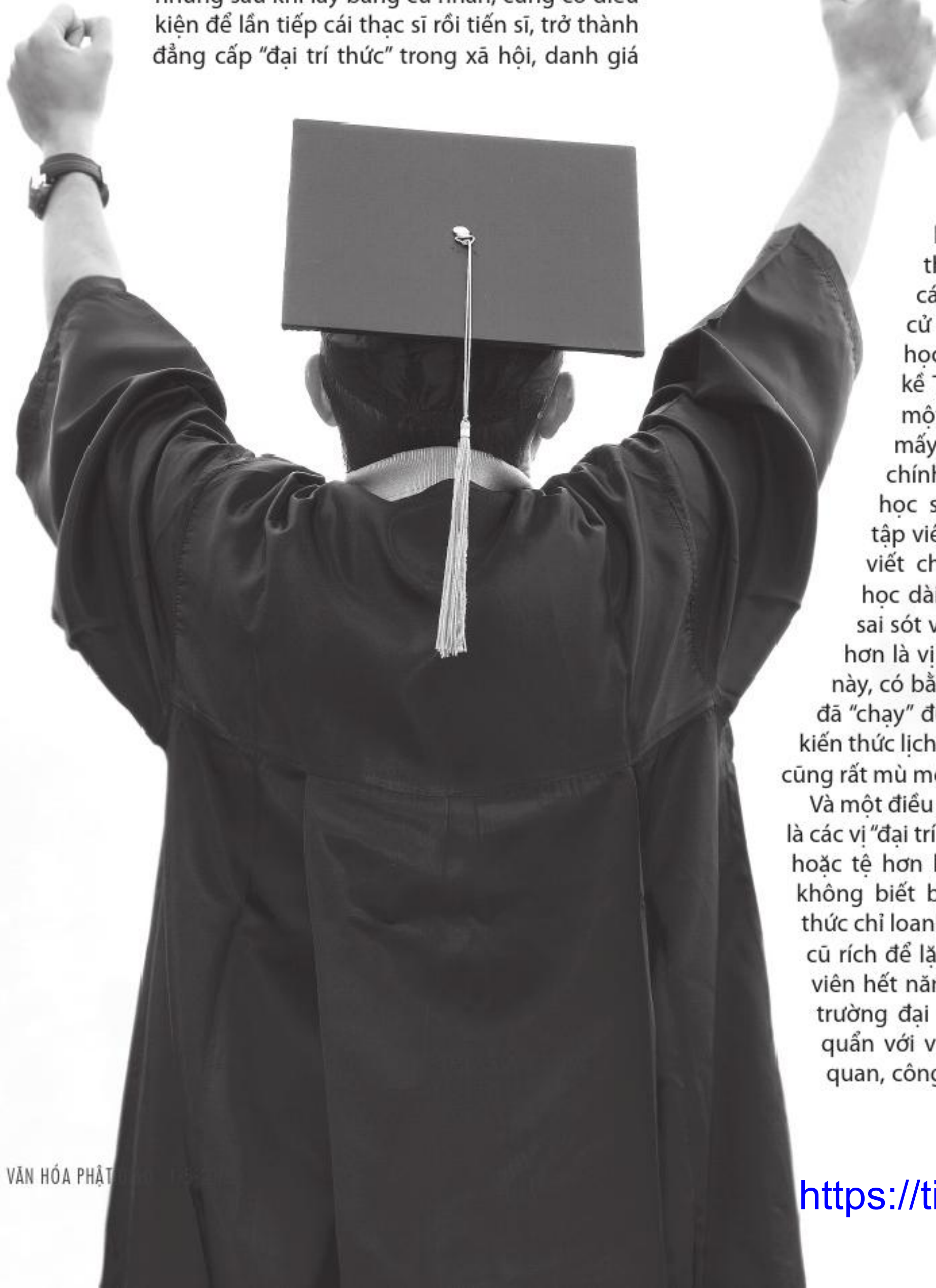
Có thể nói ở nước ta hiện nay, bằng cấp vàng thau lẫn lộn, trong đó phần thau nhiều hơn. Hiện tượng sao chép, đạo văn, viết mướn luận án... diễn ra đều khắp trong xã hội. Trong cả khoa học tự nhiên lẫn khoa học xã hội, ngành nào cũng có tiêu cực, nhưng tệ hại nhất là ở các ngành khoa học xã hội; có những người thời phổ thông tư chất yếu kém, chọn thi đại học các ngành xã hội như văn, sử, triết... vì những ngành này tuyển sinh khá dễ dãi. Như vậy, có thể nói, trừ một ít trường hợp học sinh giỏi văn, đa số sinh viên các ngành này có năng lực thuộc loại "thường thường bậc trung"; nhưng sau khi lấy bằng cử nhân, cũng có điều kiện để lần tiếp cái thạc sĩ rồi tiến sĩ, trở thành đẳng cấp "đại trí thức" trong xã hội, danh giá

quá chừng (!). Nhiều cán bộ, viên chức ở các cơ quan nhà nước hiện nay đua nhau đi học sau đại học bằng ngân sách, dùng tiền thuế của dân để sắm mảnh bằng phục vụ cho mưu cầu cá nhân. Và những ông tiến sĩ này do năng lực hạn chế nên vẫn cứ khư khư bám lấy biên chế nhà nước bằng mọi giá, vì nếu buông ra họ sẽ chẳng biết làm gì để kiếm sống, hoặc để đạt mức thu nhập như cũ. Những con người như thế thường mang nặng tâm lý bảo thủ, khó chấp nhận đổi mới, vì vậy lâu nay bộ máy hành chính của ta trì trệ, vận hành kém cỏi, một phần quan trọng là do tầng lớp "đại trí thức" mới này tạo ra.

Có một vị giáo sư về già than thở là ông cảm thấy ân hận vì đã từng tham gia đào tạo ra nhiều thạc sĩ, tiến sĩ không thực chất để "họ phá cái đất nước này".

Phổ biến hiện nay có rất nhiều tiến sĩ không viết nổi một bài báo, bài nghiên cứu khoa học cho ra hồn. Người viết bài này đã từng chứng kiến khá nhiều trường hợp thể hiện sự "uyên bác" của các bậc "học giả" này, xin đơn cử vài trường hợp ở trường đại học công lập của một tỉnh cận kề TP.HCM: có vị nữ tiến sĩ viết một bài giới thiệu sách chỉ có mấy trăm chữ mà sai be bét về chính tả, ngữ pháp, thua xa một học sinh trung học cơ sở đang tập viết văn; một vị nữ tiến sĩ khác viết chuyên đề nghiên cứu khoa học dài 37 trang mà có hơn 30 lỗi sai sót về kiến thức cơ bản; độc đáo hơn là vị hiệu trưởng trường đại học này, có bằng tiến sĩ sử học và vừa qua đã "chạy" được cái phó giáo sư, nhưng kiến thức lịch sử sơ đẳng ở bậc phổ thông cũng rất mù mờ...

Và một điều lạ lùng và phổ biến hiện nay là các vị "đại trí thức" loại này rất ít đọc sách hoặc tệ hơn là không bao giờ đọc sách, không biết bất cứ ngoại ngữ nào, kiến thức chỉ loanh quanh trong mớ giáo trình cũ rích để lặp đi lặp lại trên lớp với sinh viên hết năm này qua năm khác tại các trường đại học, cao đẳng hoặc quanh quẩn với vụ việc hành chính ở các cơ quan, công sở. Tôi có dịp đến nhà một



số tiến sĩ vì công chuyện, khi vào nhà việc đầu tiên là tôi quan sát tủ sách của họ và đã hoàn toàn thất vọng: loe hoe dăm bảy cuốn sách xộc xệch, bụi bám vì chắc lâu ngày chủ nhân không đụng đến. Ở trong một tình trạng bi hài như vậy, nhưng hầu hết các vị đều có chung tâm lý tự huyễn hoặc về bản thân mình và thích khoe khoang bằng cấp tiến sĩ.

Người xưa quan niệm học phải đi đôi với hạnh, học vấn phải gắn liền với đạo đức. Những người thực học thường phải trải qua nhiều năm tháng gian khổ học tập, đã rèn luyện, hình thành nên đức hạnh, nhân cách của người trí thức thứ thiệt; còn loại “học giả” bằng nhiều thủ đoạn để kiếm bằng cấp, thì không bao giờ xem trọng học vấn và nhân cách tốt đẹp cũng không bao giờ được hình thành ở hạng người thiếu đức trung thực này. Các “học giả” đó chỉ cần bằng cấp để làm phương tiện thăng tiến, vinh thân phì gia. Ở đời, sự việc gì cũng có cái giá của nó; do có quá nhiều “đại trí thức” như vậy, nên xã hội hiện nay thường nhìn các vị tiến sĩ với thái độ hoài nghi, xem thường.

Thực ra, nếu đúng nghĩa thì danh từ tiến sĩ rất sang trọng, danh giá và đáng được trân trọng lắm. Vì theo nghĩa gốc chữ Nho ngày xưa thì Tiến sĩ có nghĩa là “tiến cử kẻ sĩ lên cho nhà vua sử dụng”, tức là những nhân tài, tinh hoa bậc nhất của đất nước. Tiến sĩ gắn nghĩa với tinh hoa, nhân tài, và thường là những người thật sự xuất sắc. Xưa cũng như nay, những con người có đủ tư chất thông minh và nghị lực để vươn lên trên con đường học vấn, giật lấy mảnh bằng tiến sĩ cực kỳ danh giá này, phải là những học sinh giỏi. Trong khi đó hiện nay, rất nhiều học sinh phổ thông tư chất yếu kém vẫn có thể vào đại học và xoay sở được cái tiến sĩ mà dư luận xã hội gọi nôm na là cái bằng phổ cập “bình dân học vụ”. Điều này thật trái ngược, mâu thuẫn vì đã tiến sĩ thì không thể là tiến sĩ bình dân, bởi lẽ đơn giản hai cụm từ tinh hoa – bình dân là hai thái cực.

Thời phong kiến, gần chúng ta nhất là triều Nguyễn ở thế kỷ XIX, đỗ tiến sĩ là một chặng đường gian nan, nhưng vô cùng danh giá; vì vậy người xưa mới ví von thi tiến sĩ khó như “cá chép vượt vũ môn để hóa rồng”, mỗi khoa thi triều đình chỉ chọn lọc được dăm ba người thực sự xuất sắc trong hàng trăm người giỏi dự thi. Những người đỗ tiến sĩ thời bấy giờ là tinh hoa của dân tộc, một số vị có những đóng góp, cống hiến cho đất nước, tên tuổi còn lưu danh đến ngày nay: Phạm Văn Nghị, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thượng Hiền, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp v.v.

Thời Pháp thuộc, trước năm 1945, những học sinh trung học đỗ tú tài loại ưu hoặc những sinh viên tốt nghiệp Đại học Đông Dương hạng xuất sắc đều được học bổng du học và đỗ tiến sĩ ở những trường đại học danh tiếng tại Pháp hoặc một số nước tiên tiến khác. Một số người trở thành những khoa học gia lừng danh

thế giới như Nguyễn Quang Riệu, Trần Thanh Vân (Vật lý)... Nhiều vị tiến sĩ đã đem tài năng về cống hiến cho đất nước, như Nguyễn Mạnh Tường, Vũ Văn Hiến, Phan Anh, Trịnh Đình Thảo (Luật), Lê Văn Thiêm (Toán), Lương Định Của (Nông nghiệp), Đặng Văn Ngữ, Phạm Ngọc Thạch (Y khoa) v.v...

Sau năm 1954, miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã chọn được những học sinh, sinh viên ưu tú đưa sang Liên Xô và các nước Đông Âu đào tạo tại các trường tầm cỡ quốc tế như Đại học Tổng hợp Lomonosov, Tổng hợp Leningrad, Tổng hợp Berlin..., đỗ tiến sĩ thực thụ (tiến sĩ khoa học), trở thành những nhà khoa học lớn như Đỗ Tất Lợi (Dược học), Hoàng Tụy, Phan Đình Diệu (Toán), Trần Mai Thiên (Thủy sản), Nguyễn Văn Hiệu (Vật lý) v.v...

Ở miền Nam dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa từ năm 1954 đến 1975, nền giáo dục cũng đã sản sinh ra nhiều vị tiến sĩ tài ba. Thời đó, những học sinh thi đỗ tú tài loại ưu hoặc tối ưu (xuất sắc hoặc đặc biệt xuất sắc), được Chính phủ Việt Nam Cộng hòa cấp kinh phí hoặc các nước phương Tây tài trợ học bổng, đã du học và đỗ tiến sĩ ở những trường đại học danh tiếng tại Hoa Kỳ, Anh, Pháp... Họ trở về phục vụ quê hương, trở thành chuyên gia trên nhiều lĩnh vực. Không ít chuyên gia tài năng có tên tuổi được dân miền Nam thời đó biết đến như Nguyễn Xuân Vinh (Toán), Nguyễn Chung Tú (Vật lý), Nguyễn Văn Hào (Kinh tế), Dương Thiệu Tống (Giáo dục)... Một số người về sau sang sinh sống làm việc tại Hoa Kỳ hoặc Tây Âu, là những khoa học gia tầm cỡ thế giới như Nguyễn Xuân Vinh (làm việc tại NASA, Cơ quan Hàng không – Không gian Hoa Kỳ), Trịnh Xuân Thuận (làm việc tại cơ quan nghiên cứu thiên văn của Hoa Kỳ).

Một số trí thức thuộc hàng ngũ tinh hoa, vì những điều kiện khác nhau, không có bằng tiến sĩ nhưng là những nhà khoa học lớn, đóng góp những công trình khoa học quan trọng cho đất nước trên các lĩnh vực kỹ thuật quân sự, y tế như các giáo sư Tạ Quang Bửu, Trần Đại Nghĩa, Tôn Thất Tùng... Những người khác, vì hoàn cảnh riêng không học nhiều ở nhà trường, nhưng bằng tư chất thông minh và sự nỗ lực tự học đã trở thành những nhà nghiên cứu văn hóa, học giả uyên bác, như Trần Trọng Kim, Phan Khôi, Đào Duy Anh, Trương Tửu, Nguyễn Hiến Lê...

Dù có bằng tiến sĩ hay không, nhưng những tinh hoa bậc nhất của dân tộc, từ xưa đến nay chính là lực lượng làm rạng danh cho quê hương, đất nước.

Còn ngày nay, với việc đào tạo tiến sĩ ồ ạt ở các trường đại học, viện nghiên cứu giống như “sản xuất gà công nghiệp” tại các nhà máy, xí nghiệp thì chỉ cho ra đời đa phần là những “tiến sĩ rơm”, những “ông nghè tháng Tám” mà nhà thơ Nguyễn Khuyến đã từng mỉa mai hơn 100 năm về trước. Và với những ông “tiến sĩ giấy” này thì nền học thuật, khoa học nước nhà sẽ có nguy cơ lụn bại là điều không thể tránh khỏi. ■

Bạo lực chốn học đường



HOÀNG TÁ THÍCH

Hàng ngày, đọc báo thấy rất thường xảy ra những chuyện học sinh đánh nhau tại các trường học khắp nơi trong nước mà buồn. Khi thì hai nữ sinh đánh nhau, khi thì ba bốn nữ sinh đánh hội đồng một học sinh khác đến nỗi phải vào bệnh viện cấp cứu. Nam sinh đánh nhau là chuyện thường, nhưng đôi khi lại xảy ra chuyện ngược đời là nữ sinh đánh nam sinh đến thương tật. Buồn không những là chuyện học sinh đánh nhau, mà buồn hơn là những cuộc đánh nhau như thế, lúc nào cũng có khán giả, là những học sinh cùng trường đứng xem, cổ vũ, reo hò và quay phim để phát tán trên mạng. Một điều buồn khác nữa là việc các hiệu trưởng xử lý các chuyện bê bối đó không theo một nguyên tắc giáo dục nào. Sau khi vụ việc được đưa ra trước dư luận, các em học sinh dĩ nhiên là cũng bị khiển trách, nhưng hình phạt cho những chuyện đó hoàn toàn khác nhau. Đại khái như một em nữ sinh lớp chín đánh nhau vì ghen giùm bạn (?) đã bị đình chỉ đi học một tuần lễ. Trong khi đó, đám nữ sinh đánh hội đồng một em nữ sinh đến phải vào bệnh viện thì chỉ bị phê vào học bạ "hạnh kiểm yếu".

Báo cũng kể một câu chuyện khác, là một cô giáo tiểu học đã dùng roi, đánh một roi vào mông một em học sinh vì em này không chịu làm bài, và sau đó, cô đã phải sống trong sự lo sợ tính mạng vì bị phụ huynh em học trò đó cảnh cáo, dọa nạt, bắt cô giáo đó phải xin lỗi suốt một thời gian dài.

Người ta thường bàn tán đến chuyện "bạo lực trong học đường". Nói chung là chuyện học sinh đánh nhau như cơm bữa, không chỉ là nam học sinh mà cả nữ học sinh. Ngoài chuyện thầy cô giáo đánh học trò, gọi là để chỉ dạy, lại còn chuyện bảo mẫu đánh các em bé nhỏ

có khi đến chết. Trong tạp chí *Văn Hoá Phật Giáo* mới đây, tác giả Nguyễn Cần cũng đã trình bày về đề tài đau lòng này dưới hình thức một lá thư của thầy gửi cho một em học trò và mong muốn em ấy làm điều tốt. Tuy nhiên, chỉ nói mà không tìm hiểu nguyên nhân, điều gì đã khiến những chuyện bạo lực xảy ra một cách quá bình thường thì chưa đủ.

Từ lâu nay, báo chí cũng thường nói rất nhiều đến những loại sách giáo khoa dành cho trẻ em có những nội dung phản cảm. Đài Truyền hình VTV1 đã có lần nói đến những cuốn sách dành cho trẻ em, gọi là "Hỏi đáp nhanh", trong đó có những câu hỏi như sau: "Một người bị chặt đầu thì chuyện gì xảy ra?". Bên cạnh đó minh hoạ một đao phủ cầm mã tấu giáng xuống đầu một nạn nhân. Hoặc câu hỏi: "Tại sao bác sĩ lúc làm phẫu thuật thì đeo miếng che mặt?", và câu trả lời là: "để phòng bệnh nhân có bị chết thì không ai biết mặt bác sĩ". Một bài toán trong sách giáo khoa khác: "Một người có năm ngón tay, vì nghịch dao nên bị cụt mất hai ngón, hỏi người đó còn lại mấy ngón?". Toàn là những câu hỏi gợi ra những hình ảnh tẻ hại chẳng có gì gọi là giáo khoa cả.

Ngày xưa chuyện sử dụng roi của các thầy cô trong các trường tiểu học là chuyện bình thường. Không chỉ roi mà còn có những hình phạt như "quỳ xơ mít" trông có vẻ rất tàn nhẫn, nhưng thực ra, cũng không mấy khi thầy cô phải dùng đến những hình thức đó, vì hoàn cảnh xã hội ngày xưa khác bây giờ, con người ngày xưa khác con người bây giờ và thầy trò ngày xưa khác với thầy trò bây giờ nhiều lắm. Ngày xưa là "tiên học lễ hậu học văn", ngày xưa là "nhất tự vi sư bán tự vi sư", ngày xưa là "tôn sư trọng đạo"... Bây giờ khác. Ngày xưa học trò sợ thầy cô, bây giờ có khi ngược lại.

Thời đại này là thời đại văn minh, không thể nào dùng vũ lực với các em học sinh được nữa, nhưng thầy cô giáo vẫn dùng roi để răn đe học sinh. Học sinh đang hoảng thì có sợ cây roi của thầy cô thật, như sợ một biểu tượng của sự trừng phạt, nhưng với những em học sinh thường ý lại vào cha mẹ thì cây roi vô nghĩa. Tuy nhiên, dù được sợ hay bị xem thường thì cây roi vẫn là hình ảnh của bạo lực, đe dọa chứ không còn là một phương pháp giáo dục tốt trong thời đại này nữa.

Bạo lực từ đó mà ra. Từ những điều đã ăn sâu trong tâm khảm người lớn đến nỗi khi dạy cho trẻ cũng đưa ra những hình ảnh bạo lực như một phản ứng tự nhiên: “một người bị chặt đầu”, hoặc “nghịch dao bị cụt hai ngón tay” Hay gian dối như: “để người ta không biết nếu lỡ bệnh nhân bị chết”, v.v. và v.v. Cây roi cũng là hình thức của bạo lực vì thầy cô giáo không biết dùng một phương pháp khác, một ngôn ngữ nào khác để có thể giáo dục trẻ con ngoài sự đe dọa mà thôi.

Ấy là Nhân và Quả. Nhân xấu thì tất quả phải xấu. Một người lớn lên giữa một môi trường xảy ra những chuyện chém giết nhau hàng ngày, mọi người coi mạng sống chẳng là gì cả thì họ cũng sẽ bị lây nhiễm. Ăn cướp được một lần lỡ tay làm thương tổn nạn nhân thì có thể ân hận đôi chút, nhưng lần sau thì lại lấy đó rút kinh nghiệm để chuyện ăn cướp hoàn hảo hơn. Giết một mạng người rồi thì sẽ bớt cảm xúc khi giết kẻ thứ hai. Lần đầu có thể giết người với một lý do tự cho là chánh đáng thì dần dần giết người không cần phải có một lý do gì cả. Lây nhiễm ở chỗ những người dù không gây ra tội ác thì thấy những tội ác kia cũng là chuyện bình thường, chẳng có gì quan trọng cả. Bây giờ, tệ nạn đua xe gắn máy, lạng lách xảy ra rất thường. Dù bị ngăn chặn, thậm chí bị tịch thu phương tiện, vẫn không giảm. Đây chỉ vì ảnh hưởng những phim ảnh, như loạt phim “Nhanh và nguy hiểm” chẳng hạn, được báo hàng ngày đăng tải giới thiệu, quảng cáo rầm rộ là niềm phấn khích cho các tay đua xe. Trong loạt phim này, các tay đua xe được xem như những anh hùng, được mọi người khâm phục; nhất là các cô gái xem họ như thần tượng. Ngoài ra, các quán bia rượu mọc ra nhan nhản khắp nơi, giờ nào cũng tấp nập, chỉ sau vài chầu nhậu nóng người lên thì án mạng đã có thể xảy ra, nhưng cũng khó lòng hạn chế, vì đó là nguồn lợi của những nhà đầu tư lớn.

Bây giờ, trên thế giới đâu đâu cũng nói đến lực lượng khủng bố giết người một cách dã man làm cho cả thế giới khiếp sợ. Nếu đó là một lực lượng Hồi giáo quá khích thì cũng chưa có gì phải ngạc nhiên, nhưng điều làm cho người ta lấy làm lạ là có những thanh niên, thiếu nữ da trắng lại cũng trốn ra khỏi đất nước của mình để gia nhập vào các lực lượng khủng bố đó. Người ta cũng giải thích vì đây là những người mang một mặc cảm thất bại với xã hội mình đang sống nên phải làm bất cứ một điều gì để phản kháng, chống đối, để tưởng có thể thoát ra khỏi mặc cảm sai lầm đó.

Xưa người ta thường nói: “Dạy con từ thuở lên ba”. Thực ra trẻ con chừng mười tháng tuổi hay tròn một năm đã có những ý thức của chúng mà người lớn không thể nào hiểu rõ được, cho nên phải dạy từ thuở đó chứ không phải đợi lên ba mới bắt đầu. Trẻ con làm bất cứ một điều gì không đúng mà người lớn phải ngăn lại, cũng đều phải có những lời giải thích rõ ràng. Tưởng là chúng không hiểu, nhưng dần dần sẽ đi vào trong tâm khảm chúng, ảnh hưởng chúng mà cha mẹ nếu để tâm sẽ thấy ngay.

Phải nói là thật buồn khi xem trên truyền hình nói về những cuốn sách “Hỏi đáp nhanh”. Khi cô giáo hỏi: “Ai thích cuốn sách này?” thì gần như cả lớp đều đưa tay lên. Sách nói về lịch sử Hai Bà Trưng đánh quân Tàu với hình quân lính của Mã Viện đều cưỡi truồng để hai bà phải xấu hổ mà thua trận. Đọc báo hàng ngày, gần như không có ngày nào không có những tin tức về chuyện học sinh đánh nhau trong trường. Không chỉ đánh nhau mà còn thuê giang hồ thanh toán bạn học ngay tại trường.

Nói cho cùng, không phải là lỗi của các em, không phải là lỗi của thầy cô giáo, không phải lỗi của người làm ra những cuốn sách đầy bạo lực, cũng không phải là lỗi của nhà xuất bản hoặc những người kiểm duyệt, vì chính ra, họ không thấy đó là bạo lực hay lừa đảo. Lỗi là lỗi của hoàn cảnh xã hội tạo ra những cảnh giết chóc xảy ra hàng ngày đến nỗi không còn ai thấy đó là bạo lực nữa. Chẳng hạn như không thấy khác biệt giữa sợ dứa và sợ người. Chuyện cổ tích cho trẻ em thì toàn những nội dung phản cảm và từ ngữ dung tục. Ngay cả những người làm báo cũng “phát minh” ra những từ ngữ rất khác thường; như nói về nhật thực thì có từ “trắng máu”, dùng điện thoại tự chụp hình thì gọi là “tự sướng”, toàn là những từ gợi ý, tượng hình nghe không ổn chút nào, nhưng đó là chuyện rất bình thường.

Dù sau đó, những cuốn sách đã lỡ xuất bản cũng được thu hồi, nhưng đằng nào nó cũng đã đến tay người đọc. Người ta biết thị hiếu của trẻ em và người ta chỉ cần khai thác những điểm đó để kiếm lợi nhuận chứ đâu phải vì mục đích giáo dục?

Ngày xưa ở các trường học, người ta chú trọng nhiều đến những môn thể thao thể dục để giúp cho các em không những lành mạnh về thể chất mà còn lành mạnh về tinh thần. Ngoài ra còn các đoàn thể như hướng đạo sinh, theo tiêu chuẩn tổ chức quốc tế, dạy cho các em những kỹ năng rèn luyện con người có ích cho xã hội. Khuôn hội Phật giáo ở các tỉnh thành khắp đất nước đều có những tổ chức gọi là “Gia đình Phật tử”, hướng dẫn thanh thiếu niên Phật tử sống đời sống tập thể, lành mạnh, làm việc thiện, cùng nhau học hỏi giáo lý của Đức Phật, hướng con người đến những điều tốt đẹp. Bây giờ không thấy người ta quan tâm nhiều đến chuyện đó cho lắm. ■



Nguồn: tin247.com

Hệ quả phái sinh từ chuyển hóa bối cảnh

THANH HƯƠNG

Cho đến thời điểm hiện tại, những bất đồng xoay quanh lễ hội chém lợn ở làng Ném Thượng vẫn chưa đạt được một thỏa thuận mang tính nhất quán, vì các lập luận của bên và chống đi giữa những luồng ý kiến trái ngược nhau. Sự kiện này có thể trở thành “tiền lệ” mở đầu cho những mâu thuẫn về giá trị, nếu không chọn hướng giải quyết thỏa đáng nhằm vươn tới kết quả “liên chủ thể” thỏa mãn nhu cầu của các bên tham gia.

Lễ hội truyền thống vốn sản sinh và tồn tại trên cơ tầng văn hóa làng xã, bó hẹp trong những cộng đồng luân lý cùng chung hệ giá trị. Trong quá trình chuyển hóa; bối cảnh văn hóa và xã hội đã thay đổi, cộng đồng luân lý dần dần bị xáo trộn, thậm chí đã bị phá vỡ, đã đánh mất các thuộc tính cố kết, làm nền cho những rạn nứt, biến chuyển từ bên trong không gian văn hóa.

Lễ hội chém lợn ở làng Ném Thượng tồn tại mấy trăm năm qua trên cùng một tọa độ địa lý, nhưng đã khác trước vì có những thay đổi về bối cảnh văn hóa và xã hội. Nó đã chuyển hóa từ bối cảnh của cộng đồng luân lý sang xã hội hiện đại với sự tích hợp nhiều hệ giá trị. Việc khuếch trương công tác bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội truyền thống nhằm kích thích hoạt động du lịch để phát triển kinh tế đã tác động đến những biến chuyển về nội hàm và ý nghĩa sơ khởi của lễ hội. Nhu cầu tâm linh chịu ảnh hưởng, được thay thế bởi nhu cầu tiêu dùng; từ đó, vô hình trung, lễ hội đã bị biến thành “màn trình diễn” đặt dưới sự quan sát của người tham gia. Tác dụng phụ của những xung đột về giá trị tất yếu xảy ra khi những va chạm về quan niệm không ngừng gây ảnh hưởng lên nhau.

Lễ hội ban đầu xuất phát từ nhu cầu tinh thần đã chuyển hướng sang thỏa mãn cả nhu cầu kinh tế, thu hút

đồng đảo mọi thành phần. Như vậy, lễ hội hiện đại không còn được bảo lưu như một thói quen văn hóa, mà hướng tới quy tụ nhiều giá trị nguyên hợp. Theo xu hướng này, văn hóa truyền thống nói chung và lễ hội nói riêng gặp trở ngại khi cùng lúc phải bám rễ trên hai mảnh đất của quá khứ và hiện tại với những rào cản hình thành từ thuộc tính xê dịch, xô lệch về hệ giá trị, cũng như quan niệm văn hóa. Mặt khác, tác nhân suy thoái bởi ảo tưởng vật chất đẩy lễ hội đến bến bờ của tình trạng biến tướng và cố chấp. Có nghĩa là, một mặt người ta xiển dương giá trị truyền thống, nhưng lại không quy hoạch lại không gian nghi lễ; mặt khác người ta chấp nhận mở rộng biên độ và không gian nghi lễ nhưng chưa điều chỉnh nội dung và hành vi lễ thức. Một lễ hội không thể cùng lúc suy tôn hai đối tượng là thần linh và cộng chúng tham gia, được coi là “thượng đế” trong tư cách khách hàng. Nếu chúng ta chấp nhận bảo vệ di sản cha ông, hãy cẩn trọng trước mối nguy hiểm qua quan hệ hai chiều với vị “thượng đế” có vũ khí hủy diệt văn hóa là “đồng tiền”. Bằng không, những phán xét của vị “thượng đế” thứ hai nhắm vào phần nội dung cốt tử của một lễ hội sẽ làm lung lay ý nghĩa sơ khởi của nó.

Thuộc tính thiêng vốn là giá trị cốt lõi mang ý nghĩa thỏa thuận ở lễ hội truyền thống. Việc duy trì những giá trị có tính truyền thừa bên trong phạm vi nghi thức đòi hỏi người tham gia lễ hội phải học cách ứng xử. Ở nhiều lễ hội, nghi thức tế sanh (hiến sinh) thường diễn ra vào thời khắc linh thiêng dưới sự chứng giám của những người được chỉ định, như lễ “mao yết” cúng Thần Nông ở nhiều ngôi đình Nam Bộ vẫn tổ chức vào lúc “không giờ” trước sự chủ trì của Hội đồng Trị sự. Còn ở các nghi lễ Thịnh sắc, Tế viên Đoàn cả, Xây châu Đại bội... do tổ hợp tính chất lễ và hội nên được diễn ra vào ban ngày, giữa thanh thiên bạch nhật với sự tham gia của đông đảo quần chúng. Nhiều nghi thức trang trọng, linh thiêng ở đồng bào dân tộc thiểu số không cho phép người lạ có mặt. Kênh truyền hình Discovery từng chiếu bộ phim tài liệu về một lễ hội ở châu Phi diễn ra vào ban đêm giữa sa mạc. Người tham gia tuyệt đối không có hành vi ảnh hưởng đến bầu không gian huyền hoặc, nhiệm màu của nghi lễ, chứ đừng nói đến quay phim, chụp ảnh, phỏng vấn... Hay như nghi thức “Mộc dục”, tắm tượng tại tư gia hoặc cơ sở tín ngưỡng cũng không cho phép bất kỳ thành phần ngoại lai nào tham dự, chứng kiến... hướng chỉ nghi thức tế sanh. Lễ hội vốn xuất phát từ nhu cầu tâm linh, chứ không đơn thuần là những màn trình diễn, sao cho hoành tráng nhằm thu hút khách du lịch. Theo mô tả về lễ hội chém lợn ở làng Ném Thượng thấy có cả trẻ nhỏ tham gia, rồi du khách chụp hình bằng điện thoại di động đưa lên mạng internet... Như vậy, yếu tố linh thiêng của lễ hội đã bị tước đoạt, làm cho mất thiêng. Xu hướng thế tục hóa lễ hội đặt ra những phán xét phát sinh từ quá trình chuyển hóa bối cảnh.

Hậu quả của việc dùng lễ hội để thu hút du lịch đã nảy sinh nhiều vấn đề. Rõ ràng người làm công tác quản lý

không lường trước được những ảnh hưởng tiêu cực sau khi lễ hội gia nhập không gian văn hóa du lịch. Nếu sử dụng công cụ hành chính cấm đoán sẽ không công bằng cho người dân làng Ném Thượng, thậm chí vi phạm Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của *Unesco*. Còn tiếp tục duy trì thì khó tránh khỏi phản ứng của công luận. Vấn đề nằm ở chỗ chúng ta phải đưa ra một kết quả có tính liên chủ thể nhằm tái tạo điểm gặp gỡ giữa các nhu cầu. Việc tổ chức lễ hội một cách ồ ạt như phong trào, mở rộng quy mô, thành phần tham gia sớm muộn cũng dẫn tới những bất ổn về giá trị, quan niệm, an ninh, trật tự cũng như tiêu cực phát sinh. Trong chiều hướng “xã hội hóa”, những người muốn trở thành thành viên của cộng đồng mà chưa được học cách ứng xử với lễ hội thì không nên tham gia. Nhiều đền thờ Hồi giáo không cho khách du lịch ăn mặc lố lăng tham quan. Trên Tượng Chúa, di tích nổi tiếng ở thành phố Vũng Tàu cũng cấm khách du lịch mặc váy, quần cộc bước lên tòa tháp chính. Những nơi đưa ra quy phạm về hành vi ứng xử có văn hóa trên đều có chung đặc điểm: khước từ đặc ân của đồng tiền. Việc cho khách thập phương chiêm bái những nơi linh thiêng hoặc tham gia lễ hội dẫn tới tình cảnh bát nháo, hỗn tạp thuộc chức trách của ban tổ chức, nhà quản lý văn hóa địa phương. Đơn cử một ví dụ, nếu chúng ta cho trẻ nhỏ vào phòng phẫu thuật thì hậu quả nguy hiểm đến mức độ nào? Chẳng lẽ vì thế cấm bác sĩ sử dụng dao mổ? Đối tượng cần cấm đoán ở đây không phải là bác sĩ hay con dao mà chính là những người không có phận sự. Dân ta thường có tính tò mò, thích tụ tập, đông đúc... một vụ tai nạn giao thông cũng thu hút sự quan tâm của nhiều người, có khi xúm đông vào xem một cách chăm chú, trong khi chẳng mấy ai chuẩn bị kỹ năng sơ cứu người bị nạn. Thói quen văn hóa này đã lẫn vào những lễ hội truyền thống diễn ra tại thời điểm có sự hỗ trợ của thiết bị, máy móc, công nghệ hiện đại... Từ lễ hội của một làng quê nhỏ bé, êm đềm bỗng bị đẩy lên thành điểm nóng, thu hút sự quan tâm của nhiều người, nếu chúng ta coi tế sanh là hành vi dã man, vậy tất cả các lò mổ, những cửa hàng thịt, cá, tôm, cua, những nơi cung cấp các loại thực phẩm động vật đã qua chế biến đều đáng lên án! Lễ hội Đám trâu ở đồng bào Tây Nguyên nhìn từ góc độ sát sinh còn dã man hơn cả tục Chém lợn.

Trong quá trình mở rộng quy mô lễ hội, chúng ta cần loại bỏ những rào cản phái sinh sau khi chuyển hóa bối cảnh, tiến tới thiết kế hành lang an toàn cho di sản lễ hội được tiếp tục lưu truyền. Hệ sinh thái nhân văn là bầu khí quyển nuôi dưỡng hoạt động lễ hội. Nếu bối cảnh văn hóa không được tái sinh một cách phù hợp thì nội hàm của nghi thức phải chịu sự thay đổi. Điều chỉnh về liều lượng chính là phương thức hóa giải mâu thuẫn tích tụ nhằm đạt được thỏa thuận chung về giá trị. Các bên tham gia cũng không thể chấp vào “lập trường”, “quan điểm” của mình mà phải tiếp tục tìm ra phương cách ứng xử hài hòa nhằm tạo nên chiếc cầu nối bắc qua những nhu cầu khác nhau. ■



Hoàn phi câu đối tại phủ Thụy Thái vương

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN CƯƠNG

Giới thiệu chung về phủ Thụy Thái vương

Đây là phủ của Nguyễn Phúc Hồng Y (1833 -1877), con trai thứ tư của vua Thiệu Trị (1841-1847) và bà Thục phi Nguyễn Thị Xuyên. Ông là người thông minh, học rộng, được phong Kiến Thụy công và cho lập phủ riêng. Sách *Đại Nam liệt truyện* có chép: "Vương lúc bé kỳ dị, thông minh khác thường, đến khi lớn học rộng thơ hay, được vua rất yêu". Thời Tự Đức (1847-1883), ông thường vào hầu vua ở vườn tập bắn, cùng Tùng Thiện vương làm thơ ứng chế. Năm 1871, ông được lệnh kiêm nhiếp Tôn Nhơn phủ, Hữu Tôn Nhơn. Hậu duệ của ông có hai người làm vua: con trai thứ hai là vua Dục Đức (1883) và cháu nội là vua Thành Thái (1889-1907). Sau khi mất, ông được truy tặng Kiến Thụy quận vương. Đến năm 1889, vua Thành Thái lên ngôi, truy tặng ông là Thụy Thái vương và cho cải tạo phủ đệ thành phủ thờ. Đương thời, ông được vua Tự Đức cũng

như triều thần quý mến, nể trọng. Tác phẩm của ông lúc sinh thời gồm *Hậu uyển tập xạ*, *Thị học tụng*, *Tích ung canh ca hội tập*.

Phủ Thụy Thái vương hiện nằm ở số 155 đường Chi Lăng, phường Phú Cát, thành phố Huế. Phủ được lập năm 1846, diện tích khuôn viên rộng 3.227m² có cổng dạng cổ lầu ba cửa vòm, xây gạch trát vôi, đắp nổi đề tài long phụng. Bức bình phong mới làm lại. Tiền đường cũ lấy làm nội điện, kiểu nhà rường năm gian, vách gạch tô vôi, cửa bàn khoa, mái lợp ngói liệt. Nội thất bài trí năm án thờ, một bức hoành hình cuốn thư đặt ở chính giữa điện thờ được trang trí chạm trổ tinh xảo, ghi lại bài ngự chế do vua Tự Đức ban tặng nhân dịp mừng thọ Thụy Thái vương. Gian chính giữa điện thờ đặt một án thờ vọng vua cha là Thiệu Trị, phía sau là án thờ Thụy Thái vương và bà Vương phi Lê Thị Ứng. Trong điện còn có án thờ thân mẫu của Vương là bà

Thục phi Nguyễn Thị Xuyên và một án thờ người con trai trưởng của Vương tên Ứng Hình.

Hệ thống hoành phi, câu đối tại phủ còn được lưu giữ khá nguyên vẹn. Đáng chú ý hơn cả là bức hoành phi hình cuốn thư được chạm trổ tinh xảo với hình lưỡng long phía trên và phụng triều phía dưới, hệ thống chữ Hán thếp vàng được khắc chìm và được tô điểm bởi hoa văn, họa tiết xung quanh. Bức hoành phi cuốn thư với bài ngự chế vua Tự Đức có nội dung ban khen đức độ, phẩm hạnh, công nghiệp Vương, đi kèm với một hệ thống hoành phi câu đối với nội dung ca ngợi công đức tổ tiên, dòng tộc do các anh em trong hoàng tộc và các cháu gái của Vương cúng tặng. Hệ thống hoành phi câu đối phủ Thụy Thái vương không những mang giá trị lịch sử, giá trị nghệ thuật ở những họa văn trang trí, họa tiết tinh xảo, giá trị văn chương trong từng bức hoành, từng cặp đối mà còn mang lại một giá trị tinh thần thể hiện qua tư tưởng, tình cảm của người xưa muốn gửi gắm cho nhau và là niềm tự hào, biết ơn của con cháu đối với bậc cha ông, tổ tiên, là những hiện vật có giá trị cả vật chất lẫn tinh thần mà phủ còn lưu giữ được.

Hệ thống hoành phi câu đối phủ Thụy Thái vương

Gồm hai bức hoành phi và bốn cặp đối liên còn được bảo lưu hầu như nguyên vẹn.

1. Về hoành phi, bức thứ nhất thể hiện danh hiệu của phủ với lạc khoản nêu ngày tạo dựng. Nội dung chính ghi 瑞太王祠 (Thụy Thái vương từ - Phủ thờ Thụy Thái vương). Lạc khoản gồm hai phần. Phần thứ nhất 本勅建 (Bổn sắc kiến - Ban cho tạo dựng) và phần thứ hai có dòng chữ 成泰玖年叁月吉日造 (Thành Thái cửu niên tam nguyệt cát nhật tạo - Ngày lành tháng ba năm Thành Thái thứ chín dựng). Theo lạc khoản này thì ngôi phủ được dựng xong vào năm 1906.

Bức hoành phi thứ hai chính là bức hoành hình cuốn thư với nội dung ghi lại bài ngự chế do vua Tự Đức ban tặng nhân dịp mừng thọ 40 tuổi của Thụy Thái vương.

恭紀

嗣德二十五年七月二十八日

御製

四弟建瑞公洪

四十壽辰詩以賜之

介弟親中厚猶兒分外榮

文章師子建德業東平

力贍年俱壯福閒身易并

媿予多不及四歲添爲兄

吾弟雖云眾唯君可結盟

才蕃緣學殖德茂得潯情

秋月三杯永春風一棹輕

家庭眞樂事世上儘浮名

Phiên âm:

Cung kỷ

Tự Đức nhị thập ngũ niên thất nguyệt nhị thập bát nhật

Ngự chế

Tứ đệ Kiến Thụy công Hồng,

Tứ thập thọ thần thi dĩ tứ chi:

Giới đệ thân trung hậu, do nhi phân ngoại vinh;

Văn chương sư Tử Kiến, đức nghiệp thái Đông Bình;

Lực thiêm niên câu tráng, phúc nhân thân dị tinh;

Quý dư đa bất cập, tứ tuế thiêm vị huynh;

Ngô đệ tuy vân chúng, duy quân khả kết minh,

Tài phồn duyên học thực, đức mậu đắc lân tình;

Thu nguyệt tam bôi vĩnh, xuân phong nhất trạo khinh;

Gia đình chân lạc sự, thế thượng tảo phù danh.

Tạm dịch:

Kính ghi lại

Bài Ngự chế do vua Tự Đức ban nhân dịp mừng thọ 40 tuổi của tứ đệ Kiến Thụy công (ngày hai mươi tám tháng bảy năm Tự Đức thứ hai mươi lăm 1872).

Em ta vốn người trung hậu,

Lúc còn nhỏ đã nổi danh khắp chốn.

Văn chương là bậc thầy của Tử Kiến⁽¹⁾,

Đức nghiệp sánh ngang Đông Bình⁽²⁾;

Sức khỏe vốn cường tráng mãi cùng năm tháng,

Giữ được tấm thân yên định mà hưởng phúc nhân.

Thẹn rằng ta chẳng được như vậy,

Hơn bốn tuổi đành phận xưng anh.

Các em ta có thể nói rằng đông,

Nhưng chỉ mình người là ta có thể cùng kết minh.

Tài hoa nhiều mà cũng do thực học,

Đức độ lắm mà được mọi người kính yêu.

Ba chén rượu vui vầy cùng thu nguyệt,

Một mái chèo nhẹ lướt đón xuân phong.

Chuyện trên đời tất thấy chỉ như cái danh hão,

Chỉ có gia đình đích thực mới thật sự là niềm vui.

Lạc khoản cũng gồm hai phần, phần thứ nhất ghi ngày thực hiện bức hoành phi này, với dòng chữ sau: 時 - 成泰庚子年秋八月吉日鐫 (Thời - Thành Thái canh tý niên thu bát nguyệt cát nhật tuyên - Khắc vào ngày lành tháng tám năm Canh Tý(1900) đời Thành Thái). Phần thứ hai nêu danh tánh những vị thực hiện với dòng chữ sau:

宣化郡公寶善皇弟寶廉寶鼎拜

(Tuyên Hóa Quận công Bửu Thiện Hoàng đệ Bửu Liêm Bửu Lôi - Hoàng đệ của Tuyên Hóa Quận công Bửu Thiện là Bửu Liêm và Bửu Lôi kính bái).

Xin ghi nhận rằng trong phần lạc khoản này, các chữ Thiện, chữ Liêm, chữ Lôi đều đi kèm với bộ sơn 山 nằm bên trái, đây là cách đặt tên trong hoàng tộc thời nhà Nguyễn để phân biệt các nhánh, chi, phái trong các hệ).

2. Về câu đối, gồm bốn cặp đối liên; trong đó, ba cặp liên trước có phần lạc khoản ghi rõ ngày thực hiện giống nhau cùng danh tính và tước vị của người thực hiện từng cặp một. Cặp đối thứ tư không thấy lạc khoản.

- Cặp thứ nhất:

寵樹蚤升瑞盎東藩桐削葉

靈根式固芬流兌野棣穠花



Phiên âm:

*Sùng thụ tảo thăng, thụ ánh đông phiên đồng³ tước điệp
Linh căn thức cổ, phân lưu đoài⁴ dã đệ⁵ nùng hoa.*

Tạm dịch:

*Cây kia được chăm sóc mà đâm chồi, cũng như cây Ngô
Đồng nảy lá trong làn khí tốt từ hàng rào phía đông.*

*Gốc thiêng nhờ đó mà vững chắc, như hương thơm ngào
ngạt của cây Đường Đệ lan tỏa trên khắp cánh đồng phía Tây.*

Phần lạc khoản ghi ngày thực hiện của cặp liên đối này và hai cặp liên đối kế tiếp đều có các dòng chữ giống nhau:

龍飛庚子中秋

(Long phi canh tý Trung thu - Long phi, Trung thu năm Canh Tý - 1900).

Phần nêu danh tính và tước hiệu của vị thực hiện cặp liên đối này ghi:

姪孫女第八公主珠還恭上

(Điệt tôn nữ đệ bát công chúa Châu Hoàn cung thượng - Cháu gái thứ 8 là công chúa Châu Hoàn kính dâng).

- Cặp thứ hai:

若木分光桐葉圭猶傳帝子

皇枝藉慶梅花粧幸列天孫

Phiên âm:

*Nhược mộc phân quang, đồng điệp khuê do truyền đế tử;
Hoàng chi tịch khánh, mai hoa trang hạnh liệt thiên tôn.*

Tạm dịch:

*Cây từ đời xưa tỏa ánh sáng, vẻ đẹp của lá cây Ngô
Đồng vẫn còn truyền lại cho đế tử (con vua).*

*Cành vàng mang phúc lớn, sắc mai tô điểm cho hàng
thiên tôn (cháu trời).*

Phần lạc khoản nêu danh tính và tước hiệu của vị thực hiện cặp liên đối này là dòng chữ:

姪孫女美良公主異隨恭上

(Điệt tôn nữ Mỹ Lương công chúa Tồn Tùy cung thượng - Cháu gái Tồn Tùy - Mỹ Lương công chúa kính dâng).

- Cặp thứ ba:

藩邦祥開棠棣有花皆昔樹

仙源慶衍沁園一水是餘波

Phiên âm:

*Phiên bang tường khai, đường đệ hữu hoa giai tích thụ;
Tiên nguyên⁷ khánh diễn, sấm viên nhất thủy thị dư ba.*

Tạm dịch:

*Hàng phen giậu mở ra đều tốt đẹp, cây Đường Đệ có
hoa xưa nay đều là loài cổ thụ,*

*Dòng Tiên chúa tràn đầy hạnh phúc, vườn tươi tốt như
một dòng sông gợn sóng mãi khôn nguôi.*

Phần lạc khoản nêu danh tính và tước hiệu của vị thực hiện cặp liên đối này ghi:

姪孫福林公主閑家恭上

(Điệt tôn Phúc Lâm công chúa Nhân Gia cung thượng - cháu gái Nhân Gia tức công chúa Phúc Lâm kính dâng).

- Cặp thứ tư:

振振艷說麟之趾

挺挺榮看竹有筠

Phiên âm:

Chấn chấn diễm thuyết, lân chi chỉ⁸

Đĩnh đĩnh vinh khan, trúc hữu quân⁹

Tạm dịch:

*Phấn khởi luận bàn về câu nói “Lân chi chỉ” (chân con lân),
Cao cả nhìn ngắm sự vẻ vang như “tre trúc sinh măng”. ■*

Chú thích:

1. Tử Kiến: tên tự của Tào Thực (192 - 232), con thứ ba của Ngụy Võ đế Tào Tháo, nổi tiếng thơ văn, đương thời Tạ Linh Vận đời Đông Tấn hết sức khen ngợi: “Văn chương trong thiên hạ có cả thấy một thạch (tức mười đầu), riêng Tử Kiến đã chiếm hết tám rồi”.

2. Đông Bình: tức Đông Bình vương, con thứ tám của vua Quang Vũ đời Đông Hán, nổi tiếng là người hiếu thiện. Vua cha thường ngày hỏi ông trị gia thế nào là hạnh phúc nhất, ông đáp: “Thiện tối lạc”.

3. Đồng: cây ngô đồng, lá to bằng bàn tay, hột ăn được. Theo truyền thuyết, loài chim phượng hoàng chỉ đậu trên cây ngô đồng và khi chim phượng hoàng về đậu thì sẽ có thánh nhân ra đời.

4. Đoài: chỉ phương Tây.

5. Đệ: cây đường đệ, nhưng cũng còn có nghĩa như chữ đệ: em. Trong Kinh Thi có thơ Đường Đệ nói anh em ăn uống vui vầy. Vì vậy cây đường đệ ở đây cũng có thể hiểu là nói về tình cảm anh em.

6. Hoàng chi: chữ 皇 hoàng chi bậc đế vương, vua chúa. Hoàng chi ám chỉ dòng dõi vua chúa. Nhưng ở đây chúng ta có thể tạm dịch là cành vàng để hợp với vế đối và ngữ cảnh.

7. Tiên nguyên: chỉ phả hệ hoàng tộc nhà Nguyễn: Nguyễn Phúc.

8. Lân chi chỉ: chân con lân. Bài thơ Lân Chi Chỉ trong Kinh Thi ví con cháu vua Văn Vương nhà Chu như chân con lân. Lân là một trong tứ linh với đức tính nhân từ, mang đến điềm lành. Ngày xưa hễ có đấng vương giả ra đời thì có con lân hiện ra.

9. Trúc hữu quân: Trúc tượng trưng cho người quân tử. Tre trúc sinh măng biểu trưng cho sự tiếp nối phẩm hạnh của bậc quân tử được truyền từ thế hệ trước sang thế hệ sau.

Thà ùng na ên sông muờ

TRẦN QUỐC TOÀN

Khuya lặng lẽ trôi trên dòng khói thuốc, tôi nằm trên căn gác nhỏ nhìn vắng trắng bên ngoài cửa sổ. Gió lạnh lùa qua khung cửa, tôi ngủ mê man và nói sảng suốt đêm. Ngoài bìa rừng tiếng suối chảy róc rách, những cơn mưa phùn rơi trên mái hiên từng giọt từng giọt. Tôi mơ thấy những trang sách đã cũ trên kệ vẫn nằm im trong suốt quãng thời gian tôi vắng nhà.

Bình minh mùa đông, tiếng gà gáy sớm, những mảng sương mờ tan loang vào không khí, chúng dần bốc hơi và rút xuống sau tia nắng lẻ loi.

Căn gác bừa bộn những sách, mạng nhện, tranh vẽ Phật và những tờ giấy vụn. Tôi xếp chúng vào từng kệ sách. Mân mê những hình ảnh cũ; những tháng ngày đã qua, khi trở về nỗi buồn thấm vào tôi. Lúc trước tôi thường bị ám ảnh bởi những cuốn sách viết về Phật giáo. Tôi lục tìm cuốn *Lịch sử Đức Phật* nhưng không thấy; tôi nhớ chú Huệ Minh đã cho tôi mượn. Trong những đêm thức trắng, tôi lần mò đọc; cuốn sách chứa nhiều nội dung về lịch sử thời Đức Phật còn tại thế. Tuy không nhớ tên tác giả nhưng tôi vẫn biết là do một người Đức đã du hành và sống trên đất Ấn viết nên. Bây giờ nghĩ lại tự thấy ăn năn vì mình đã làm thất lạc một cuốn sách quý.

Năm nay trời trở lạnh sớm. Tôi trốn trường về quê để tìm cho mình một khoảng không gian yên tĩnh sau những tháng ngày mệt mỏi ở Sài Gòn. Mẹ vẫn lo âu vì mẹ hiểu tôi hơn ai hết. Đời có bao giờ thôi buồn khi mùa đông còn gió rét, mảnh trăng còn bàng bạc lúc về khuya...

Hôm nay mẹ tôi có công việc trên thôn nên tôi đi đưa cơm thay mẹ. Tôi luồn qua dây hàng rào được kết bởi những nhánh cây bạch đàn. Căn nhà tối om dưới bầu trời chập tối, tôi gõ cửa:

- Bà ơi! Mẹ con dặn đem cơm xuống cho bà. Bà mở cửa cho con đi.

Cánh cửa mở, tôi bước vào nhà rồi đặt phần cơm xuống cho bà Sáu.

- Ôi! Quý tử! Con của mẹ Liên đem cơm xuống cho bà đó phải không?

Ánh sáng đèn pin phả vào giọt nước vừa rớt trên đôi mắt già nua kia. Trong tôi hần lên một nỗi xót thương. Gió mưa cứ thong thả rơi hoang trong cõi

trời đất vô cùng, và con người cứ lầm lũi sống trong tàn tích của lịch sử quê hương...

Tôi rời căn nhà, nơi bóng tối đang ngự trị trên đôi mắt của bà...

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.

Giữa vòm Bát chánh đạo, bàn thờ Tam bảo phảng phất khói nhang. Đại chúng đang tụng tới bài Tâm kinh Bát-nhã. Hôm nay tôi về tịnh xá tụng kinh. Câu thần chú vừa đọc xong, tôi chấp tay hướng về Tam bảo mà phát nguyện quy y và hướng nguyện về một cảnh giới tốt đẹp trong tâm thức.

Mùa đông trăng tròn, tiếng hạc ngâm sương thả rơi những thanh âm huyền hoặc. Bóng tháp thờ xá-lợi Phật từ Myanmar rung rung như một huyền tượng đã được phong kín bởi những câu kinh bằng tiếng Phạn. Tôi theo chân sư ông lên từng bậc thang... lên cao và cao nữa, đỉnh tháp chỉ còn cách trời xanh một ý nghĩ của Bát-nhã. Nhìn đỉnh Kỳ Sơn thâm u, những ngôi mộ được chong sáng bởi những bóng đèn màu. Tôi tự hỏi mình về Ngũ uẩn, trong khi sư ông đang đưa mắt nhìn cánh đồng từ tầng thứ chín của ngọn tháp. Chân tóc đã bạc màu, sự huyền bí của tạo hóa chính là tấm áo cà-sa đang giăng cho tôi về cuộc sống thanh thoát của một vị tu sĩ. Tôi nhìn vào khoảng trống sau lưng. Mẹ Quan Âm tay cầm nhánh dương thị hiện giữa một vùng núi đồi tịch mặc, chợt câu hỏi của tôi đã được chính tôi trả lời trong lúc tôi chấp tay đứng lặng nhìn sư ông... Tôi như thấy được dư âm của một tâm hồn vững chãi giữa hoang tàn của chiến tranh trong cuốn truyện *"Dưới mái chùa hoang"* đang nhập thể để truyền tải thông điệp của Như Lai...

Trăng vẫn neo trên mấy tầng mây, soi chiếu xuống thế gian tù đày muôn kiếp. Tôi dõi theo bóng trăng với những ý nghĩ mơ hồ trong lúc sư ông vừa bước xuống tầng cuối cùng của tòa tháp.

Đêm nay ánh trăng đã mờ hẳn vì mưa, tôi nằm nghe bản tình ca mùa đông từ bầu trời hắt hiu gió mùa Đông bắc...

Nỗi nhớ Sài Gòn gọi lên bao thứ men của sầu muộn. Tôi đã biết yêu từ độ trang giấy trắng học trò còn lem mực. Đã một lần tôi thức trọn đêm để viết thư gửi bằng tin nhắn qua facebook cho một người



con gái tên Hằng. Tôi biết cho dù tôi có nói với em bao nhiêu lời yêu đi chăng nữa thì chưa chắc nỗi nhớ người xưa sẽ phai nhạt trên bức màn đêm. Có thể người sẽ chọn thái độ im lặng, hoặc từ chối hay tìm cách lẩn tránh câu hỏi của tôi:

- Em có thương anh không...?

Tôi nhận ra chính mình ở ngay cánh cửa vừa khép. Một nụ cười héo và một ánh nhìn buồn bã.

Bây giờ tôi cách xa em trong một đường chim bay. Những thao thức lúc gần sáng với từng tiếng tơ lơ đang, nốt nhạc rời và giọng hát Khánh Ly như cắt cửa tâm hồn. Phải chăng Bài không tên số Mười của nhạc sĩ Vũ Thành An đang nhấn chìm tôi xuống đáy sâu của hố thẳm. Một khuya buồn thơ thẩn, mái tóc dài bay trong gió, tôi nhìn vầng trăng đang neo giữa phố đèn. Nếu được gặp em một lần khi còn sống ở Sài Gòn thì chắc có lẽ tôi sẽ không hối hận khi theo em đến nơi này.

Mộng nay đã tàn, vài giọt sương còn gá trên hàng kềm gai của bức tường xám vàng. Vết hằn năm tháng còn đó, dù em có chối bỏ câu hỏi của tôi, hay em vô tình bỏ quên tôi giữa Sài Gòn... thì tôi vẫn mãi đau khổ... chỉ vì tôi thương em...

Tôi để dành thời gian cho việc đọc sách, những khi cô đơn hay nằm trơ một mình với cuốn *Martin Heidegger* và *Tư tưởng hiện đại* của Bùi Giáng, tôi lại nhớ Hằng như Bùi Giáng nhớ Kiều, nhớ kỳ nữ Kim Cương, nhớ em mọi vô danh ở bờ cõi Phi châu, hay nhớ những minh tinh màn bạc ngoại quốc như Marilyn Monroe và Brigitte Bardot! Tất cả như giằng xé ý thức của tôi, tôi hay mộng tưởng... tôi đã cháy đã chảy đã chày đã chạy đã chạy trong tấu khúc hoang sử; hốt nhiên tôi thấy thể xác lẫn linh hồn tôi bị chìm sâu đến không còn nhận thức được gì trong cuốn *Ý thức mới trong Văn nghệ và Triết học* của Phạm Công Thiện.

Mưa mùa đông hay mưa Tây Tạng đang tàng hình xuống dãy Thất Sơn huyền bí. Để miền quê khắc khổ của tôi chìm trong bão lũ điên cuồng...

Tôi đã khép tất cả các cuốn sách sau một đêm hoang tưởng. Khi đối diện với ngày, thực tại đã làm tôi bật cười trước bao nhiêu điều huyền hoặc.

Chiều nay mẹ tôi lại bận công việc trên thôn, nên tôi có dịp nghe bà Sáu kể về cuộc đời bà trong những năm lưu lạc kiếm sống bằng nghề thầy bói và xem chỉ tay.



Bà quê ở Hải Dương, mẹ bà mất lúc bà vừa tròn 10 tuổi; sau cha lấy thêm vợ mới. Người mẹ kế rất thương bà, nhưng bà lại bị những người con của mẹ kế hắt hủi đánh đập. Bà bỏ đi biệt xứ vì không kham nổi cuộc sống ở chính nơi mà bà đã được sinh ra.

Dòng đời như nước cuốn. Thời gian bà vào miền Trung, bà đến với một người đàn ông đã có vợ, chấp nhận làm vợ bé. Bà cả thương hoàn cảnh nên cũng đồng ý cho bà sống chung. Được một thời gian ngắn, những đứa con của bà cả cũng bắt đầu đánh đập, la mắng, khiến bà phải ra khỏi nhà trong muôn điều uất ức.

Bấy giờ bà quay về quê hương để tìm lại tình thương của cha, với hy vọng sẽ được đón nhận...

Cha bà là thủy thủ, lái tàu đánh Pháp, ai ngờ người cha cũng bỏ bà ra đi vào cõi vô cùng, nơi huyết sâu của năm mỗ đại dương.

Quê hương lại một lần nữa từ chối đứa con hoang của lịch sử, dòng sử mệnh đã cuốn trôi đi những phận người vào hoang địa của kiếp sống vô thường. Tiếp theo những chuỗi ngày sau đó bà lại lưu lạc vào Nam sống nhờ vào người cô còn lại ở gần cầu Thị Nghè, nhưng sau khi lính Pháp và một đội quân Ma-

roc vào chiếm đóng, bà trở lại Bình Định và gặp mẹ tôi. Lúc này mắt bà đã bắt đầu mờ dần. Chỉ một thời gian ngắn, do suy nghĩ quá nhiều về cuộc sống khổ cực hiện tại, mắt bà đã mù hẳn. Bà không còn ai thân thích, lại sống một mình cô quạnh trong một căn nhà nhỏ. Mẹ tôi thấy thương và đồng cảm nên mỗi ngày thường đạp xe mang cơm cho bà.

Bà kể cho tôi nghe về một Sài Gòn trước năm 1975, về những ngôi trường như Marie Curie, Petrus Trương Vĩnh Ký, và những tên đường mà bà từng đi qua như đường Testard, đường Richaud, đường Pierre Flandin¹... Nhưng dường như tôi đã cảm được hình ảnh của bà... Khi ký ức ủa về con người ta sống dậy sau giấc mơ của đời người, và ít nhất họ đã một lần sống trọn vẹn với quá khứ.

Tôi ngồi trong căn nhà mà ở đó chỉ có tôi và một bà già mù. Nhưng trong tâm thức của tôi đang ánh lên những vệt sáng tươi đẹp của cuộc đời.

Tôi kể lại cho bà nghe về Sài Gòn hôm nay: ồn ào, náo nhiệt và đông người với những ngôi nhà cao tầng mọc lên như nấm rạ mọc sau đêm mưa. Nói đến đây tôi nhìn bà Sáu ngồi tựa lưng vào cửa, đôi mắt sụp xuống như buông một dòng tự sự.

Trở lại Sài Gòn, tôi men theo những con đường quen thuộc. Vào những chiều thứ bảy, khi được nghỉ sau một tuần học tập, tôi đạp xe qua đường D2 ghé quán cà phê Vesly, ngồi nói chuyện với một người anh thân quen. Rồi cũng chiều hôm ấy tôi đi lạc xuống Q.1, cũng không hiểu vì đâu tôi lại loanh quanh thành phố tới tận 10 giờ tối tôi mới phát hiện ra rằng tôi đang đứng trên cầu Thị Nghè. Vết rong rêu vẫn còn bám trên vách đá, những nhà máy trông cổ xưa lắm, đoạn đường yên tĩnh, cơn gió xuân thổi nhẹ, nhưng trong tôi lại đang mơ màng về những làn khói mỏng nơi quê nhà.

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.

Chiều hôm sau, tôi đi dọc đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, câu thần chú vang vọng từ trong chùa Vĩnh Nghiêm. Từ đoạn Nam Kỳ Khởi Nghĩa, tôi tìm địa chỉ 294, tôi dựng xe đạp vào tường ở phía bên ngoài của một ngôi chùa gần đó, tôi chấp tay chào quý thầy trong chùa và hỏi phòng làm việc của tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, tiếp đó tôi đã làm những việc mình cần làm; và sau khi nhận tiền nhuận bút xong, tôi ra về trong khi chén trà thơm tôi chưa uống hết.

Như thế đó, tuổi trẻ cứ mãi lo toan mà chưa một lần dành cho mình những giây phút thanh thản, tuổi trẻ vụt trôi qua trong dòng đời vội vã. Tháng năm có chờ đợi ai đâu... ■

Chú thích:

1. Theo thứ tự, nay là các đường Võ Văn Tần, Nguyễn Đình Chiểu và Trương Định thuộc Q.3, TP.HCM.



Xanh trong như nước giếng làng

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Trong tổ chức môi trường sống ở làng quê truyền thống, bộ ba cây đa, giếng nước, sân đình gần như là thiết yếu và thân thuộc với mọi người dân Việt Nam. Cây đa cổ thụ cho bóng mát và bầu không khí trong lành; sân đình là nơi hội họp, sinh hoạt văn hóa và lễ nghi tôn giáo-tín ngưỡng; còn giếng là nơi cung cấp nguồn nước sạch cho cả cộng đồng. Nguồn nước ấy là mạch sống, là sinh mệnh của cả làng. Vì vậy, từ bao đời nay, giếng làng là nơi khơi nguồn cho những khát khao vẫy vùng, cũng là nơi để người xa xứ trong phút giây nào đó bất chợt nhớ nhung mà làm “thân cá nhỏ lội ngược dòng”:

*Tròn tròn giếng nước gốc đa
Ai gần nhớ ít ai xa nhớ nhiều.*

Người ta bảo con gái làng nào có nước da đẹp, đôi mắt long lanh đều nhờ vào nguồn nước của làng, nhờ vào mạch nguồn sâu thẳm và bí ẩn. Giếng nước quê tôi không biết có từ lúc nào mà từ bé tôi đã thấy nó rêu phong cổ kính. Bậc lên xuống giếng lát bằng đá xanh to bản cỡ nửa chiếc chiếu. Bờ tường xung quanh kê gạch nghiêng. Đây là loại gạch đặc biệt, mỏng và to bản có thể thanh lọc cho nước trong xanh hơn. Sau lớp rêu cây dương xỉ bám mọc, gạch vẫn giữ màu đỏ sậm, cứ tưởng theo năm tháng nó sẽ bị sóng nước ăn mòn nhưng hóa ra còn mãi.

Tôi vẫn nhớ lời mẹ dặn thuở nào: “Trưa hè đừng có ra giếng làng quấy phá, Ngài quở đấy”.

Chẳng là cái giếng làng tôi nằm ngay cạnh cổng tam quan đình làng – nơi thờ Đức thánh Trần Hưng

Đạo. Thế mà chúng tôi hồn nhiên không biết sợ, vẫn lén ra giếng nô đùa, men theo thành giếng với tay hái mấy bông sen đang nở rồi cười nói rộn vang cả bên nước. Thật may cho thời thơ dại không đứa nào bị ngã xuống giếng. Có lẽ, đối với lũ trẻ tinh nghịch, Đức Thành hoàng vẫn chờ che cho!

Đi qua rất nhiều làng quê Việt Nam, tôi nhận ra rằng hình như làng nào cũng chỉ gọi giếng làng mình bằng một cái tên chung duy nhất: Giếng Làng. Thoáng nghe tên gọi ấy đã thấy gần gũi thân thương. Không gần gũi sao được, vì giếng là nơi bình lặng, nơi âm thầm khơi mạch nguồn dịu ngọt nuôi dưỡng con người từ đời này qua đời khác. Thời làng quê chưa có nước máy dong về tận ngõ, nước giếng làng có mặt ở hầu hết các sinh hoạt của con người và cộng đồng. Hàng ngày, không ngớt cảnh các bà, các mẹ, các chị đợi nhau gánh nước kiu kịt trên vai đem về nhà đổ đầy bể, đầy chum, cho những bữa cơm ngon, canh ngọt. Và rồi nhớ lắm những ngày giáp Tết, mấy bố con gói bánh chưng, xếp bánh vào nồi, bắc bếp và đợi mẹ kín nước giếng về để nồi lửa nấu bánh cho xanh và rền. Nhớ lắm những sáng mồng một, mẹ dậy từ sớm ra giếng làng gánh nước về nhà để cầu mong một năm phúc lành, may mắn. Hay mỗi khi làng vào hội, những bậc cao niên lại thực hiện nghi thức lấy nước giếng làng làm lễ mộc dục đầy linh thiêng, thành kính.

Có lẽ, vì tầm quan trọng với đời sống thường ngày và đời sống tín ngưỡng dân gian như vậy mà mọi chuyện xoay quanh giếng làng đều trở thành nỗi lo lắng, trăn trở chung của cả cộng đồng. Ví như việc chọn đất khơi giếng. Trước hết, dân làng sắm lễ vật dâng lên trình báo Đức Thành hoàng rồi cùng nhau bàn bạc chọn cuộc đất nào vừa cao ráo, thoáng đãng, vừa không quá xa hoặc quá gần khu dân cư để không bất tiện khi sử dụng và không làm ô uế nguồn nước. Khi định sẵn một vài địa điểm có thể khơi giếng, còn phải thử xem chỗ nào có mạch nước tốt nhất bằng cách để úp chiếc bát con trên mặt đất, đợi đến sáng hôm sau lật bát lên, chiếc nào đọng nhiều nước hơn thì chọn làm nơi khơi giếng. Khi giếng khơi xong, mạch nước ấy tuôn chảy dồi dào, trong mát không đục, không mặn, không chát, không có mùi hôi là giếng tốt. Đó là một trong những dấu hiệu cho biết rồi đây phúc lành sẽ đến với cộng đồng. Cho nên nói giếng làng là nơi tụ thủy, tụ phúc là vì vậy.

Nhờ vào kinh nghiệm dân gian tìm đất khơi giếng của cha ông mà giếng làng quanh năm không cạn, ngay cả khi mùa heo may thời tiết khô hanh, khắp các ao hồ cạn kiệt, ruộng đồng nứt nẻ trắng. Đối với người nông dân chỉ biết *"Trông trời trông đất trông mây/ Trông mưa trông nắng trông ngày trông đêm/ Trông cho chân cứng đá mềm/ Trời yên biển lặng mới yên tấm lòng"* thì giếng làng là tài sản chung vô giá và gắn với sinh mệnh của cả làng. Chẳng may giếng làng tự nhiên với

cạn, chuyển màu thì khắp đầu làng, cuối xóm đã xôn xao lo lắng. Khi ấy dân làng lại sắm sửa lễ vật dâng lên Đức Thành hoàng, Thổ thần và Tỉn thần để mong cầu nguồn nước mát trong lại trở về như xưa. Cho nên, để tránh những sự việc đáng tiếc xảy ra, không ai bảo ai từ trẻ con đến người lớn đều có ý thức bảo vệ nguồn nước giếng làng một cách tự giác như không rửa chân, tay trực tiếp xuống giếng, không lội xuống giếng nếu không được cộng đồng cho phép, muốn dùng nước phải múc ra xa. Xung quanh khuôn viên giếng luôn được quét dọn sạch sẽ không cho lá cây, bụi đất trôi xuống giếng khi mưa... Đây chính là nếp sống văn hóa của cha ông cần được gìn giữ và lưu truyền cho hậu thế về trách nhiệm bảo vệ cảnh quan môi trường sống cộng đồng.

Ngoài công năng sử dụng về mặt vật chất, giếng làng còn là trung tâm văn hóa của làng quê. Cùng với mái đình, mái chùa cổ kính, giếng nước trong xanh in bóng mây trời, hè đến lại thoang thoang hương sen lẫn vào hương đồng gió nội là nơi các bà, các mẹ ngồi chơi hóng mát mỗi khi làm đồng về với biết bao câu chuyện làng quê vui buồn. Bọn trẻ thì tha hồ nô đùa với muôn vàn trò chơi thả diều bắn bi, đánh đáo. Và mỗi khi đêm xuống, trăng lên sáng tỏ, không ít trai gái trong làng yêu nhau say đắm đã ra bờ giếng làng mà hẹn hò, thể nguyện giữ trọn tình thủy chung:

Nguyện cùng trước giếng sau chùa

Trăm năm giữ vẹn chát chua chẳng nề.

Đối với lịch sử dân tộc, không hiếm khẩu giếng cổ còn góp thêm tiếng nói về truyền thống lịch sử và khẳng định chủ quyền đất nước. Đó là trường hợp những chiếc giếng được cha ông ta đào khi lập làng ở những vùng biển đảo xa xôi. Ví như chiếc giếng cổ trên đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) tương truyền đích thân vua Gia Long cho đào để lấy nước ngọt khi đặt chân tới đảo. Trải qua bao biến cố thăng trầm, đến nay chiếc giếng vẫn tuôn trào nguồn nước trong lành giữa muôn trùng sóng biển mặn mòi vừa nuôi sống biết bao người con đất Việt vừa là minh chứng khẳng định vững chắc về chủ quyền biển đảo quê hương.

Từ bao đời qua, giếng làng là một phần hồn cốt của quê hương, đã trở thành miền cổ tích thời thơ dại của bao lớp người Việt. Theo thời gian, biết bao hình ảnh đẹp về giếng làng chỉ còn trong ký ức. Những miền quê bình dị nay dần lên phố, nhà cao cửa rộng vây kín giếng làng, nên đâu còn "trăng nơi đáy giếng"? Nước máy thì dong về tận ngõ nên chẳng còn ai thiết tha gánh nước. Thế là giếng làng bỗng chốc bị lãng quên, trở nên tiêu điều vắng bặt thời gian. Âu cũng là lẽ thường tình, song sẽ là ân tình biết bao nếu như đâu không dùng nước giếng như xưa, chúng ta vẫn có ý thức bảo vệ nó, giữ gìn nó khỏi sự xâm chiếm hay xả uế sinh hoạt để nước giếng làng mãi mãi xanh trong. ■



Những đôi mắt

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Có những đôi mắt chòng chọc nhìn vào sàn diễn thời trang tò mò chờ những người mẫu chân dài khoe những kiểu y phục mới được thiết kế mà không phải ai cũng dám mặc khi đi ngoài phố. Có những đôi mắt háo hức nhìn lên sân khấu hồi hộp mong đợi thần tượng xuất hiện. Có những đôi mắt lạnh đăm lướt qua những cảnh tượng bi thảm mà không chút động lòng. Nhiều hơn là những đôi mắt cam chịu của hàng triệu con người quanh ta lặng lẽ làm những công việc ngày thường với hy vọng mang lại cho mình những hoa trái tẩm thường của cuộc mưu sinh khắc nghiệt.

Và ở đây là những đôi mắt thấy được tại Trung tâm Nuôi dạy Trẻ mồ côi Đà Nẵng. Những đôi mắt thất thần của những cháu bị bệnh. Những đôi mắt trong trẻo ngây thơ của những cháu nhỏ chưa biết đến mùi vị tàn toan của cuộc đời...

Cơ sở đầu tiên của trung tâm này nằm ở làng Hòa Bình, số 291/3 đường Lê Văn Hiến, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Sau khi cơn bão Xangsane năm 2006 làm sập căn nhà cũ do Canada giúp xây dựng, ngôi nhà hiện nay được tổ chức nhân đạo phi chính phủ VORF (Vietnamese Orphans Relief Fund) giúp xây dựng. Hiện Trung tâm đang nuôi dưỡng 22 cháu, trong đó có 15 cháu bị các bệnh bại liệt, bệnh bại não, bệnh "đao" hay có tật cầm điếc... Có cháu đã được nuôi từ hơn mười năm nay, sống hoàn toàn đời sống thực vật. Đó là những trẻ em mồ côi,

những em bị bệnh nặng, những em có hoàn cảnh gia đình khó khăn, những trẻ bị bỏ rơi ở bệnh viện, cổng chùa, các bến tàu-xe... Ngoài những trường hợp vừa kể, Trung tâm còn nuôi ba cháu thuộc các trường hợp đặc biệt: một cháu có mẹ hứa "sẽ" đến đón nhưng hiện chưa đón được, do hoàn cảnh cũng... đặc biệt; cháu thứ hai có mẹ cháu đang bị ở tù; cháu thứ ba thuộc diện "con ngoài giá thú", mẹ đang còn là sinh viên, không thể nuôi mà phải "chờ" đến khi ra trường...

Đã có những cháu may mắn được người đến xin nhận về nuôi. Về việc này, Trung tâm cũng thường xuyên liên hệ để tìm mái ấm cho những cháu không bị tật nguyên. Được hỏi về việc chăm lo sức khỏe và giải quyết việc ốm đau của các cháu như thế nào, chị Trần Thị Nhì, Giám đốc Trung tâm, cho biết có các cơ sở y tế nằm trong khu vực như Bệnh viện Phụ sản-Nhi hoặc Bệnh viện Ngũ Hành Sơn là nơi các cháu được đưa đến khi đau ốm, được ban lãnh đạo bệnh viện cho hưởng chế độ miễn phí hoàn toàn. Đó cũng là một trong những sự chia sẻ của xã hội; bởi các hoạt động của Trung tâm chỉ hoàn toàn dựa vào sự tương trợ của xã hội, hoàn toàn không có kinh phí của Nhà nước. Tuy đã gói gọn trong tinh thần hết sức tiết kiệm, hiện nay mỗi tháng Trung tâm cũng phải "tổng chi" 80 triệu để giải quyết việc nuôi dưỡng hơn 20 cháu và trang trải cho 12 nhân viên với mức lương hàng tháng trả cho mỗi người là khoảng từ 2,5 đến 3 triệu đồng.

Ngoài việc lo cái sống cho các cháu, Trung tâm còn phải lo cả đến... cái chết nữa: nghĩa trang riêng của Trung tâm được chọn lựa là một nơi ngày xưa được gọi

là chốn “rừng thiêng nước độc”, nằm ở thôn 5, Hố Trâm, Đồng Xanh-Đồng Nghệ, Hòa Khương. Từ ngày hình thành đến nay, nơi đây đã trở thành chốn an nghỉ của 15 cháu, những cháu không chống chọi nổi do thể lực bẩm sinh yếu ớt vì bị vứt bỏ lúc mới lọt lòng...

Buổi chiều trời tháng Hai mà bỗng xuống cơn mưa nhanh. Có vài người khách nước ngoài đến thăm trung tâm, đang ẩm bỗng mấy cháu. Họ là những người khách vắng lai khi đến Đà Nẵng vì công việc hoặc đi du lịch và cũng là một trong những nguồn hỗ trợ đối với các chi phí của Trung tâm, tất nhiên là không thường xuyên được. Nguồn để duy trì hoạt động của Trung tâm vẫn là do những người có thiện tâm sinh sống ngay tại thành phố. Khi được hỏi về những tấm lòng mạnh thường quân này, chị Nhì nói: Phần đông những người giúp đỡ ít muốn nhắc đến tên mình. Họ lặng lẽ đóng góp, từ bao gạo hay thùng thức ăn, từ tấm chiếu đến áo quần và tất cả những đồ dùng lật vật mà cần thiết cho việc nuôi dưỡng các cháu. Thật quý hóa và đáng trân trọng thay, những tấm lòng ấy của “người trong một nước...”. Bước ra khỏi cổng, sau lưng là những đôi mắt của các cháu. Những đôi mắt thất thần của các cháu bị bệnh. Những đôi mắt trong trẻo ngây thơ của những cháu nhỏ chưa biết đến mùi vị tận toan của cuộc đời...

Những đôi mắt như lá mùa xuân chớp mắt. Như ước mơ không cùng. Như đợi chờ sự chia sẻ. Những tấm lòng ở mọi nơi có thể đến với Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi Đà Nẵng qua số điện thoại 05113.836.845 hoặc số máy di động của chị Trần Thị Nhì: 0914.037.676. ■



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,	
Chùa Bảo An	: 12 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,	
Q.5, PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định	: 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết	: 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA	: 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,	
Cty TNHH Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ
Cty Nến Hạnh Phúc, Q.BT	: 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCFH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
Cty Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan	
(namgiaio1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này:	454 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**

Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập

Mây lành

TRƯỜNG KHÁNH

Mây lành vân tập hội,
Kính dâng về Tường Vân!!
Đạo Vàng soi muôn lối,
Quang rạng gấp bội phần.

Mạch Đạo trường lưu Pháp,
Tường Vân kết duyên lành,
Địa linh - Tăng khởi phát,
Đồ chúng đắc bình yên.

Chúng sanh quy hướng thiện,
Tòng lâm phát rạng quang,
Giáo điển khai chánh kiến,
Tùy duyên hóa đạo tràng.

Vô vãn lời cầu nguyện,
Tường Vân phú pháp thành,
Vì chúng sanh quyền hiện,
Sáng ngời tổ đức danh.

Mây lành vân tập hội,
Tường Vân che mát đời,
Ngát thơm hương nguồn cội,
Giữa vô thường đầy vơi.

Về thăm chùa xưa

NGUYỄN DŨNG

Rêu phong lớp lớp hiên chùa
Mái nghiêng trút bóng lụa thưa trắng ngần
Gió đưa nguyệt lả ngoài sân
Tiếng chuông vọng vọng trên tầng mây bay

Bồ-đề lá biếc lay lay
Cỏ non rưng rức mọc đầy vườn sau
Giậu thưa tháp cổ lên sâu
Gió sương mai một hai lầu chuông cao

Tiếng chuông, tiếng trống hòa nhau
Lời kinh nhịp mõ mai sau an lành
Chùa xưa cảnh cũ thanh nhàn
Chở che bom đạn cựu mang một thời

Tâm tình một tiếng niệm rơi
A-di-đà Phật suốt đời ghi ơn!

Nửa giọt chuông rơi

NGUYỄN VĂN DOANH

Sương lung linh khóa mình trên phiến lá
Mặt trời khuya thức dậy buổi sớm nay
Hạt sương khoác vào mình chùm lửa trắng
Đốt sạch đời chẳng còn chút mây may

Một tiếng động trong đêm khuya thanh vắng
Xé không gian em bé thột giật mình
Một sao trời vung vãi ánh lân tinh
Ai trong đó hay phận mình có phải

Một hồi trống liệu âm vang mãi mãi
Nào ai hay kẻ sám hối trước chùa
Tiếng mõ gây thắc thòm cõi hư vô
Giọt sương sớm liệu còn đu trên lá?

Xin... nhật góp nửa giọt chuông phép lạ
Nửa câu kinh âm dạ lúc trời chiều.

Khán giọng ầu ơi!!

TK.VY TIẾU

Lời ru khán giọng ầu ơi,
Mẹ đong đưa tiếng, tao nôi lặng buồn,
Nghe từ tiền kiếp mù sương,
Hồng hoang nghiệp dĩ - khôn lường dầu rêu.

Bóng người lá gót bông phiêu,
Nghiêng nghiêng điệu nhớ liêu xiêu đáng hời,
Mai xa bèo giạt, mây trôi,
Khổ không đòi đoạn đây vui giọng trầm.

Tiếng ầu ơi! Xé buồng tâm,
Mẹ đong nước mắt xanh bầm điệu thương,
Biết rằng kinh dạy vô thường,
Mệnh mang Thánh điển - khôn lường hiểu tâm.

Giờ nghe tiếng mẹ - phù vân,
Chùng khúc, lạc phím - xanh bầm cung tơ,
Ầu ơ khán giọng - lạc bờ,
Hơi tàn mẹ dệt ước mơ cuối đời,

Năm đây vui, tháng đây vui,
Con lần theo dấu từng lời mẹ ru,
Gót mòn đêm bước phiêu du,
Cống trên vai dáng mẫu tử thân thương.

Ầu ơi đời dệt vô thường,
Mang theo tình mẹ dặm trường viễn ly,
Ru hơi mẹ tiễn con đi,
Thâm tình mẫu tử khắc ghi ngàn đời,
Chuông chùa ngân - lệ đây vui,
Lời ru của mẹ - mát đời con thơ.

Mụ mê

NGUYỄN VĂN ĐƠN

Vắt vai tay nải mụ mê
Tôi đi như thể giận quê mình nghèo
Bỏ lại nắng nóng gió Lào
Bỏ lại cái rét ngấm vào mẹ cha

Bao năm lạc chốn phồn hoa
Đường đời lẫn lộn bụi nhòa chén cơm
Ta về tìm lại ụ rơm
Chui vô làm kén ủ thơm mộng hồ.

Gọi bày

TRẦN KIM LONG

Nắng...!
Hừng hực xuống giữa trưa
Vừa nghe
Có tiếng chim xưa...! Gọi bày
Muốn trao nhau
Chuyện
Vui - đây
Mà cơn gió động... đang lay lá cành
Ngập ngừng
Mấy tiếng loanh quanh
Lời toan muốn nói chưa thành...! Đã thôi
Không theo cánh - chẳng hợp thời
Tiếng chim xưa
Gọi...!
Về rồi như không.

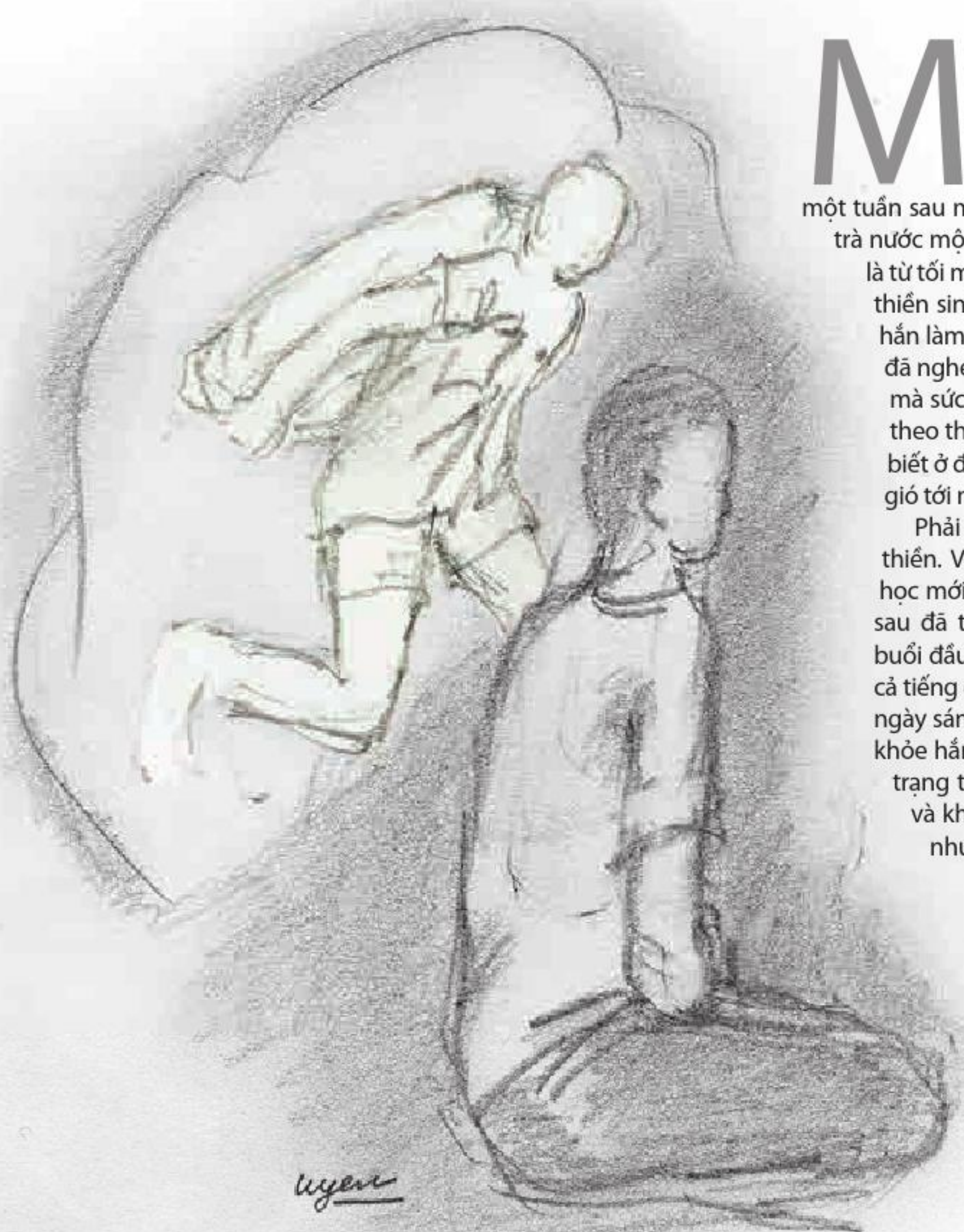
Về quê

NGUYỄN TẤN ON

Ta về tìm lại chút hương
Đã lâu ta ở phố phường rong rêu
Dòng sông soi một cánh diều
Khói đồng ai đốt cho chiều mù cay
Ta về không rượu mà say
Khoai lang lùi chấy hương bay ngát đồng
Áo tôi bật gầy mấy đồng
Treo lên vách đất vẫn mông mênh trời
Ta về lượm tiếng à ơi
Hiên lòng gió thổi rồi bời đồng rơm
Ai về nhóm bếp nấu cơm
Cơm sôi buồn chín tàn rơm đỏ tình
Lời ru con vút mái đình
Hoa cau tiếng rụng rập rình vàng trắng.

Tấm giấy thông hành màu đỏ

TRẦN KIÊM HẠ



Một tối đầy gió mưa, hai vợ chồng người bạn gõ cửa thăm nhà hần. Thấy cảnh ướt át, hần thốt lên: “Trời sao không để lúc khác...”. Người bạn trả lời: “Nghe vợ ông té xe, không đến thăm tối nay thì phải một tuần sau mới tới được, lúc ấy thì lại sợ muộn”. Ngồi trà nước một hồi, hần mới biết cái lý do “sợ muộn” ấy là từ tối mai vợ chồng họ sẽ bắt đầu tham gia khóa thiền sinh học miễn phí, ghi danh tự do, gần nơi hần làm việc. Tác dụng của thiền sinh học thì hần đã nghe nhiều người nói rồi, rất tốt cho sức khỏe mà sức khỏe của hần thì dạo này đã đồng hành theo thời tiết. Muốn theo học lắm nhưng không biết ở đâu dạy, đang lúc cần lại có người đội mưa gió tới mách bảo, đúng là hạnh duyên!

Phải công nhận rằng hần có bẩm chất ngồi thiền. Vợ chồng người bạn phải qua mấy buổi học mới ngồi được tư thế bán-già và chỉ nửa giờ sau đã than đau nhức như bọng; hần thì ngay buổi đầu tiên đã ngồi được tư thế kiết-già, mà lại cả tiếng đồng hồ mới biết mỏi! Sau khóa học, mỗi ngày sáng tối hần ngồi thiền đều đặn hai lần. Sức khỏe hần đã biến chuyển rõ rệt. Hần tìm lại được trạng thái nhìn đời hưng phấn như thời trai trẻ và không còn mệt mỏi sau mỗi ngày làm việc như trước nữa.

Nhưng rồi cũng vào một tối đầy mưa gió, công phu thiền sinh học của hần đã nhanh chóng tan như làn gió thoảng. Tối ấy bận việc cơ quan, biết về nhà trễ, hần điện thoại bảo vợ: “Em và các con ăn cơm trước đi nhé, đừng chờ”. Giọng vợ hần nhẹ nhàng: “Không đâu, các con nói đợi anh về mới chịu ăn cơm đấy”. Xong việc, hần vội dắt xe ra khỏi cơ quan

thì gặp lúc trời đang mưa gió dữ dội. Hình dung ra khung cảnh đầm ảm của bữa cơm tối gia đình và sợ vợ con ở nhà lo lắng chờ mình tội nghiệp, hần lao xe xé nước trong màn mưa gió. Người ướt lạnh như chuột lột, đứng trước cổng nhà mình hần bấm chuông liên hồi nhưng trong nhà vẫn cửa đóng then cài im phắc. Không biết điều gì đã xảy ra cho gia đình mình, hần nép dưới ban-công căn nhà đối diện lấy điện thoại gọi vào nhà. Hú vía, đã nghe trong nhà có tiếng mở cửa rột rẹt. Thì ra cả nhà đã ăn cơm xong rồi và “người ta” tập trung trên lầu hai ung dung ngồi coi phim, mặc cho hần dãi dầm mưa gió ngoài đường. Vợ con hần vô tình đến thế sao? Cơn giận như cơn giông mùa hạ ùn ùn kéo đến làm tim đập mạnh, hần hét lên: “Tất cả là đồ tẻ bạc? Đồ đái bôi...” rồi ngồi thờ dốc.

Tối ấy hần cũng ngồi thiền như mọi khi. Nhưng tâm hần đã không còn tỉnh nữa rồi, não trạng cứ rầm rối dẫn dắt hết chuyện này đến chuyện khác làm hơi thở rời rạc, tay chân tê rần.

Hần biết tâm mình đã bị trạo cử, vọng động, u tối sau cơn giận dữ ấy rồi. Nhưng vì sợ xấu hổ với vợ con, hần vẫn duy trì việc ngồi thiền đều đặn mỗi ngày. Tuy nhiên, hình như nội dung thiền sinh học mà hần đang thực tập đã được chuyển thành thiền quán niệm mà lúc trẻ hần đã có thời hành trì gần như một cách vô thức. Cơm tối và xem thời sự xong là hần chọn một góc tĩnh lặng để tịnh lự. Quả thật, những lúc như vậy thì đổ ai biết những gì diễn ra trong đầu óc hần? Với hần thì ngộ ra cái thế giới mình nhắm mắt lại, vô biên ảo diệu hơn cái thế giới mình mở mắt ra nhiều. Tâm hồn hần thoát ra xa khỏi thân xác, và đã hiểu mình ở đâu trong cõi nhân gian này. Hần thấy mình như một cái cây sống trong khu rừng thiếu ánh sáng, những loài cây khác, theo bản chất, muốn tồn tại chúng đã phát triển không thẳng. Tư duy như những nhát chém sắc bén, tia cành mé nhánh cho cây đời hần ngay thẳng. Cũng trong thế giới thâm lặng đó, hần nhận ra chuyện đời mình, đời người như có bàn tay vô hình nào đó sắp xếp mà không tài nào lý giải được...

... Ngày ấy, đang đêm hần lên vào nhà kho hợp tác xã vác trộm bao phân u-rê trên vai thì bị bắt quả tang. Tay bảo vệ sống cô độc trong căn nhà kho chia sủng vào người hần quát: “Tao cho mày tự chọn, vác bao phân ra trụ sở hợp tác xã giải quyết hoặc để tao trói hai tay mày dẫn ra đó?”. Hần lặng lẽ đưa tay ra cho người bảo vệ trói. Thế là hết. Hần có lòng tự trọng nhưng lâm hoàn cảnh cùng cực đành phải làm liều. Vợ hần sinh đứa con đầu lòng không thuốc men, thiếu ăn lại bị hậu sản, người quắt queo như con mumm; con hần vì thế mà suy dinh dưỡng sinh bệnh tật, khóc không ra hơi. Sống giữa cái thời khổ như lực điền kiếm còn không ra cái ăn hưởng chi hần vốn là người thành phố trở về quê tập tành làm ruộng. Trong cái khoảnh khắc ấy, nghĩ tới cảnh vợ và con đang lên cơn sốt ở nhà, đã không có tiền đi bệnh viện, chồng còn bị bắt nữa thì chỉ có nước chết, hai giọt nước mắt hần ứa dài trên gò má. Tay bảo vệ sống độc thân, râu ria không cạo

trông càng dữ tợn, đứng sát mặt hần, không trói mà lạnh lùng đối ý: “Không cần, *mầy* vác lại bao phân lên vai rồi đi theo *tau...*”. Lúc này thì bao phân 50kg quá nặng so với cái thân ốm yếu của hần, khiến tay bảo vệ phải... nâng giúp. Phạm nhân lê bước đi trước, bảo vệ chia sủng theo sau. Ra đến cổng một đoạn, tay bảo vệ bảo hần dừng lại và nói: “Hùm, lấy vợ chi cho khổ. Thôi mày vác bao phân mà đi, nhớ hành xử như tao không biết gì nghe”. Hần...

Cuối vụ mùa ấy người bảo vệ bị nghỉ việc vì để thất thoát vật tư. Anh đã bồi hoàn bao phân bằng giá thị trường nhưng vẫn sống không yên với những “kẻ sĩ” trong làng. Giữa lúc ấy chiến tranh biên giới Tây Nam xảy ra, anh tình nguyện trở lại quân ngũ, rồi từ đó biệt tăm...

Dòng đời nổi trôi, mấy mươi năm sau hần từ miền Trung đưa vợ con vào miền Nam sinh sống. Hôm ấy, từ TP.HCM hần lái xe đưa mấy người bạn về Sóc Trăng công tác. Đường vắng vẻ, tầm nhìn thông thoáng, chiếc xe tải hạng nặng đi ngược chiều xe hần cứ thế “mát” ga lao xóc tới. Do không làm chủ tốc độ, người tài xế đã để xe mình húc chiếc xe gắn máy từ đầu trong ngõ vắng bất ngờ lao ra đường lớn. Hần cho xe trở tới và dừng lại. Thật là kinh khủng, hai nạn nhân nằm sõng soài giữa đường, tay chân gãy hờ từng khúc, máu đang tuôn thành dòng. Đã rất nhiều lần rồi, cứ tham gia cứu giúp nạn nhân tai nạn giao thông thì sau đó hần bị liên lụy đủ điều. Bị người nhà nạn nhân đánh đập mặt vì ngộ nhận mình là kẻ gây tai nạn. Bị công an kêu gọi tới làm điều tra. Bị bệnh viện níu áo bắt thanh toán viện phí... Hần dằn lòng rằng lần sau mặc kệ, nhưng thấy cảnh nạn nhân nằm thoi thóp giữa đường thì không cầm lòng được. Một việc làm nhỏ như ga-rô cầm máu cho nạn nhân, nới cái dây mũ bảo hiểm đang chèn cổ ra cho họ dễ thở... là có thể cứu được một mạng người, tại sao lại không làm? Lần này thì như có một lực vô hình nào đó thúc đẩy, hần nhảy xuống xe, lấy túi cứu thương, hô hào mấy người bạn trên xe mình tham gia sơ cứu nạn nhân. Trên đường, xe cộ vẫn dập diu nhưng toàn là vật vô tri. Đợi mãi không có xe cứu thương nào, hần bèn đưa nạn nhân lên xe mình đi cấp cứu.

Đến bệnh viện hần chẳng gặp rắc rối gì vì chủ chiếc xe gây tai nạn là người hiền từ đã có mặt kịp thời lo chạy chữa cho nạn nhân. Xong việc mình, hần đưa chiếc xe đầy máu đi rửa. Đến nơi nào cũng bị xua đuổi, hần đành đem xe xuống bến sông tự tay dọn dẹp lấy. Chao ôi là vất vả, máu nạn nhân tràn xuống thấm cả nệm và sàn xe nhưng cảm giác thanh thản lại ngập lòng. Xong việc, hần định cho xe lăn bánh thì ánh mắt bắt gặp tấm vé số đỏ lôm máu, lúc này hần đã vất đi rồi lại theo gió luẩn quẩn trước mặt. Một ý nghĩ thoáng qua, vậy là hần xuống xe nhặt lại.

Tối ấy hần ngồi thiền. Diễn biến đầu tiên là cái cảm giác khoan khoái tràn ngập lòng. Liền đó là hình ảnh tấm vé số màu đỏ hiện ra trong đầu. Tấm vé ấy hôm qua đã xổ rồi, sao nạn nhân không vất đi mà lại mang theo người? Thông thường người nhà quê mỗi khi mua được một tấm vé số là “ngự” trong lòng cả khát vọng đổi đời. Người ta

trực tiếp dò kết quả trên đài phát, hoặc tìm kết quả dò ngay khi có thể. Nạn nhân không uống rượu bia thì điều gì đã làm anh ta hưng phấn mà lao xe ra đường bất cẩn đến vậy? Đúng là nguồn kích động từ tấm vé số rồi.

Nghĩ đến đây thì trạng thái tâm lý hần từ tĩnh chuyển sang động. Câu hỏi đặt ra là nếu trúng thật thì... làm sao? Mình cũng nghèo, mẹ già đang đau yếu, con cái cần được học hành, cuộc sống còn thiếu thốn bao nhiêu thứ. Bỗng có một thứ tiếng đánh như quan tòa từ trái tim hần: "Ừ, mày đã một lần ăn trộm, một người vì mày mà phải biệt xứ. Đã hứa từ nay không bao giờ đụng đến những gì không phải mình làm ra mà...". "Nhưng có phải mình ăn trộm tấm vé số này đâu, đã vất đi rồi gió mang lại tặng mà...". Cứ thế cái "chân lý" và tính thiện giằng co trong đầu hần...

Sau một giấc ngủ, trạng thái tâm lý hần ổn định trở lại. Ngồi trên ghế lái hần tự mĩa mình: "Chắc gì tờ vé số ấy trúng mà mình nổi lòng tham vậy. Hóa ra ta cũng chỉ là kẻ tham lam mù quáng mà thôi!". Tuy nhiên sâu thẳm trong lòng thì hần sợ lý trí mình chưa đủ mạnh để thoát khỏi sự cám dỗ của đồng tiền. Hần bèn đưa vấn đề này ra tham khảo với bạn bè đang ngồi hàng ghế sau: "Hôm qua dọn dẹp xe, tao nhặt được tấm vé số của nạn nhân rơi; theo chúng mày, giả sử trúng thì phải xử sự sao cho đúng?". Câu hỏi có tính đời thường, nghiêm túc, khiến cả bọn im lặng. Một thằng lên tiếng: "Hầy da, hôm qua mày đã làm một việc khiến chúng tao nể phục, hai tay nhuộm máu đỏ lòm không kịp rửa, lên xe phóng như bay vì sợ nạn nhân chết dọc đường. Sao nay lại hỏi một câu nghe tầm thường đến vậy?". Dấu then, hần trả lời: "Hỏi thế thôi chứ tao quyết định rồi, người ta đã bị lâm nạn sao mình còn nỡ... Mày với tay lấy tấm vé số sau cốp xe và mở điện thoại dò giúp tao". Cả xe im lặng chờ đợi... rồi một giọng hồ hởi vang lên: "Ôi, trong rủi có may tụi bây ơi, trúng thật rồi!". Giọng hần không vui, không buồn ra vẻ triết lý: "Tao nghĩ ngược lại, trong phúc ẩn họa. Người này biết mình trúng số trước khi gặp nạn mà".

Trong căn nhà "Đền ơn đáp nghĩa" cũ kỹ, người đàn bà Khơ-me khó đoán tuổi đang ngồi ủ rũ ru một cháu bé trên chiếc võng sồn. Khách vừa hỏi tình trạng nạn nhân ra sao rồi thì đôi mắt ngấn nước của chủ trào ra ràn rụa. Hai nạn nhân chờ nhau trên xe máy ấy là con của bà. Người cầm lái là cha của cháu nhỏ trên võng. Thằng em ngồi sau đang là sinh viên Đại học Cần Thơ. Trước đó một ngày, thằng em về nhà xin tiền anh đóng học phí; đang không biết lấy đâu cho em nên thằng anh dò tờ vé số mình mua sáng nay cầu may. Thì... trúng giải! Mừng quá, hai anh em liền chở nhau lên Cần Thơ lãnh thưởng. Giọng bà trở nên da diết: "May đâu chưa thấy, giờ thì hai thằng đang nằm chờ chết. Tờ vé số cũng tìm đồ mất không thấy hu... hu". Lau nước mắt bà tự an ủi mình: "Bác sĩ nói may mà có người tài xế tốt bụng nào đó biết cách cấp cứu đưa tới bệnh viện kịp thời, không thì cả hai đứa mất mạng rồi". Hần hỏi: "Thưa chế^(*), tình trạng hai người ra sao?". "Thằng anh hiện đã cắt mất hai chân rồi, còn hai tay muốn giữ

cũng phải có tiền. Thằng em thì không tiền vô thuốc nay mai cũng sẽ sống thực vật thôi, bác sĩ nói thế!". Nghe đến đây thì hần thấy không còn nghĩa cử nào đẹp hơn là móc tờ vé số ra nói: "Thưa chế, tôi là người đã đưa con chế đến bệnh viện hôm ấy. Nay đem trả lại tờ vé số của con chế đã rơi trên xe tôi...". Mẹ nạn nhân há hốc miệng, định hỏi lại nhưng nhìn tờ vé số trên tay khách đỏ lòm máu thì bà đã hiểu. Bà toan quỳ xuống nhưng hần đưa tay đỡ lại: "Chế đừng làm vậy, cắt tờ vé số đi kéo người ta biết thì nguy. Hãy nhấc con dâu về để em đưa đi lãnh thưởng".

Trước khi ra về hần đưa mắt quan sát ngôi nhà người đàn bà Khơ-me này một lượt. Và đến lượt hần há hốc mồm khi nhìn vào bàn thờ nhà bà ta. Hần lắp bắp hỏi: "Chế ơi, người trong di ảnh này là ai vậy?". "Chồng của chế đó. Ông bị Hà bá trả thù vì chuyên cứu người trên sông". Sao trên đời lại có người giống nhau lạ lùng đến vậy, nhưng ý nghĩ đó tan nhanh khi hần nghe bà nói tiếp: "Ông là người 'nước' Huế. Chế chưa về quê ông nhưng nghe nói cũng dễ tìm, cái làng đằng sau chùa Thiên Mụ đó". Hần toát mồ hôi. Trời, mấy mươi năm qua hần mang ước vọng trong lòng, rằng xin được gặp lại cố nhân một lần, để ôm người ấy vào lòng cho thỏa nỗi tri ân, mà sao anh ấy ở hiền lại gặp hoàn cảnh này...

Hần đã tìm lại được sự yên ổn trong thế giới tĩnh lặng của mình. Cơn giận đối với sự vô tình của vợ con buổi tối mưa gió hôm nào không còn trong tâm hần nữa. Hần thấy mình đang ở giữa một cảnh chợ đông đúc đủ loại người sang hèn. Dòng người cứ thế đi vào cổng trước ra cổng sau rồi tràn ra con lộ lớn như một dòng chảy. Hần bị cuốn theo dòng chảy đó. Cứ đến một ngã rẽ là dòng người vơi dần và con đường cũng nhỏ dần chỉ đủ cho những người còn lại đặt chân. Hần thông dong bước trên con đường đó. Đường đưa hần xuống biển, biển rì rào ầm ập. Đường đưa hần lên non, suối róc rách, chim hót véo von... Đến một ngọn núi cao chót vót thì con đường trở nên thẳng đứng chỉ đủ cho một người đặt chân. Trước mặt hần giờ đây chỉ còn một người duy nhất. Người đó dang tay diu hần mỗi khi đường gập ghềnh. Đến một hòn đá cao vút chân mây, chặn hết lối đi thì người ấy quay lại, đưa cho hần tờ vé số màu đỏ và nói: "Đến đây em tự mà đi nhé!". Hần nhận ra ân nhân mình, chưa kịp nói điều gì thì người đó đã đầu mất. Hần nhảy lên đỉnh tảng đá đó nhẹ nhàng như có người dang tay nhắc bổng. Trước mặt hần là vũ trụ bao la. Với tay là chạm những tầng mây trắng như bông. Khí trời lành lạnh tinh khiết làm hần dễ chịu. Với một tâm thế trống rỗng hần tung tờ vé số màu đỏ lên không trung, tức thì có một luồng khí ầm ập từ trên ấy chạy xuống đỉnh đầu hần. Hần thấy tấm thân mình nhẹ bưng. Có như không, không mà như có. Cuối cùng hần không còn nhận ra sự hiện hữu của mình trên cõi đời này nữa. Hần đã hòa mình vào vũ trụ. ■

(*) Tiếng gọi chị theo ngôn ngữ của người gốc Hoa bang Triều Châu sinh sống trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Mùa hè ở nhà

QUẢNG

Ngày cuối tuần, tôi cố tình tách mình ra khỏi cái xô bồ ồn ào của cuộc sống bận rộn thường nhật, một mình lang thang trên con đường vắng vẻ của khu công nghiệp. Giữa cái nắng oi nồng của ngày hạ, bỗng dưng tôi lại muốn đi tìm... tìm mùa hè của riêng tôi. Đi trên đoạn đường này không biết bao nhiêu lần, và cũng không rõ đã bao lần tôi tự hỏi tại sao cái nắng ở thành phố tráng lệ này lại gay gắt đến vậy? Từng tia nắng sắc bén như muốn xé toạc những bóng râm ít ỏi trên con đường trống hoác, mùi nhựa đường khô quánh từng cơn hắt lên mặt, ra sức thử thách sức chịu đựng của chàng trai tình lẻ là tôi. Nhưng tôi vẫn cứ đi, đi trên con đường này, bởi tôi muốn sống lại mùa hè mà tôi luôn cất giữ... mùa hè với những tiếng ve ngân trong veo...

Đó là mùa hè thuở ấu thơ, lũ trẻ con chúng tôi nô đùa trên những đồng rơm rạ khô giòn dưới nắng đầu hạ. Ở quê tôi, được vui đùa trên rơm khô và cát là thú vị nhất; vì ít ra, khi bị té vẫn không đến mức phải đau. Ngày ấy, nhìn đứa nào đứa nấy đen thui thui, song vẫn hồn nhiên vui cười hả hê trong nắng, xem như đã mãn nguyện với những thành tích đánh bắt, trốn tìm của mình; để rồi tối về, chúng tôi chấp nhận cắn răng chịu đựng đòn roi của ba mẹ vì tội nghịch ngợm. Giờ nhớ lại nghe vẫn còn cảm thấy sợ... Đó còn là mùa sim chín, mùa của món quà mà tạo hóa đã ban tặng cho trẻ con miền quê nghèo chúng tôi trong những ngày được nghỉ học, xa rời trường lớp. Trưa trốn ngủ, cùng nhau len lỏi giữa bụi bờ ven đồi tìm những quả sim chín mọng, chúng tôi cứ như mấy chú lợn con ủn ỉn, nở nụ cười vô tư trên khuôn mặt lấm lem bùn đất mỗi khi bắt gặp thứ quả ngon ngọt này. Đó là mùa vui mỗi khi chiều về, trẻ và trâu lại cùng nhau bơi lội trên dòng sông quê mát lạnh suốt thần tiên...

Tất cả ký ức như ủa về trong tôi theo từng giọt nắng, từng tiếng ve. Bao nhiêu năm bôn ba nơi phố thị, tôi vẫn không thể nào quên được tiếng ve xé nát sự tĩnh mịch của buổi trưa hè yên ả, tiếng gà nhà ai cục tác canh trưa vắng vắng bên tai, tiếng vông tre cọt kẹt bà ru tôi vào giấc ngủ thiên thần... Mọi thứ nhào nặn, hòa quyện vào nhau thành một bản giao hưởng làng quê yên bình, rộn ràng trong yên tĩnh...

Thế nhưng, mỗi độ hè về, tôi cũng bắt đầu buông tiếng thở dài không dứt. Ánh mắt xa xăm của cha nhìn

đồng ruộng khô cằn sau mùa thu hoạch, đất đai nứt nẻ chân chim cứ mãi khắc khoải khôn nguôi. Mùi thóc lúa được nắng đầu mùa còn cay cay những giọt mồ hôi cha những trưa hè đứng bóng. Hè là mùa đẹp nhất của tuổi thơ, nhưng sao cũng khắc nghiệt đến vậy? Hè hanh hao như muốn vắt kiệt, vắt cạn những giọt mồ hôi của mẹ trong buổi chợ về. Nắng cũng vô tình tô điểm lưng cha màu đen của lam lũ, màu của ruộng đồng phì nhiêu. Cỏ cây khô cằn, uế oải dưới những tia nắng đang muốn thâm tím, muốn nhuộm một màu vàng úa lên triền đồi, bãi cỏ. Cây phượng già nơi trường mẫu giáo cũ như phụ họa thêm cho cái nắng như thiêu như đốt của ngày hè bằng màu đỏ lửa – sắc đỏ đầy kiêu hãnh của hoa học trò.

Một buổi chiều thong dong khi hè về, xa trường, xa lớp, xa sách vở, xa lũ trẻ chăn trâu ngô nghê vẫn thường cùng nhau ngửa mặt lên trời dõi theo những cánh diều giấy, miệng rôm rả nói cười, như thể chính mình được bay... Để giờ đây, mỗi đứa bay mỗi phương trời, liệu rằng ai sẽ nhớ những mùa hè năm ấy...? Có một nỗi nhớ da diết khó gọi tên...

Tuổi thơ tôi cất xếp gọn gàng trong ký ức, xuân sang hạ về lại mở ra ôn, có phải chẳng đây là báu vật, vô hình nhưng mãi hiện hữu với thời gian? ■



Cô dâu Ý và nếp Việt

TỪ SÂM

Tôi quen vợ chồng Trương Văn Dân và Elena đã lâu nhưng nay mới có dịp tiếp anh chị ở nhà.

Anh Trương Văn Dân quê Bình Định, là Việt kiều, ở Ý trên 40 năm. Anh là chuyên gia về dược học, là nhà văn, là dịch giả mấy đầu sách. Chị Elena, người Ý, tiến sĩ văn học nước ngoài chuyên ngành văn chương Pháp.

Tôi quý mến anh chị qua tác phẩm. Tôi đọc anh qua tiểu thuyết *"Bàn tay nhỏ dưới mưa"* đậm tính nhân văn. Tác phẩm của anh như vị bác sĩ tiên đoán căn bệnh thế giới hiện đại đang mắc phải do "sự toàn cầu hoá" đã đến thời di căn. Tôi đọc Elena qua những phóng sự về trẻ em nghèo Campuchia, đất nước bị lãng quên sau nạn diệt chủng; những bài báo của chị như tiếng chuông đồng hồ báo thức trong giấc ngủ say của thế giới no đủ phương Tây, như chiếc gạc nhỏ băng bó vết thương tâm hồn những người nghèo khổ, như tiếng chuông rung ngân trong tâm khảm hướng về tình người trên thế gian này.

Buổi sáng bước vào nhà, chị chào chúng tôi bằng cách chấp tay trước ngực, đầu hơi cúi như người Nhật. Nhưng không phải như người Nhật cúi khom sâu mà là cúi thấp tầm như cách đây mấy chục năm mẹ tôi cũng làm như thế. Bàn tay chị khép lại hình búp sen như nhà sư lúc cầu nguyện, thật sự làm ấm áp lòng người mới lần đầu gặp gỡ. Tuy phát âm tiếng Việt chưa chuẩn lắm nhưng có lẽ nhờ trực giác của người rành ngoại ngữ, chị đoán và hiểu khá nhiều.

Khi vợ tôi hỏi, theo chồng về định cư ở Việt Nam chị có buồn không, chị nói không buồn vì có nhiều bạn bè. Chị tâm sự, sáng cà-phê vỉa hè, đọc báo, thăm thú và nói chuyện văn chương. Rồi đi chợ, chị đi vài lần là quen mặt hết. Hôm nào bạn hàng vắng, khoảng trống ở chợ vẫn còn đó mà như xa người thân. Cởi mở và hòa đồng, chị đi chợ mà như mua nụ cười và tình cảm nhiều hơn mua hàng, ít khi trả giá mà không bị mua hớ... Phần lớn bạn hàng biết chị thích món gì thì dành riêng, nụ cười thân thiện của chị đã chinh phục được cảm tình của các bạn hàng. Ở Ý không có được điều đó vì toàn siêu thị. Ở đó người và máy móc sẫm soi nhau, giám định nhau và không thể mặc cả. Thế mà người ta đang có ý dẹp chợ để xây siêu thị. Chị chia sẻ và nghĩ rằng đi theo lối mòn của phương Tây là bào mòn văn hoá Việt.

Dịp cuối tuần, chị thường ra ngoại ô, vào chợ cóc, ở làng quê chưa khoác áo thành thị. Người dân lam lũ mang ra chợ những thứ chính họ nuôi trồng, chăm bón. Mớ rau ngót xanh ngắt còn ngậm sương, tôm tép nhảy tanh tách trên rổ, vịt ruộng, gà vườn béo mập, chắc lẳn. Chị nói cách đây nửa thế kỷ, ở Ý cũng như ở Việt Nam bây giờ, chị thường theo mẹ tìm hương thơm của lúa mì vùng ngoại ô. Rảo bước giữa chợ quê, chị như trở lại thời thơ ấu, được hít thở không khí trong lành và tươi mát của miền cây trái. Chị rất buồn vì biết là chỉ vài năm nữa, nơi họp chợ sẽ trở thành khu công nghiệp.

Điều làm tôi ngạc nhiên là chị thích canh bầu, tôm chua và mắm nêm mà vợ tôi lúc đầu sợ chúng ra mâm. Chẳng là, có mấy đứa cháu sang Tây vài năm, về nhà khó chịu mấy món nhà quê. Chúng nó toàn ộp-la, bít-tết và khoai tây chiên. Nhìn tay chị cuốn bánh tráng rau sống hơi vụng một tí nhưng thích thú và hạnh phúc, tôi cũng vui theo. Chị thích bánh xèo, thích được ngồi đợi, quan sát thao tác của bà đúc bánh, chờ đợi dọn ra đĩa chiếc bánh nóng và giòn. Chị thường tự tay múc nước chấm, hơ hơ đôi tay vào hơi ấm của bếp lửa trong cơn bốc đầu mùa. Mùi dầu chiên ngào ngạt, khói bốc nghi ngút. Chị thích mùi khói, vừa ăn vừa nhìn những người lam lũ ngồi xõm trên ghế nhựa, áo nhem nhuốc bụi đường.

Có lần tôi bắt gặp cái nhìn thương cảm của chị về đứa trẻ ăn miếng to dùng như ăn lần đầu, sợ hết, sợ ai gặp mất; bên cạnh đứa trẻ, người mẹ chống đũa trong hạnh phúc vì tiền công chỉ được vài đĩa bánh. Thứ dân dã mà chị coi là của ngon vật lạ, nó đang bị mai một, bị xua đuổi trong phố thị, bị xâm lấn, bởi chỗ ngồi vỉa hè sẽ không tồn tại. Chị không tin là nó rẻ thế, một người ăn chưa hết 10 ngàn, chưa bằng ly cà-phê sáng. Chị biết, ít người ăn nên không thể nâng giá hơn được. Bà chủ mấy chục năm ngồi ở đây, nay sắp dời đi vì phường không cho phép. Thế giới ẩm thực quyền rũ như ma túy, người ta lao vào món đắt đỏ để làm sang, để hợp thời. Người ta mời nhau vào nhà hàng chứ có ai mời nhau ra vỉa hè hóng bụi bao giờ.

Tôi thực sự ngạc nhiên khi chị giải thích sự cân bằng âm dương của các món rau, của gia vị, của lửa và nước. Món ăn mà tôi ăn gần hết cuộc đời nhưng ăn chỉ mà ăn, còn chị ăn để hiểu, để biết, ăn bằng miệng, ăn bằng



mất, bằng đầu, bằng sự chiêm ngưỡng và khai phá giá trị nhân bản truyền thống.

Một hôm, tôi được xem những tấm ảnh chụp một đám cưới lúc chị về quê chồng ở Qui Nhơn. Cô dâu chú rể là Việt kiều trong bộ váy nhiều tầng, màu sắc lòe loẹt. Trang sức đeo kín cổ, đầy các ngón tay nhẫn to, nhẫn nhỏ, như trưng cái giàu sang trước thiên hạ. Tóc nhuộm nâu nâu, đỏ đỏ, phủ hoe vàng. Không thua kém Việt kiều, những quý bà, quý cô trong nước không biết giàu hay nghèo, làm chủ hay làm thuê nhưng họ đều giống nhau ở chỗ đầm dài đầm ngắn, tóc rối bù tổ chim, sắp hàng ngang như thi hoa hậu. Quá hơn nữa trong số họ từ chối màu tóc đen nguyên thủy cha mẹ sinh ra. Trong ảnh, đối chọi với *mô-đen* Tây, một người phụ nữ mặc áo dài, chiếc áo dài truyền thống viền thêu bằng tay, kết khuy theo lối cổ, tóc ánh kim, một màu quý phái, nguyên thủy, đó là Elena. Chị tìm đến và giữ màu sắc văn hóa Việt, sợ nó biến mất, mà sợ hơn cả là

biến mất trong lễ truyền thống của đời người chỉ có một lần thì nguy hiểm quá. Trông chị lẻ loi giữa sự thô thiển của thời trang nửa mùa, lai căng. Tôi nghĩ chiếc áo dài của chị là số ít nhưng là tâm điểm. Số ít nhưng là hạt nhân để số đông như electron quay quanh tạo thế cân bằng, nhờ thế cuộc sống trở nên bền vững và tồn tại vĩnh cửu.

Chia tay chị khi bóng chiều chìm xuống, chim về tổ, con người tìm về hơi ấm gia đình. Phía mặt trời lặn là quê hương chị. Phía ấy có bao người thân yêu và bạn bè của chị khiến lòng tôi bồi ngùi thương cảm và quý mến.

Tiếng chuông chiều thu về một ngày bình yên, trong tiếng chuông ấy tôi nghe tiếng cầu nguyện.. Nam-mô... A-di-đà... Phật... của chị từ trái tim nhân ái khe khẽ rung lên.

Làm dâu, không chỉ theo chồng, không chỉ hoà nhập vào lối sống, mà chị còn níu giữ cái hồn quê, nếp Việt nơi chồng mình sinh ra. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Ranh đất giữa khu vườn nhà ông ấy với vườn nhà tôi có những cột mốc cụ thể chứ chẳng phải chỉ dựa vào cái hàng rào kẽm gai dựng tạm. Tuy nhiên, cách đây khoảng 20 năm, trong một lần gia đình tôi gửi đất bên nhà ông ấy để về Sài Gòn có việc suốt một tuần lễ, ông ấy đã cho dời hàng rào lấn sang vườn nhà tôi khoảng 5 tấc. Khi trở về, tôi biết ngay và đã sang phân trần phải trái, nhưng ông ấy dựa thế không nghe. Từ đó, mặc dù ông ấy với bố tôi đều thuộc về số những người đầu tiên cùng nhau lên khai khẩn vùng này và tôi vẫn coi ông ấy như bậc cha chú, chẳng những hai gia đình không còn qua lại với nhau mà thỉnh thoảng lại có lời lẽ khích bác nhau. Nửa thửa đất suốt chiều dài khu vườn thì cũng lớn, nhưng tôi vẫn cố kềm chế cho yên. Chỉ tiếc rằng bên ông ấy vẫn lấn lướt khiến tôi cảm thấy khó chịu; lâu lâu, hai bên lại bùng lên những cuộc đấu khẩu.

Các con tôi lớn lên, tôi cho chúng theo học ở Sài Gòn và chúng cũng có đủ khả năng để lập nghiệp trên thành phố. Mối hận về việc mất đất cũng đã dần nhạt trong lòng vợ chồng con cái gia đình tôi. Khi lên Sài Gòn, con trai lớn của tôi có cơ duyên tiếp xúc với một vị thầy Phật giáo rồi trở thành một Phật tử. Mỗi lần về nhà thăm bố mẹ, cháu đều trình bày với tôi về những điều được nghe vị thầy ấy giảng giải; cháu lại còn mang nhiều sách báo Phật giáo về nhà, khuyên tôi đọc kỹ. Bản thân tôi và vợ tôi cũng chỉ thích cuộc sống bình lặng, nên dần dần vợ chồng tôi đã thấm nhuần giáo pháp của Đức Phật. Tôi nhận ra rằng tham lam vốn là bản tính của con người và khi mình cố giữ cho bớt tham thì cuộc sống đã an lạc nhiều lắm. Một hôm, cháu nói rằng cháu có trình với thầy của cháu về sự tranh chấp đất đai của gia đình ở quê, thầy gợi ý rằng nếu gia đình tôi đã bằng lòng được với cái mình đang có thì có thể tiến lên một bước nữa là chủ động hòa giải để hai bên hàng xóm trở lại sự thân thiện ban đầu, cũng là giúp người ta quay về nẻo chính, như là một hành động pháp thí.

Nhân ngày giỗ bố năm ngoái, tôi sang mời ông dự với tư cách một người đã cùng bố tôi lên khai khẩn đất này. Tôi nói chuyện mềm mỏng nên ông ấy cũng nhận ra sự thành tâm của tôi; và lại, đã nhiều năm liên tiếp, giữa hai bên đã tránh được những chuyện cãi vã vô bổ. Điều kỳ diệu đã xảy ra. Mặc dù trong tiệc giỗ, tôi chỉ nhắc tới những lời bố tôi khen ngợi về kinh nghiệm của ông khi ông và bố tôi cùng lên vùng đất này khai khẩn chứ không đá động gì đến chuyện lấn đất cách đây 20 năm, ông ấy tự ý nói về những cột mốc cụ thể của ranh đất hiện vẫn còn, và nói hình như lúc lập hàng rào lần đầu tiên, ông đã không thấy được cột mốc ấy nên có để hàng rào dịch sang phần đất nhà tôi vài tấc. Chính ông đề nghị hai bên nên dời dịch hàng rào theo đúng cột mốc và nếu cần thì báo với địa chính thôn để họ điều chỉnh sổ sách.

Thái độ hiểu biết của ông cho tôi nhận ra sự màu nhiệm của Phật pháp. Ông ấy cho biết, từ lúc về hưu, ông ấy cũng thường xuyên đến chùa lễ Phật, và ông ấy cũng gặp được một vị thầy hiểu đạo, đã giảng giải cho ông rất nhiều điều về bản chất của đời sống. Ông đã nhận ra rằng mọi sự đều vô thường, có gì mà phải tranh giành nhau vài tấc đất.

Đã một năm nay, tình cảm giữa gia đình tôi và gia đình ông ấy ngày một thấm thiết. Tôi thành tâm biết ơn Đức Phật, giáo pháp của Ngài. Và tôi cũng vô cùng cảm ơn vị thầy của con trai tôi, đã gián tiếp chỉ cho tôi biện pháp hòa giải khiến chúng tôi đã khôi phục lại mối giao tình của hai gia đình vốn thuộc về những người đầu tiên lên khai hoang nơi này.

Nguyễn Văn Hoàng, ấp Phú Sơn, xã Hố Nai 4, huyện Thống Nhất, Đồng Nai



THIÊN PHÚ THẠO là nơi chế tác tượng Phật đáng tin cậy!

Vì Sản Phẩm luôn được bảo đảm chất lượng! <https://tielun.hopto.org>

Ăn thực dưỡng thế nào cho đúng cách?

Ý NHI



Cuộc sống công nghiệp nơi thành thị ồn ào, bận rộn với nhiều áp lực làm chúng ta không còn hoặc có ít thì giờ để tâm tới việc ăn uống sao cho có sức khỏe thực sự. Tuy nhiên, những năm gần đây, càng ngày càng có nhiều người quan tâm và thực hành ăn uống theo phương pháp thực dưỡng (PPTD) – Một phương pháp ăn uống thuận theo trật tự của thiên nhiên, lấy hạt ngũ cốc còn nguyên cám (hạt cốc lứt) làm thức ăn chính và rau đậu, hoa quả làm thức ăn phụ với một số gia vị căn bản là tương đậu, muối biển và rong biển... Thực tế cho thấy thực hành ăn uống theo PPTD đã đem lại những kết quả đáng ngạc nhiên và khoa học cũng đã chứng minh là PPTD thực sự có giá trị trong việc giữ gìn sức khỏe và đẩy lùi bệnh tật.

Dẫu biết thực dưỡng là phương pháp đem lại nhiều lợi ích nhưng khi ăn uống theo phương pháp này chúng ta phải từ bỏ lối sống cầu thả bữa bãi trước đây với những thức ăn nhanh khoái khẩu và đã quen dùng trong nhiều năm qua. Điều này thật không dễ chịu, đặc biệt là đối với các bạn thanh niên hàng ngày phải đối diện với công việc, cuộc sống đòi hỏi phải giao tế thù tiếp. Những bậc trung và cao niên khi chuyển qua ăn uống theo PPTD sẽ dễ thích ứng hơn các bạn trẻ, có lẽ một phần do hầu hết thức ăn của PPTD được chế biến và nấu nướng theo truyền thống trong gia đình mà họ đã quen dùng từ thời thơ ấu. Dù sao vì lợi ích sức khỏe dài lâu, vì một đời sống chất lượng, vô bệnh, dù già trẻ nam hay nữ các bạn nên quay lại với lối sống truyền thống và ăn uống tự nhiên.

Phải bắt đầu như thế nào?

Trước hết cần bỏ hẳn thực phẩm tinh chế, xử lý hóa học, gạo xay xát trắng, đường trắng tinh luyện, nước ngọt có gas, cà phê pha tạp, trà nhuộm màu, bánh kẹo ngọt... Giảm bớt thịt thú, thịt đỏ và thức ăn có nguồn gốc động vật. Nếu cơ thể còn đòi hỏi chúng ta cũng có thể dùng ít tôm cá và thịt trắng...

Và sau đây là một số hướng dẫn căn bản để mỗi người chúng ta có thể tùy nghi áp dụng trong cuộc sống hằng ngày và nhờ thế có thể sống khỏe, sống vui...

1. Hạt cốc là thức ăn chính của chúng ta

Hạt cốc gồm: Gạo tẻ, gạo nếp, lúa mì, lúa mạch, kê, bắp, yến mạch, kiều mạch... tất cả phải là hạt còn nguyên vỏ cám. Hạt cốc có thể chế biến thành cơm, xúp, cháo, thành bún, mì, nui, bánh đa, bánh mì, bột và còn nhiều hình thức khác để bữa ăn thêm phong phú đa dạng.

2. Thức ăn phụ là rau củ, đậu hạt, hoa quả và rong biển

Rau xanh nên được dùng thường xuyên và đầy đủ trong mỗi bữa ăn. Đậu hạt là nguồn cung cấp protein dồi dào. Các loại đậu nên dùng là đậu đỏ, đậu đen, đậu xanh, đậu nành, đậu hà lan, đậu gà, đậu lăng... Các loại hạt có dầu như hạt lanh, hạt mè, đậu phộng, hạt điều, hạt bí, hướng dương, hạt macadamia, hồ đào, hạnh nhân và nhiều loại hạt đa dạng cũng là nguồn cung cấp các chất chống oxy hóa và nhiều dưỡng chất thiết yếu cho cơ thể. Rong biển cũng là món quà

mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Rong biển có chứa nhiều i-ốt và nhiều chất dinh dưỡng quý giá.

Các loại hạt cốc, rau củ, đậu hạt, hoa quả đều nên được trồng tự nhiên tại địa phương, không sử dụng phân và thuốc trừ sâu hóa học.

3. Gia vị chính trong nhà bếp thực dưỡng

Gồm muối biển, tương đậu nành, dấm gạo và dầu thực vật nguyên chất như dầu mè, dầu phộng, dầu bắp, dầu hướng dương...

4. Ăn chậm rãi và nhai kỹ - dành đủ thời gian cho bữa ăn

"Hãy nhai thức uống và uống thức ăn" (Ghandi).

Ăn chú trọng nhất là nhai kỹ để tiêu hóa một phần lớn thức ăn ngay từ miệng nhờ enzym tiết ra từ nước bọt. Không những vậy nước bọt còn là một loại "thuốc bổ" bồi dưỡng cho cơ thể. Một miếng ăn nên nhai ít nhất từ 50 đến 100 lần.

Một khi đã ngồi vào bàn ăn, bạn không nên làm gì khác nữa. Hãy tập trung vào bữa ăn và cũng không nghĩ đến bất cứ điều gì khác. Khi bạn ăn uống tập trung như vậy, chúng ta sẽ hấp thụ hết nguồn dinh dưỡng của bữa ăn.

Như khi đọc một quyển sách hay xem một bộ phim, bạn tập trung như thế nào để hiểu hết ý nghĩa thì cũng vậy, tập trung trong khi ăn, chúng ta sẽ ăn một cách đầy đủ và trọn vẹn. Mỗi bữa ăn nên được dành đủ thời gian và kéo dài ít nhất là 20 phút.

5. Ăn ít thôi và đừng bao giờ ăn quá no

Đó là bí quyết để có một vóc dáng đẹp và gương mặt trẻ trung. Hãy rời bàn ăn và đứng lên khi bụng còn lửng lửng. Bạn không cần tính toán là mình phải ăn bao nhiêu cho đủ calorie. Thức ăn thực dưỡng được nấu nướng cẩn thận và thưởng thức một cách vui thú sẽ duy trì được trọng lượng vừa phải của cơ thể.

6. Ăn uống điều độ, uống nước đầy đủ

Nên ăn hai hoặc ba bữa mỗi ngày và đúng giờ giấc. Hãy uống khi khát và tùy theo nhu cầu của cơ thể.

7. Vui sống theo tự nhiên

Luật thiên nhiên đổi thay, sinh hoạt ăn uống và nấu nướng nên thuận theo thời gian trôi chảy. Cơ thể và tế bào trong người đổi thay theo mùa, nhu cầu dinh dưỡng vì vậy cũng nên đổi theo. Chúng ta hãy lắng nghe sự biến đổi của cơ thể mà linh động thay đổi lối sống và ăn uống sao cho phù hợp.

Bí quyết ăn uống để sống khỏe và sống vui của PPTD là quân bình và điều độ. Các bạn có thể ăn chay mà vẫn có thể hấp thụ đầy đủ sinh tố, chất khoáng, chất đạm, chất béo, chất bột cần thiết cho sinh lực, sức lớn và sự đổi mới của tế bào.

Cuối cùng "Ăn thông minh, sống vui khỏe", phần thưởng lớn nhất cho chúng ta là sau khi ăn uống theo PPTD một thời gian ngắn chúng ta sẽ cảm thấy thích thú khi cơ thể tốt hơn lên về mọi mặt, trông bạn sẽ trẻ trung hơn nhiều, vóc dáng thanh mảnh hơn, làn da tươi sáng hơn, tinh thần minh mẫn, suy nghĩ nhạy bén, tính tình hiền lành, cơ thể nhanh chóng tái hòa nhập với thiên nhiên chỉ nhờ ăn thực phẩm có chọn lọc và được nấu nướng đúng cách.

Cửa hàng Thực phẩm dưỡng sinh Chân Nguyên



THỰC PHẨM DƯỠNG SINH
CHÂN NGUYÊN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel.: 08 22422951

Facebook: chan nguyen

Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn

<https://tieulun.hopto.org>

Món ăn có ích cho người bị viêm tuyến tiền liệt

Lương y Đinh Công Bảy
Tổng Thư ký Hội Dược liệu TP.HCM



Tuyến tiền liệt (TTL) là một tuyến phát triển ở ngoài niệu đạo của nam giới, bao bọc niệu đạo từ hai bên và phía sau, cũng có khi từ phía trước của niệu đạo. TTL nặng khoảng 20-25g, đường kính khoảng 2cm, chỉ có ở nam giới.

Khi tuổi còn nhỏ, TTL rất bé. Đến khi tuổi 16, TTL mới phát triển nhanh chóng cùng với sự phát triển của tinh hoàn. Đến tuổi 24, TTL phát triển tối đa và giữ trạng thái ổn định với chức năng bình thường là cung cấp tinh dịch cho tinh trùng di chuyển dễ dàng.

Viêm TTL là một bệnh thường gặp ở tuổi thành niên, được phân ra 2 loại: cấp tính và mạn tính.

Viêm TTL cấp tính

Thường là bệnh thứ phát của viêm niệu đạo, viêm tinh nang, viêm mào tinh hoàn, viêm bàng quang hoặc viêm các vùng lân cận trực tràng. Vi khuẩn gây bệnh thường là các loại tụ cầu khuẩn, trực khuẩn đại tràng và trực khuẩn loại bạch hầu. Triệu chứng thường gặp: Đi tiểu nhiều lần, tiểu gấp, tiểu buốt, có khi nước tiểu có máu, sau khi tiểu còn bị nhỏ giọt. Người phát sốt, sợ lạnh, đau đầu, nhức mỏi toàn thân, có cảm giác đầy tức ở vùng hội âm, đau xuyên qua vùng xương cùng, dương vật và phía trong đùi. Theo Đông y, viêm TTL cấp tính có nguyên nhân do cảm nhiễm độc tà, thấp nhiệt ở vùng hạ tiêu, làm cho kinh lạc bị bế tắc, khí huyết bị ứ trệ, khí hóa vùng bàng quang bị rối loạn.

Ăn uống trong điều trị viêm TTL cấp

Ngoài việc chữa trị bằng thuốc (Đông y hoặc Tây y), chế độ ăn uống cũng rất quan tâm để hỗ trợ cho quá trình chữa trị. Sau đây là những món ăn rất có ích cho người bị viêm TTL cấp tính:

Canh bí đao, rễ cỏ tranh, bạch hoa xà thiệt thảo (cỏ lưỡi rắn hoa trắng)

Nguyên liệu: Bí đao 100g, rễ cỏ tranh 30g, bạch hoa xà thiệt thảo 30g.

Cách làm: Bí đao rửa sạch, cắt miếng. Rễ cỏ tranh rửa sạch, cắt nhỏ. Bạch hoa xà thiệt thảo rửa sạch, để ráo. Ba thứ nấu với 1 lít nước, sắc còn 300ml, chia 2 lần uống thay nước trong ngày.

Cháo sắn dây, đậu đỏ

Nguyên liệu: Sắn dây 30g, đậu đỏ 50g, gạo tẻ 100g.

Cách làm: Đậu đỏ rửa sạch, ngâm nước ấm cho mềm. Sắn dây rửa sạch, để ráo. Gạo tẻ vo sạch, để ráo. Cho sắn dây và đậu đỏ vào nồi, đổ nước vừa đủ vào nấu cho sôi. Cho gạo tẻ vào nồi để nấu thành cháo. Khi cháo sắp chín thì cho hành trắng và ít muối, nấu tiếp cho cháo nhừ. Chia 2-3 lần ăn lúc đói.

Cháo đậu đỏ, rễ cỏ tranh

Nguyên liệu: Đậu đỏ 50g, rễ cỏ tranh 30g, gạo tẻ 100g.

Cách làm: Rễ cỏ tranh rửa sạch, cắt nhỏ, thêm nước nấu sôi khoảng 5 phút, lọc lấy nước bỏ bã. Lấy nước này nấu với đậu đỏ, gạo tẻ đến khi chín nhừ. Chia 2-3 lần ăn lúc đói.

Chè sinh địa, mật ong

Nguyên liệu: Sinh địa hoàng 30g, xa tiền thảo (cây mã đề) 30g, gạo nếp 100g, mật ong 50g.

Cách làm: Nấu sinh địa với 1 lít nước, khi sôi để lửa riu riu, sắc còn 500ml, lược bỏ xác, lấy nước thuốc. Gạo nếp vo sạch, xa tiền thảo rửa sạch, cho vào nồi cùng với nước thuốc, thêm lượng nước vừa đủ nấu thành cháo. Khi cháo sắp chín mới cho mật ong vào, nấu thành cháo loãng. Chia 2 lần ăn lúc đói.

Viêm TTL mạn tính

Thường do rượu chè quá mức làm tổn thương tỷ vi, thấp nhiệt nội sinh ở vùng hạ tiêu mà gây bệnh, hoặc do phòng dục quá độ làm tổn thương tinh khí, thận khí hư nhược, thấp nhiệt tà thừa cơ xâm lấn vùng hạ tiêu mà

gây bệnh. Triệu chứng thường gặp: Tiểu tiện không thông, tiểu nhiều lần, tiểu gấp, tiểu buốt, tiểu xong còn bị nhỏ giọt, cảm giác còn muốn tiểu, niệu đạo ngứa, nước tiểu có chất dịch trắng đục, có khi có máu. Đau âm ỉ vùng hội âm, trực tràng, vùng cùng cụt, bên trong đùi và bụng dưới, nhức đầu, chóng mặt, mất ngủ, mệt mỏi, tinh thần không thư thái, chức năng hoạt động tình dục suy giảm, di tinh, tảo tiết (xuất tinh sớm), liệt dương.

Một số món ăn có ích cho người bị viêm TTL mạn tính

Canh bổ thận

Nguyên liệu: Thận heo (hoặc thận dê) 1 cặp, thực địa 30g, ngưu tất 20g, tri mẫu 20g, gừng tươi, hành trắng mỗi thứ 10g.

Cách làm: Thận heo mổ ra bóc bỏ màng gân, rửa sạch, cắt miếng mỏng, để vào nồi cùng gừng và hành. Các loại thuốc cho vào một túi vải sạch, cho vào nồi thận heo, thêm lượng nước vừa đủ để nấu cho thận heo chín mềm. Nêm gia vị vừa ăn. Dùng trong bữa ăn.

Canh tôm nấu đậu hũ (đậu phụ)

Cháo hoài sơn (khoai mài), xa tiền tử (hạt mã đề)

Cá chạch nấu đậu hũ

Ngoài ra, người bị viêm TTL nên thường xuyên dùng một số thực phẩm như dưa hấu, bí xanh, bí đao, đậu xanh, nước bắp, râu bắp, quả dâu tằm, ngân nhĩ, ngó sen, rễ tranh, rau má, artichaut, hoa cúc...

Phòng ngừa viêm TTL

Để phòng ngừa viêm TTL, cần lưu ý những điểm sau: Không ăn nhiều các chất cay nóng, kích thích, các thức ăn nướng cháy hoặc chiên xào nhiều dầu mỡ khó tiêu, hạn chế rượu bia, không hút thuốc lá. Nên uống nhiều nước để giúp đi tiểu nhiều, chất dịch của TTL cũng sẽ bài tiết được dễ dàng. Cần vận động, đi lại nhiều để khí huyết được lưu thông. Tránh ngồi quá lâu hoặc đi xe đạp làm TTL bị áp lực, tuần hoàn ở vùng hội âm sẽ bị trở ngại, không được tốt. Chỉ nên ngồi trên ghế mềm, tránh ghế quá cứng. Sinh hoạt, làm việc, nghỉ ngơi có điều độ, tiết chế phòng dục, tinh thần thư thái.

Nguồn: Tuần san SGGP thứ Bảy



TƯỢNG PHẬT ZEN ART



TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT ZEN ART

ĐC: Số 64, Đường 27, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, Tp. HCM - ĐT: 0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)
Nhân tôn tạo tượng Phật trên mọi chất liệu

Sắp phát hành

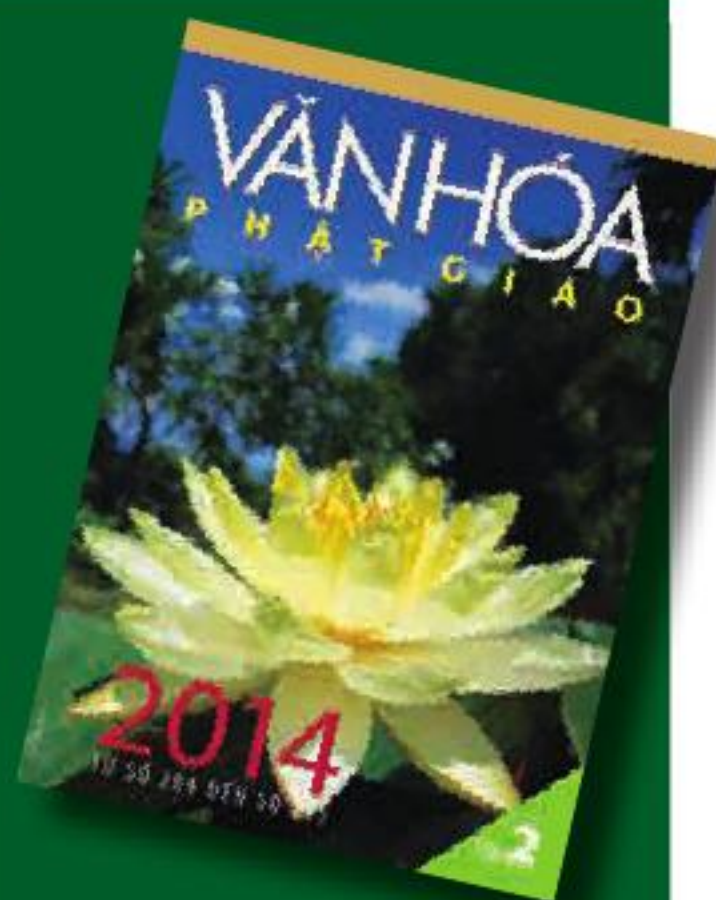
VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 2 năm 2014**,
từ số 204 đến số 215
giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại
toàn tập (tập 1 + tập 2)

2007 (tập 2): 160.000VNĐ
2008 (2 tập): 340.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ
2010 (2 tập): 380.000VNĐ
2011 (2 tập): 420.000VNĐ
2012 (2 tập): 420.000VNĐ
2013 (2 tập): 420.000VNĐ
2014 (2 tập): 420.000VNĐ

GIẤY DÁN TƯỜNG
HAPPY HOME

✓ Nhà bạn đã cũ, cần phải sơn lại mới
nhưng lại sợ bụi bặm dọn dẹp vất vả.

✓ Chúng tôi đã có giải pháp cho bạn, chỉ cần dùng giấy dán tường
không những thi công nhanh - sạch - gọn, mà còn đẹp nhiều hoa
văn để lựa chọn.



Địa chỉ: 711 Lạc Long Quân, P.10, Q. Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: (08) 6269 8888 - Hotline: 0168 898 9999

Email: giaydantuongsg@gmail.com

Website: www.giaydantuongsg.net

LỚP HƯỚNG DẪN

Tâm Thư Pháp

Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

○ Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng

○ Tại chùa **ĐẠI HẠNH**:

107/4 Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

○ Thời gian học: Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng thứ Hai
hoặc Chủ nhật hàng tuần

○ Học phí: 300.000đ/1 học viên/1 tháng

○ Nhận tổ chức triển lãm **Tâm thư pháp** cho các đơn vị có nhu
cầu (miễn phí)

○ Liên hệ: Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825**

(gặp Thầy Chính Trung)

<https://tieuun.hopto.org>

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

D13/2 Trần Nãi, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM



Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

Kính mời đăng quảng cáo & đăng ký mua báo Phật đản

Số đặc biệt Phật đản 2559 của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo dự kiến phát hành ngày 15-5-2015 (nhằm ngày 27-3 Ất Mùi), với nội dung phong phú, trình bày trang nhã, in 4 màu toàn bộ trên giấy Couché; là món quà mang đậm nét văn hóa để tặng cho đồng đạo, bạn hữu nhân mùa Phật đản.

Trân trọng kính mời chư tôn thiện đức Tăng Ni, quý Phật tử, các vị doanh nhân và quý độc giả gần xa tham gia đăng giới thiệu về hoạt động từ thiện, PR các hoạt động và sản phẩm của doanh nghiệp, quảng bá các hoạt động nhà hàng chay và văn hóa phẩm...

Giá bán : 22.000đ/cuốn

Giá đăng quảng cáo:

○ Bìa 3	8.000.000đ (kể cả thuế VAT)
○ Các trang ruột:	
1 trang	5 triệu
1/2trang	2.500.000đ
1/4trang	1.250.000đ
1/8 trang	500.000đ

Hạn chót đăng ký báo (số lượng từ 50 cuốn trở lên) và nhận file quảng cáo hoàn chỉnh ngày **8-5-2015**.



Vui lòng liên hệ:

- Đăng quảng cáo
Đạo hữu Pháp Tuệ
ĐT: 0913 810 082
- Liên hệ đăng ký mua báo
Ban phát hành
ĐT: (84-8) 38484335
Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lệ...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com

Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB, CN Bình Thạnh
Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank, CN Bến Thành



Restaurant

Chay
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh hèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lãnh (quản lý)

Trân trọng kính mời**Vên Vên Hotel Hồ Cốc**

(Nghỉ dưỡng và thiền định)

- Khách sạn tọa lạc dưới tán rừng nguyên sinh Bình Châu Phước Bửu, gần biển, cảnh quan mát mẻ yên tĩnh phù hợp cho việc nghỉ dưỡng, tọa thiền và hành thiền.
- Khách sạn tiêu chuẩn 2 sao.
- Nhà hàng phục vụ các món ăn chay và mặn.
- Nhận tổ chức cho các đơn vị có nhu cầu thực hiện thiền định.

○ **Liên hệ:** Hồ Cốc, xã Bung Riềng, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: 0643 791121 - **Fax:** 0643791122

Email: venvenhotel@gmail.com

Website: venvenhotel.com

**Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn**

○ Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.

○ Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.

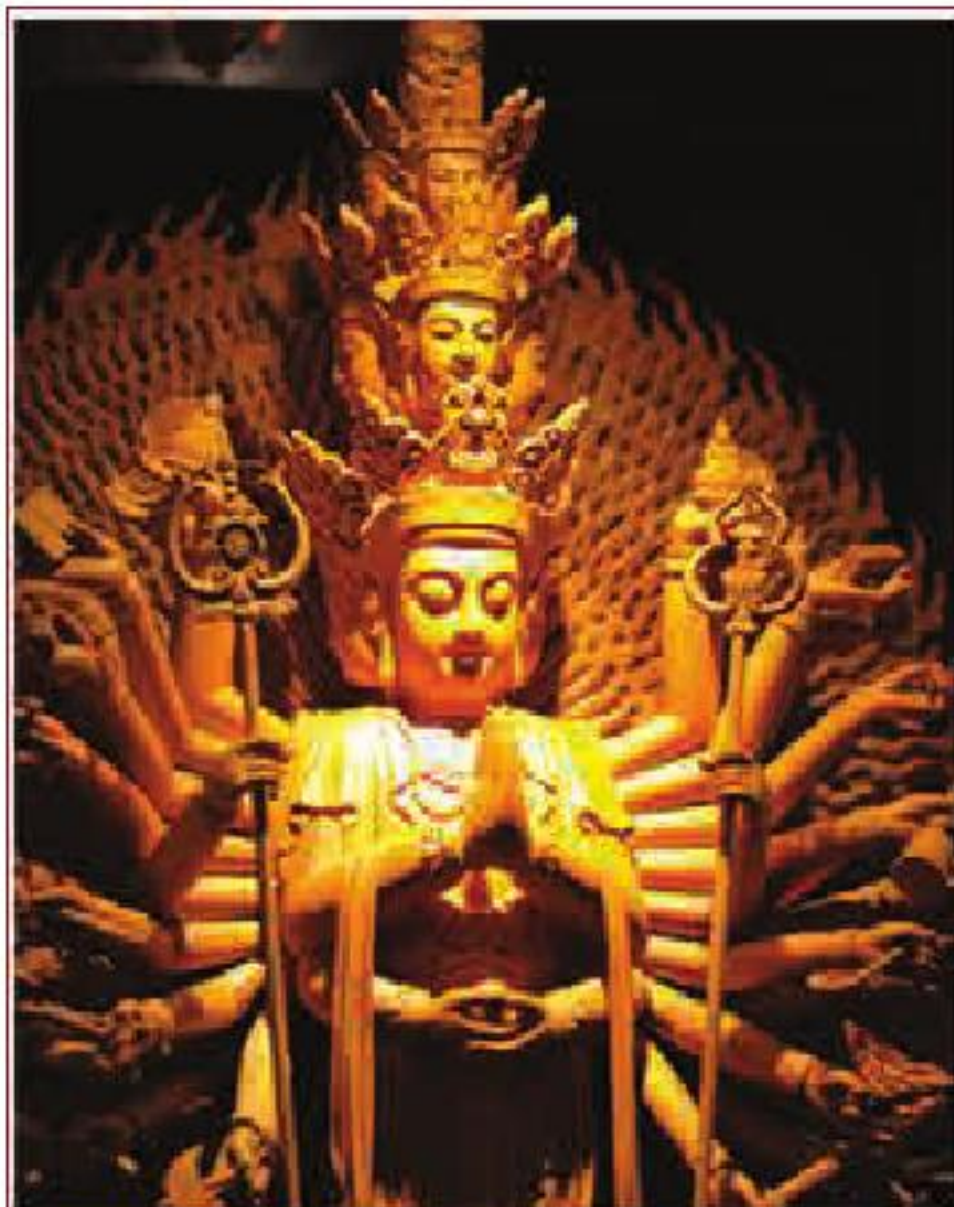
Sản phẩm của: CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN
Số 1/234/11 Cù Bốc, Phường, Cù Bốc, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
Số nhà máy: CN NHADAM VINH - CTY TNHH TMDV KHÂM TÍN
Số 2 Lô A, Cù Xá PHÚ LÂM D. P. 10, Q.6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website: www.khamtin.vn Email: khamtin1988@gmail.com

**ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG - KHỎE VÌ GIA ĐÌNH**

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

<https://tieulun.hopto.org>




DIỆU TƯỚNG AM

NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

Đến với Diety Tuong Am, nơi Quý khách gieo duyên cùng với Phật, Quý vị có thể thỉnh cho mình một Pho tượng Phật để cung kính cùng dường hay tặng cho những đạo hữu đồng tâm, hay chỉ duyên vì đến chiêm ngưỡng Phật, uống một tách trà, cùng mỉm cười với Phật...



Website: www.dietuongam.com

DIỆU TƯỚNG AM NAM KÝ
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
ĐT: (08) 38 484558 - Hotline: 0906.955.663

DIỆU TƯỚNG AM 3/2
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, TP.HCM
ĐT: (08) 38 684913 - Hotline: 0902.848.363

MIỄN PHÍ THIẾT KẾ CHÙA - ĐÌNH

Kiến trúc: KTS Huỳnh An - Huỳnh Kim Tường
0908 790 200 - nguyen_cn01@yahoo.com

Kết cấu: KS Nguyễn Văn Đức
0903 735 580 - duc@tannharong.vn

Công ty Tư vấn xây dựng TÂN
chuyên thiết kế chung cư xanh



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

NHÀ MAY VẠN HẠNH

CHUYÊN MAY PHÁP PHỤC TU SĨ:
Y - HẬU - ÁO TRÀNG - NHỰT BÌNH V.V...
QUỐC PHỤC - MÃO

Gặp Anh Triều - Chị Thảo

241 NGUYỄN THAI BÌNH - PHƯỜNG 4 - TÂN BÌNH
TP. HỒ CHÍ MINH *ĐT: 38853053 *DD: 0906046141
Email: nhamayvanhanh241@gmail.com
Web: phapphuctusi.com



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHE CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐT: 0989 183 398

- ☐ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
 - ☐ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com, vn

Website: www.quangnghecandle.com

<https://tieulun.hopto.org>



Nhà hàng chay Thiên Duyên

Nét chấm phá mới của ẩm thực chay Sài Gòn



là những Phật tử đầy tâm huyết và rất hoan hỷ nên đã không tiếc công sức, tiền của để đầu tư cho Thiên Duyên với hệ thống nội thất hoàn chỉnh, đẹp, hiện đại nhưng rất hài hòa, mang không gian thiền, mọi thiết kế đều hết sức nhẹ nhàng và tinh tế đến từng góc nhỏ nhất. Thiên Duyên muốn tạo ra một sự khác biệt ở chất lượng và hình thức của món ăn nên đã cất công mời được những đầu bếp tài hoa, nổi tiếng, yêu nghề và đã tìm được những nguồn cung cấp thực phẩm tươi ngon và an toàn nhất. Đội ngũ nhân viên nhà hàng từ quản lý đến phục vụ được đào tạo bài bản để phục vụ thực khách với phương châm vừa trân trọng như khách quý, vừa chân thành như người nhà.

Quý khách đến với *Nhà hàng chay Thiên Duyên* để thưởng thức những món chay tuyệt hảo, để cảm nhận sự thanh tịnh của chốn thiền môn và để cùng với Thiên Duyên phát tâm thiện nguyện. Bởi nhà hàng chay Thiên Duyên sẽ dành phần lớn sự hoan hỷ ủng hộ của quý thực khách cho các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

An chay đang là một xu thế rất thịnh hành tại Việt Nam, nhất là ở những thành phố lớn như TP.HCM. Vấn đề thừa cân, béo phì và sự mất an toàn của thực phẩm có nguồn gốc từ động vật đang được đông đảo người dân quan tâm. Những món ăn ngon lành, bổ dưỡng, đẹp mắt được chế biến từ nguồn rau, đậu, củ, quả sẽ mang lại cho con người một sự cân bằng cần có trong chế độ dinh dưỡng hàng ngày. Khoa học đã chứng minh rằng, nguồn đạm từ thực vật giúp cơ thể chúng ta hấp thu tốt nhất dưỡng chất, không tạo ra những nguy cơ hiện tại và tiềm ẩn cho sức khỏe.

Trong cuộc sống hiện đại, chúng ta không chỉ cần ăn cho ngon, ăn cho đủ dinh dưỡng mà còn hướng đến hai mục đích quan trọng là ăn để giữ gìn sức khỏe và sắc đẹp. Ăn món chay vì thế đã trở thành sự lựa chọn của nhiều thực khách khi đến nhà hàng. Các nhà hàng chay ra đời rất nhiều trong hơn mười năm qua. Điều ấy đã giúp tôn vinh ẩm thực chay, ẩm thực chay dần dần xác lập vị trí quan trọng của mình trong nghệ thuật ẩm thực của người Sài Gòn nói riêng và người Việt Nam nói chung. "Văn

hóa ăn chay" không còn dành riêng cho các bậc tu sĩ nữa mà đã là văn hóa phổ biến của mọi tầng lớp nhân dân. Các đầu bếp tài hoa của ba miền Bắc - Trung - Nam đã tôn vinh ẩm thực chay Việt, đã giúp ẩm thực chay Việt vươn đến các giá trị chân - thiện - mỹ. Ẩm thực chay đã cùng với các phương diện văn hóa khác góp phần giúp cho con người sống khỏe, sống tốt và sống đẹp hơn.

Như một nét chấm phá mới, làm hoàn thiện và độc đáo hơn cho "ẩm thực chay Sài Gòn", *Nhà hàng chay Thiên Duyên* ra đời. *Nhà hàng chay Thiên Duyên* phát tâm hướng đến mục tiêu trở thành nhà hàng chay lớn nhất, tinh tế, ngon và làm được nhiều điều thiện nguyện nhất.

Trên con đường thiền lý xuôi ngược Bắc - Nam, đoạn Xa lộ Hà Nội, cách cầu Sài Gòn 3km, không ai không chú ý đến một ngôi chùa to lớn đang trong quá trình hoàn tất, đó là Pháp viện Minh Đăng Quang. *Nhà hàng chay Thiên Duyên* có được duyên lành đầu tiên khi tọa lạc ở ngay góc phải mặt trước của Pháp viện. Nhà hàng mang dáng dấp một ngôi chùa Việt Nam rất hiền hòa, thanh thoát với hai tầng, có sức chứa hơn 500 khách. Chủ nhân của nhà hàng

○ *Nhà hàng chay Thiên Duyên* rất hân hạnh phục vụ trên 60 món chay ngon lành, tinh tế và tuyệt đối an toàn. Ngoài ra, nhà hàng còn có không gian cà-phê rất độc đáo với hàng chục món nước bổ dưỡng, được pha chế công phu bởi những bartender lành nghề.

○ Tầng lầu nhà hàng được thiết kế với không gian và sân khấu để tổ chức các sự kiện như tiệc chay, đám cưới (hàng tuần), đón khách du lịch và khách hành hương. Cho thuê hội trường tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, giao lưu...

○ Hàng tháng, nhà hàng còn tổ chức những tiệc buffet chay vào ngày rằm, mừng một và những ngày lễ Phật giáo.

○ Tổ chức tọa đàm về văn hóa Phật giáo, văn hóa ẩm thực, sức khỏe dinh dưỡng định kỳ.

Mọi chi tiết xin liên hệ:

www.nhahangchaythienduyen.vn

ĐC: 505 Xa Lộ Hà Nội, P.An Phú, Q.2, TP.HCM
(Trong khuôn viên Pháp viện Minh Đăng Quang)

ĐT: (08) 6683.8999

Email: amthucchaythienduyen@gmail.com



<https://tieulun.hopto.org>



Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Số 225

Số đặc biệt mừng Đại lễ Phật đản

Phát hành ngày 15 - 5 - 2015

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH: HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay – trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ
Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG
Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Quầy báo
110 Lê Lợi, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113894929 - 0168242401
(Kim Khánh)

QUẢNG NGÃI
Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH
Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiền Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA
Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 – 0168 2552 374

NINH THUẬN
Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK
Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 – 0913 434 138

LÂM ĐỒNG
Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG
Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ
Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 – 07103827685

TIẾN GIANG
Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 – 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG
Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 – 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH
Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

<https://tieulun.hopto.org>

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG